

15 THÁNG 2 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ A I

năm mười một

TRẦN HƯƠNG TỬ *ngày xuân con én đưa thoi* ★
NGUYỄN HIỂN LÊ *trên mười năm cầm bút và xuất bản* ★
DUY *mười năm kinh tế* ★ LÊ PHƯƠNG CHI *tâm sự*
Phạm Duy ★ TRẦN VĂN KHÊ *hội nghị quốc tế âm nhạc*
Á châu ★ CUNG GIỮ NGUYÊN *trong đêm trường còn*
có ánh trăng sao ★ TRÙNG DƯƠNG *mưa không ướt*
dất ★ NGUYỄN HIỂN LÊ *Walt Disney thi sĩ của màn*
ảnh ★ THANH THIÊN *nhận xét về dự án Hiến pháp* ★
THỂ UYÊN *tiền đồn* ★ BÙI KHÁNH ĐÀN *chân cầm* ★
XUÂN HIỂN *mười năm gần máy* ★ TRẦN TRIỆU
LUẬT *nguyên văn trung sau 10 năm cầm bút* ★ VŨ
HẠNH *mười năm cầm bút*
★ SINH HOẠT TRÀNG
THIÊN *thời sự văn nghệ.*

243

SỐ TÂN NIÊN



SINERGYL

SIROP

Répazateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 cc.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai lộ Nguyễn-Huê - SAIGON



Distributeur : **UFFARMA Công Ty** 20/A, Bến Bạch-Dang, Saigon

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 243 ngày 15 - 2 - 1967

TRẦN HƯƠNG TỬ <i>ngày xuân con én đưa thoi</i>	3
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>trên 10 năm cầm bút và xuất bản</i>	7
DUY <i>10 năm kinh tế</i>	15
LÊ PHƯƠNG CHI <i>tâm sự Phạm Duy (phỏng vấn)</i>	23
TRẦN VĂN KHÊ <i>hội nghị quốc tế âm nhạc Á châu (lá thư nước ngoài)</i>	31
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>trong đêm trường còn có ánh trăng sao (nhật ký)</i>	37
BÙI KHÁNH ĐÀN <i>chân cảm (thơ)</i>	46
XUÂN HIỂN <i>mười năm gần đây (thơ)</i>	46
TRÙNG DƯƠNG <i>mưa không ướt đất (truyện ngắn)</i>	47
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Walt Disney thi sĩ của màn ảnh</i>	55
THANH THIÊN <i>nhận xét về dự án Hiến pháp</i>	62
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	65
TRẦN TRIỆU LUẬT <i>Nguyễn văn Trung sau mười năm cầm bút</i>	
	(phỏng vấn) 73
VŨ HẠNH <i>mười năm cầm bút</i>	81
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn-ngệ</i>	90

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 20\$ - Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

BACH-XHOA THOI-DAI

trong những số tới

Giáo dục và vấn đề lý tưởng cho thanh
thiếu niên

ĐOÀN NHẬT TẤN

Chính sách Cộng sản đối với Phật giáo

Trung Hoa

NGUYỄN KHÁNH HÒA

Nam Dương, từ Sukarno đến Suharto

TỪ TRÌ

Giấc mộng «kinh sư»

PHAN DU

Nhớ và nghĩ về bài quốc-ca Việt

NGUYỄN NGU Í

Thế hệ không nụ cười

VÕ PHIẾN

Phân tích căn nguyên sự chậm tiến về

khoa học tại Á-châu thời đại trung cổ

NGUYỄN TRINH DZOANH

Nét đẹp quê hương

LINH BẢO

Nguồn nước cạn (truyện ngắn)

VU ĐOÀI

Chia tay (truyện ngắn)

Y UYÊN

SÁCH MỚI

Ba năm xáo trộn của Lý Chánh Trung do Nam sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang, gồm những bài báo của tác giả «trong 3 năm nay từ những tháng cuối cùng của chế độ Ngô đình Diệm». Giá 80đ.

Hoa nắng tập thơ của Thi-Vũ do Hoa-nắng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang, in ronéo 2 mặt, khổ 15x27 gồm 51 bài thơ, do nhà thơ Quách-Tấn đề tựa, nhà thơ Phạm Công Thiện đề cảm (bằng Anh ngữ). Trình bày rất trang nhã không đề giá bán.

Mùa xuân xa tập thơ của Thi-Vũ do Hoa nắng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, in ronéo 2 mặt, khổ 15x27, gần 50 bài thơ, chia làm 3 phần. Trình bày trang nhã, không đề giá bán

Vừa đi vừa ngược nhìn, tập truyện của Trùng-Dương do Khai-tri

xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm đầu tay của Trùng-Dương dày 164 trang gồm 3 truyện: *Sao rụng; Vừa đi vừa nhìn; Miền chân trời*. Giá 60 đ.

— **Hoa Thiên Xuân Đình Mùi**, do Phật-Học Viện — Huệ-Nghiêm ấn hành. Mỗi số dày trên trên 100 trang, khổ 21 x 29, gồm nhiều bài giá trị. Giá 60 đ.

HỘP THƯ

Ô. Mai quế Anh (Saigon). Rất cảm ơn ông về những lời chân thực trong thư. Chúng tôi sẽ xin lưu ý về các đề nghị của ông. Giá bán phải in ở gáy báo để bạn đọc khỏi lầm những khi giá báo thay đổi. Mong ông thông cảm cho.

NGÀY XUÂN

con én đưa thoi...

Kính nhớ Song thân
TRẦN - HƯƠNG - TỬ

(Xin xem BK.TD. từ số 241-242)

Thứ hai là loại thời gian được coi là không mất mát đi.

Hai sinh viên cùng ghi tên một ngày vào Đại-học Văn-khoa, một anh say mê học tập, say mê đọc sách, say mê với lý tưởng trở thành một văn sĩ kiêm triết gia, còn anh kia chẳng say mê gì hết, chỉ thỉnh thoảng đi nghe giảng bài, còn thì đề thời giờ "nay xuống đường, mai xuống xóm". Cuối năm, sự khác biệt thật là rõ rệt : anh sau không có cuộc đời vì thời giờ của anh đã tan bay lãng phí, còn anh trước đã tiến nhiều trong việc thể hiện cuộc đời anh, mỗi ngày tháng trôi qua là một viên gạch xây dựng điều mà anh đã dự trù.

Viết đến đây, tôi sức nhớ những trang Gaston Berger dành cho sự phân tích 8 loại tính tình. Chúng ta hãy thử nhìn vào vài loại điển hình. Tôi xin đưa ra hai loại tượng trưng cho thứ thời gian trôi dạt, và hai loại cho thứ thời gian bền vững. Trước hết là loại Vô-phạm (amorphes) với những đặc điểm là: bất cảm, bất hoạt, khởi (non-Emotif, non-Actif, Primaire). Và đây là khuôn mặt loại này : gọi họ là vô-phạm vì họ không có bản lĩnh nào hết ; tính tình dễ dãi, đứng dưng, mặc dầu đôi khi ương ngạnh vô lối ; thường được coi là hiền hoà ; rất lười ; không bao giờ đúng giờ ; không nghĩ gì đến quá khứ, lại càng dửng dưng với tương lai ; thích âm nhạc.

Điềm trời vượt : Họ là người luôn cần vui thỏa (plaisir).—Loại nữa là Nông-nổi với những đặc-điểm : Cảm, bất hoạt, khởi (Emotif, non-Actif; Primaire). Khuôn mặt của loại này được biểu lộ qua những nét : tính khí thay đổi ; thích người ta chú ý đến mình ; phán đoán rất chủ quan, hay thêm bớt theo dẹt ; thích cái kỳ dị, giật gân ; làm việc thất thường, và chỉ làm khi có hứng ; luôn cần được kích thích thì mới ra khỏi tình trạng bất động và buồn chán. Điểm trời bật : luôn cần giải khuây. Các nhà tính tình học đã quan sát tỉ mỉ và nghiên cứu chắc chắn, nét vẽ của các ngài thật là rõ ràng qua hai bức trên đây về hai loại tính tình. Nên chú ý hai điểm trời bật của hai loại trên đây : cần thỏa thích và cần giải khuây (le plaisir ; le divertissement). Thật là đúng với những điều chúng ta vừa bàn về những loại người có đời sống tản mát, thời gian luôn phân tán và mất mát.

Và Berger cũng vẽ khuôn mặt hai loại ; tính tình nữa bằng những nét đích xác : loại đam mê và loại nóng-nảy. Loại đam mê có những đặc-điểm : Cảm, Hoạt, Hậu (Emotif, Actif, Secondaire). Khuôn mặt của họ là : có nhiều kỳ vọng và luôn thể hiện những kỳ vọng đó ; nhân cách thường căng thẳng luôn ; hành động luôn quy về một mục đích duy nhất ; có khiếu chỉ huy ; biết chế ngự và xử dụng tính hăng hái của mình ; tận tâm, cao thượng

ăn nói có duyên; thành tâm với gia đình, tổ quốc và tôn giáo; ý thức sâu xa về danh dự; giảm bớt những nhu cầu thân thể đến nỗi nhiều khi tới mức khổ hạnh. *Điềm trời vượt: thể hiện một công cuộc.* — Loại Nóng-nảy cũng giống loại đam mê về hai đặc điềm: Cảm và Hoạt, nghĩa là dễ phản ứng và dễ tự phát, nhưng đam mê là loại sâu (Hậu) còn nóng nảy là loại nông (Khởi). Những đặc điềm của Nóng nảy là: Cảm, Hoạt, Khởi. Và khuôn mặt của tính Nóng nảy là quảng đại, tình-ngĩa, đầy sức sống; lạc quan, vui tính, nhưng ít chừng mực; hoạt động mạnh mẽ say mê, nhưng hoạt động của họ bị phân tán về nhiều mục đích; ham làm chính trị, tin vào tiến bộ; có tài hùng biện, có tài lôi cuốn quần chúng. *Điềm trời vượt của họ: Hành động.*

Hai loại trên đây chỉ khác nhau một điềm, một nông một sâu vậy mà tính tình đi tới hai hậu quả cách xa nhau: một bên chỉ cần hành động cho thoả thích, chẳng biết hành động của mình có đạt tới đích không, một bên thì luôn nhắm một mục tiêu duy nhất cho mọi hành vi của mình, nhất định sẽ thể hiện công cuộc mà họ tự cho là ý nghĩa cả cuộc đời của họ (Coi G.BERGER, *Traité pratique d'analyse du caractère*, PUF 1961, p.32-33). Người đam mê là loại người thành công ở đời. Họ cũng là những bậc kỳ tài trong thiên hạ: họ là những vị thánh như thánh Ignace, là những vị tướng như Napoléon, là những nhà tư tưởng như Pascal, là những nhà bác học như Pasteur, là những nhà nghệ thuật như Michel-Ange. Cuộc đời họ chỉ chủ tâm thể hiện một công cuộc thôi. Nên chú ý hai câu trên đây của khoa tính tình học dành cho họ: *nhân cách căng thẳng luôn,*

hành động luôn quy về một mục tiêu và *điềm trời vượt: thể hiện một công cuộc*. Đời của họ không hở chỗ nào để chán nản chen chân vào. Thời gian của họ không phân tán mất mát đi đâu, vì đã luôn quy hướng về một đích. Đó là loại tính tình lý tưởng nhất. Loại này có thể nói là không bao giờ cần giải khuây: không cần, vì nhân cách họ luôn *tha thiết* hướng về công cuộc họ đang say mê thể-hiện; không cần, vì đời họ, thời giờ của họ không bao giờ thừa, không bao giờ bị cắt bởi những quãng trống rỗng để buồn chán có thể len vào. Còn như sinh-hoạt của loại Nóng nảy, tuy đã tốt lắm, nhưng vì thiếu «nhất quán» cho nên tiếp theo những giờ hành động hăng say, còn có thể có những giờ trống trải, và buồn chán vẫn lui tới trong đời họ. Họ vẫn cần giải khuây.

Với loại người đam mê, chúng ta vừa gặp một thứ thời gian không mất mát. Không mất mát, vì sinh hoạt của họ luôn trung thành với chủ đích mà họ đã tự chọn. Đối với họ, quá khứ không mất đi, vì họ đã tiếp tục quá khứ đó trong hiện tại hôm nay: hiện tại không từ bỏ quá khứ, nhưng tiếp tục công cuộc của quá khứ. Họ không phủ nhận quá khứ như bọn Don Juan, như hạng bay bướm: họ hãnh diện và bám sát vào quá khứ của họ. Họ nói như Husserl: «Tôi chỉ là cái tôi đã là», chính quá khứ của tôi đúc nên người hôm nay của tôi, chính quá khứ đã dẫn tôi vào hiện tại của tôi hôm nay. Đàng khác, tương lai cũng là một cái gì đã hiện-hiện cho họ trong dự phóng hiện sinh của họ: nếu con người là dự phóng theo nghĩa triết hiện sinh, thì tương lai là cái có lắm, hiện hữu lắm đối với con người đam mê, Heidegger có

lý đề quyết rằng trong ba xuất thế của thời gian — quá khứ, hiện tại và tương lai — thì tương lai là thế quan trọng nhất : chính tương lai là hình ảnh của dự phóng hiện sinh. Tương lai quyết định cho tất cả ý nghĩa cuộc đời ta : vì tôi dự phóng làm văn sĩ, làm nhà bác học, nên tôi tự ý hy sinh không ngao du như bạn bè, không sống biếng nhác như những ai chỉ cần học vừa đủ để kiếm mảnh bằng để sinh nhai. Dự phóng của tôi buộc tôi làm việc đêm ngày, và tôi thấy khoái trá trong sự cần cù đó cũng như một nhà buôn say mê buôn ba kiếm lời. Nhà buôn sung sướng kiếm lời và nhìn kết bạc của mình càng ngày càng lớn như mình đã mộng ; người sinh viên say mê với dự tính làm văn sĩ cũng sung sướng không kém, thu thập mỗi ngày thêm kiến thức và kinh nghiệm, thấy rằng mộng của mình càng ngày càng trở thành sự thực.

Thánh Augustin quả quyết thời gian của ta, trong những trường hợp đó, không mất mát đi đâu : quá khứ và tương lai đều hiện hữu như hiện tại. «Nói về quá khứ của mình, con người chỉ nói thật nếu họ coi quá khứ là một hiện hữu. Về tương lai cũng thế, cái gì không có ta không thể nói được : vậy khi nói về tương lai, con người coi nó như hiện hữu rồi đó. Theo nghĩa này, quá khứ và tương lai cùng hiện hữu. Và một khi biết rằng quá khứ và tương lai hiện hữu, tôi muốn biết chúng hiện hữu ở đâu. Nếu tôi chưa đạt được ý nguyện đó, ít ra tôi cũng biết rằng hễ chúng hiện hữu phất định chúng không hiện hữu như quá khứ hoặc tương lai, nhưng hiện hữu như hiện tại. Bởi vì nếu tương lai thì nó chưa có, mà quá khứ là quá khứ thì không còn. Nên dầu chúng ở đâu và

thế nào đi nữa, chúng chỉ hiện hữu như hiện tại (Car si l'avenir y est comme avenir, il n'y est pas encore, et si le passé y est aussi comme passé, il n'y est plus. Donc, où qu'ils soient et quels qu'ils soient, ils n'existent que comme présents)», (Sd, trg 202).

Quá khứ là quá khứ thì mất rồi, tương lai là tương lai thì chưa có : đó là thời gian của những *don Juan*. Còn thời gian của những con người đam mê miệt mài thể hiện công cuộc của mình, thì quá khứ vẫn đó, vẫn hiện hữu như hiện tại, bởi vì, như Merleau-Ponty đã viết Hiện tại của tôi là lúc này, là hôm nay, và có thể là năm nay và cả cuộc đời tôi. Không cần một tổng hợp nào để liên kết các thời gian của tôi lại hết, vì mỗi thời gian đều mở thông sang các quãng thời gian khác. Tôi là thời gian, chứ tôi không đứng ngoài nhìn thời gian. Tôi là thời gian, một thời gian «còn mãi», không «trôi qua» và cũng không «thay đổi» như Kant đã viết trong một trang nào đó của ông (Je suis moi-même le temps, un temps qui «demeure» et ne «s'écoule» ni ne «change» comme l'a dit Kant dans quelques textes) » MERLEAU-PONTY, *Phénoménologie de la perception*, p. 481-482). Con người đam mê, con người sống có chủ đích, có hăng say thực hiện một công cuộc, thì cả cuộc đời là một thời gian duy nhất, một thứ hiện tại kéo dài từ quá khứ đến tương lai : quá khứ vẫn hiện tại, tương lai đã hiện tại rồi trong trừu-định. Tương lai không phải là một cái gì xa lạ xảy đến cho người sống có lý tưởng và chương-trình. Tương lai là cái họ đã bắt đầu và đang thi hành từ lâu. Như vậy hiện tại của họ kéo dài và tiếp tục quá khứ, đồng thời làm tương

lai trở nên cùng một tấm với hiện tại : tương lai và hiện tại liền một tấm, như tấm vải không có chỗ cắt nối.

oOo

Qua những nhận định tâm lý của Berger và Merleau-Ponty, chúng ta thấy tâm lý học cũng có một cái nhìn như triết học về thời gian : có thời gian luôn mất đi, và có thời gian không phân tán và không mất đi, tựa hồ như một khối toàn bích. Phải chăng thời gian là cái vốn mà Tạo-hóa ban cho mỗi người chúng ta để làm người theo ý mỗi người ? Phải chăng triết hiện-sinh đã có lý để đồng-hóa hiện hữu và thời gian ? Và hiện sinh, khi đồng nghĩa với tự do nhân vị, tự do làm người, tự do trách nhiệm, phải chăng tự do đó là tự do dùng thời gian sinh hoạt ?

Con người là con vật buồn, vì con người được Tạo-hóa cho khả năng rút mình ra khỏi hiện tại, chứ không nhất thiết bị gắn chặt vào phút hiện tại như loài vật hay trẻ thơ. Nhưng con người còn được Tạo-hóa ban cho một khả năng quý giá hơn nhiều : đó là khả năng hiện

tại hóa cả quá khứ và tương lai, hầu ở trong một thứ hiện tại kéo dài cả năm cả đời. Hiện tại này là hình ảnh xa mờ con người có thể có về vinh cửu tính nơi Thượng đế : đối với những hiện tại này, thời gian như không bị chia cắt, phân tán, không trôi mất nữa, không có thời gian nữa.

Con người linh hơn vạn vật. Con người chỉ vui khi sinh hoạt trong lãnh vực dành riêng cho mình. Nếu con người sinh hoạt như sinh vật, gắn chặt vào mỗi phút hiện tại của ngoại vật, rồi qua mắt với hiện tại, để lao mình vào tương lai như bị ném vào một chuyện bất ngờ, thì con người không có phương được nào chữa cho mình khỏi chứng «sầu thiên cổ». Sau mỗi cuộc du hí là hết một thời gian, là một cái hết, một cái chết, một cái buồn chán. Ngày xuân chúng ta cầu chúc nhau không bao giờ buồn, không bao giờ hết, vì chúng ta có lý tưởng cho đời ta : cả cuộc sống trăm tuổi chắc cũng không quá dài để hoàn tất công cuộc đó.

TRẦN HƯƠNG TỬ

14.XII.1966)

● đón đọc tác phẩm mới của nhà xuất bản : **NHÂN CHỨNG**

HIỆN-THÂN

thơ Phở-đức — Bìa của họa sĩ Duy-Thanh — Lời bạt của thi sĩ Đinh-Hùng
Phụ bản của nữ sĩ Hoàng-Hương-Trang, Trương-thị-Kim-Trinh và Duy-Thanh

SỬA SOẠN PHÁT HÀNH

CỎ KHÔ

● truyện dài của nhà văn

KIÊM THÊM

Trên 10 năm cầm bút và xuất bản

(Hồi ký và cảm tưởng vụn)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 241-242)

Mấy năm đầu sau thế chiến, ngành xuất bản của ta tiêu điều lắm. Người ta chỉ in ít tiểu thuyết, như của Lý Văn Sâm, ít sách giáo khoa tiểu học, ít cuốn về chính trị như của Trình Quốc Quang và một số tác phẩm cũ. Người ta kể chuyện hồi 1950, một người ở Hà Nội có sáng kiến tái bản truyện Kiều : in cho thật mau 5000 bản, bán hết liền, rồi in lại 10.000 bản cũng hết nữa, sau in thêm 20.000, 30.000 bản, cũng hết. Mới hồi cư, sách vở mất hết, ai chẳng muốn có một cuốn Kiều để ngâm nga cho đỡ buồn. Chẳng mất công gì cả, chỉ cần mau chân mau tay mà kiếm được một số tiền khá lớn trong có vài tháng. Tất nhiên «bồng» đó chỉ được hưởng một lần thôi.

Từ 1950 đến nay, ngành xuất bản đã tấn bộ nhiều, nhờ số học sinh tăng lên mạnh, Việt ngữ được dùng làm chuyên ngữ ở Tiểu học rồi Trung học, nhờ cuộc di cư của các nhà văn và nhà xuất bản Bắc sau hội nghị Genève, nhất là nhờ lòng yêu nghề của một số nhà xuất bản. Từ 1958-1959 tình hình mỗi ngày một thêm khó khăn, các nhà đó càng phải

gắng sức. Nhà thì cố hạ giá bán cho thật rẻ để sách được phổ biến rộng (làm ta nhớ tới loại Phổ thông bán nguyệt san của nhà Tân Dân, nhưng nội dung và hình thức mới hơn); nhà thì đặc biệt chú trọng tới công việc ấn loát cho thật đẹp và sang, (cuốn Tìm hiểu hội họa chẳng hạn); nhà thì trình bày nhã nhặn mà rất có nghệ thuật; nhà thì lựa chọn tác phẩm kỹ lưỡng, miễn là có giá trị chứ không cần bán được nhiều (một ngàn, ngàn rưỡi cuốn thôi); nhà thì dám bỏ ra một số vốn lớn in những bộ sách khảo cứu rất dày mà ngay những cơ quan văn hóa của chính quyền ngân sách luôn luôn dư, cũng không dám in ; nhà thì xuất bản những cuốn bằng ngoại ngữ để giới thiệu văn chương nước nhà với ngoại quốc, dù có lỗ cũng vui lòng chịu ; nhà lại chuyên in Ronéo độ trăm bản để « phổ biến » trong số văn hữu... Những nhà đó đều có thiện chí góp công về văn hóa.

Nhưng tôi thú thực chưa phục nhà nào bằng nhà P. văn-Tươi. Mà chẳng phải chỉ riêng mình tôi phục, nhiều bạn

đồng nghiệp của tôi cũng đều nhận rằng từ xưa tới nay chưa có nhà xuất bản nào phát mau như nhà ấy.

Chưa đầy một năm sau khi thành lập (vào khoảng 1949 hay 1950), nhà P. Văn-Tươi đã được sự tin cậy của rất nhiều độc giả đến nỗi có người đã phải ghen, mĩa mai này nọ. Sách bán rất chạy, in hai ba ngàn bản chỉ sáu tháng hay một năm là hết. Tới thời toàn thịnh của ông—tức thời ông cho ra tuần báo *Mới*, cửa tiệm ở đường Sa-bourain (hình như trong hồi thế chiến, chính là tiệm sách Nguyễn Khánh Đàm) thành chỗ hội họp của nhà văn và các người yêu sách ở Saigon.

Đã thành công rực rỡ trong loại học làm người rồi, ông can đảm cho ra loại Doanh nghiệp nữa, ra đều đều (trước sau đều được trên mười cuốn) mặc dầu loại này bán chậm, (có cuốn năm mười năm mới bán hết ba ngàn bản), vì lẽ rất dễ hiểu là nước ta hồi đó rất ít nhà doanh nghiệp mà tới ngay bây giờ, các nhà doanh nghiệp của mình vẫn thành công dễ dàng bằng phương pháp chạy chọt, chưa cần đến phương pháp tổ chức công việc làm ăn.

Loại doanh nghiệp chưa đứng vững thì ông ra tờ tuần báo *Mới* và dự bị cho ra một loại sách tựa như loại *Que sais je* của Pháp. Ông đã nhờ vài nhà viết, đã có được một vài bản thảo, lại cho vẽ bìa rồi nữa, nhưng rồi phải ngưng vì ông thất bại trong những cây việc làm ăn khác, và tới bây giờ, mười lăm năm sau, vẫn chưa có nhà nào dám nối gót ông cả.

Ông Tươi có nhiều sáng kiến, có một chủ trương rõ rệt, tuy thực tế, rất chú trọng tới phương diện

thương mại mà cũng biết giữ chí hướng. Những tác phẩm ông xuất bản không có giá trị về văn học — dĩ nhiên — nhưng rất có giá trị về một phương diện khác: giúp một cách gián tiếp cho sự phát triển kinh tế ở trong nước.

Tôi chắc chắn rằng hồi 1949 hay 1950 ông cũng như mọi người khác ở Việt Nam, chưa hề biết thuyết phát triển kinh tế, vì thuyết đó chưa thành hình, các nhà kinh tế học như Clark, Myrdal, Fourastié, Rostow còn đang nghiên cứu, chưa tìm ra được nó.

Theo thuyết ấy thì sự phát triển kinh tế phải trải qua năm giai đoạn như sau:

1 — Xã hội cổ: các hoạt động sản xuất rất hạn chế, theo những phương pháp cổ, thiếu tính cách khoa học.

2 — Giai đoạn dự bị, tức giai đoạn ở cuối thế kỷ 17 và đầu thế kỷ 18 tại phương tây: người ta bắt đầu có ý niệm về sự tấn bộ kinh tế nhờ nhiều phát minh mới của khoa học; một nhóm người có tinh thần kinh doanh đã nghĩ tới việc phát triển kinh tế, tiết kiệm để đầu tư,

3 — Giai đoạn bắt đầu phát triển mạnh: người ta đầu tư nhiều, mở mang mọi ngành tức giai đoạn ở hậu bán thế kỷ trước tại Châu Âu,

4 — Giai đoạn thành thực, tức giai đoạn của Âu Châu đầu thế kỷ này.

1 — Giai đoạn đại chúng tiêu thụ mạnh mẽ, tức giai đoạn của Âu châu

và Nhật Bản hiện nay, của Huế Kỳ từ hai ba chục năm trước.

Ở nước ta, giai đoạn đự bị bắt đầu vào khoảng 1930, một số người đã tin ở kỹ thuật, ở sự phát triển của kinh tế, sự gắng sức, nói chung là ở sự tấn bộ.

Thời xưa, các cụ vẫn có thể gắng sức để cải thiện đời sống mà leo lên những bậc thang cao trong xã hội bằng con đường khoa cử. Đời cha nghèo vô học, răn cần kiệm cho con ăn học, con thành thầy khóa, thầy đồ; đời con lại gắng nữa thì tới đời cháu có thể thành ông Tú ông Cử. Không theo con đường khoa cử mà làm thợ làm ruộng hoặc đi buôn thì có thể giàu một cách tương đối chứ không thể nào tiến lên hạng thượng lưu, hạng cầm quyền được.

Từ 1930 trở đi, tình thế đã khác. Có thêm nhiều ngành hoạt động; trên thương trường, trong giới kinh doanh, ngay cả trong giới làm báo, người ta đã thấy nhiều người không có bằng cấp hoặc chỉ có những bằng cấp trung bình mà do sự tự học, sự gắng sức, cũng do khôn lanh nữa, làm giàu mau lại chiếm được những địa vị cao trong xã hội, vừa phú vừa quý. Bạch Thái Bưởi được các «thượng quan» trọng và nể, nhiều người kém Bạch Thái Bưởi được bầu làm dân biểu, Phạm Quỳnh được dạy ở Đại học rồi làm thượng thư...

Người ta thấy rằng bất kỳ ai, hễ có chút thông minh mà lại chịu gắng sức, chịu mạo hiểm kinh doanh, có chút sáng kiến, cũng có thể nâng cao địa vị trong xã hội của mình được.

Tinh thần đó cần thiết cho sự phát triển kinh tế và một số nhà văn trong

nhóm Hàn Thuyên đã lơ mờ nhận thấy vậy, nên soạn vài cuốn về kinh doanh; một người soạn (hay dịch) một cuốn về tinh thần khoa học được một giải thưởng văn chương Alexandre de Rhodes, nhóm Tự Lực cũng xuất bản cuốn Mười điều tâm niệm của Hoàng Đạo và dịch ít đoạn trong cuốn *Le chemin du bonheur* của Victor Pauchet.

Tóm lại, người ta đã thấy cần phải cải tạo tinh thần của thanh niên, để thích ứng với thời mới, và lớp thanh niên được cải tạo đó sẽ là lớp người mở đầu cho giai đoạn phát triển kinh tế sau này. Như người Pháp nói, « ý đó phảng phất trong không khí » từ trước thế chiến. Ông Phạm Văn Tươi cho tôi hay chính ông đã viết một cuốn rồi xuất bản hồi đầu thế chiến, nhưng bán không chạy. Vào hồi đó, tôi cũng đã dịch một cuốn và viết một cuốn, mà ông Nguyễn Duy Cần cũng viết được vài cuốn, đều đề đó, đợi thời xuất bản.

Vào khoảng 1949-50, thời cơ vừa tới thì ông Phạm Văn Tươi cho ra loại sách *Học làm người*, gom ngay được một số cây viết cùng chủ trương. Nhờ vậy mà ông Tươi thành công rất mau.

Mấy năm sau nhà xuất bản của ông phải đóng cửa, nhưng danh từ «loại sách học làm người» đã được phổ biến, và loại sách đó vẫn phát triển đều đều: nó không có mục đích gì cao xa, nhưng nó thực tế và lành mạnh, ít nhất cũng đã gây được cái tinh thần cầu tiến, tự học, tin ở tương lai, trong giới thanh niên. Một số người có óc hẹp hòi cho nó là «phụng sự tư bản»; họ không hiểu rằng dù tư bản nay cộng sản thì cũng phải trải qua năm giai đoạn phát triển kinh tế mà tôi đã tóm tắt ở trên,

và trong giai đoạn thứ nhì, giai đoạn dự bị cho sự phát triển, cũng phải đào tạo một số người tin ở sự tấn bộ, ở phương pháp khoa học, chịu cực khổ, có sáng kiến và dám mạo hiểm. Và dù trong một xã hội tư bản hay cộng sản thì hạng người đó cũng luôn luôn được trọng dụng, có lẽ còn được trọng dụng trong xã hội Cộng sản hơn là trong xã hội tư bản nữa.

Hiện nay loại sách đó chỉ bán « lai rai » thôi, và tôi nghiệm thấy tinh thần, trình độ, của thanh niên mười lăm năm nay không tấn bộ mấy : số bán những cuốn về Tồ chức công việc, về Tân giáo dục của tôi không tăng lên, mà những cuốn hơi mới mẻ như cuốn Một niềm tin bán rất chậm, nên tôi không dám soạn những cuốn về tâm lý trong xí nghiệp, về xã hội học đề bổ túc cuốn Tồ chức công việc theo khoa học của tôi nữa. Nghi tới tinh thần ham đọc sách của người Nhật, tôi không thể không buồn : nhiều cuốn của Fouastie, của Rostow ở Âu Mỹ mới phát hành thì họ đã đem ra dịch liền. Sự tiếp thu văn hóa phương Tây phải như vậy thì nước ta mới mau tiến mà thoát được cái cảnh lệ thuộc người về mọi phương diện như ngày nay.

Nhưng tôi mong rằng sau chiến tranh này, các ngành canh nông, kỹ nghệ của nước ta sẽ phát triển mạnh và loại sách học làm người sẽ được nhiều thanh niên ham đọc hơn những truyện kiếm hiệp hay trinh thám.

oOo

Loại sách đó cũng như những tiểu thuyết của các nhà Ngày nay, Thời Mới, Giao Điểm, Lá Bối... chỉ tiêu thụ quanh quẩn trong mấy châu thành

thôi. Tiêu thụ mạnh ở thôn quê, trong giới nông dân, lại là những « sản phẩm » của các nhà xuất bản khác mà các nhà làm văn hóa ít ai lưu ý tới, có khi không biết tới tên nữa.

Tiếng « sản phẩm » tuyệt nhiên không có ý xấu, tôi sợ dĩ phải dùng nó là vì không kiếm được tiếng nào khác : nó gồm sách, và những tập mỏng độ mười, mười lăm trang và cả lịch nữa.

Vào khoảng gần cuối năm 1954, một hôm tôi lại giao sách cho nhà phát hành Nam Cường. Ông Nam Cường phàn nàn với tôi đương phải chạy tiền để mua lịch Tam Tông Miếu. Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Ông phát hành cả lịch sao ? Và thứ đó, có mười mấy đồng một tấm, làm gì mà phải chạy tiền?

Ông ta cười:

Ông chưa biết đấy. Thứ đó bán mạnh lắm và lời lắm, hơn loại sách của ông và của tôi nhiều. Chẳng cần soạn, dịch gì cả, chẳng cần mua bản quyền, chẳng cần có tiệm sách, cứ tới đúng kỳ nào đó, giao cho một nhà in quen thuộc, rồi khi họ in xong đem giao cho các nhà phát hành mà thu tiền. Khỏe ru ! Huê hồng thấp, phí tổn ít, chẳng cần mượn người giúp việc, mỗi năm chỉ bận độ một hai tháng,— vì lịch đâu có bán quanh năm — mà số lời thì ...

Ông suy nghĩ một chút, tính toán sơ sơ, cho tôi một con số mà nay tôi đã quên, chỉ nhớ rằng nó làm cho tôi hóa ra mơ mộng.

Tôi hỏi ông :

— Để kiếm tiền như vậy, sao mà

không có nhà xuất bản nào cạnh tranh?

— Có đấy chứ ! Đã có nhiều người cạnh tranh : in cũng y hệt vậy, cũng có đủ ngày xấu ngày tốt, đủ kiềng với cữ, đủ hết, mà giá lại rẻ hơn, nhưng vẫn không khá. Ai mua lịch thì cũng đòi cho được lịch Tam Tông Miếu, cũng như hồi trước, mua sữa thì đòi sữa Con chim và mua xà bông thơm thì đòi xà bông Cadum vậy mà !

Lúc đó tôi mới nhớ ra rằng đi về miền quê, vào những nhà nào có vẻ phong lưu một chút thì cũng thấy cheo một tấm Tam Tông Miếu. Xin đọc giả cứ tưởng tượng mỗi làng trung bình có hai ba chục nhà như vậy (điền chủ, hương chức...) rồi nhân cho số làng ở Nam Việt thì biết tại sao buổi chiều đó, ở nhà phát hành Nam Cường ra về, tôi đâm ra hoang mang. (1)

oOo

Nhắc tới lịch Tam Tông Miếu thì phải nói đến truyện Tàu. Nhà Tín Đức Thư Xã thực là đã «một mình một chợ» trong phạm vi xuất bản truyện Tàu, non nửa thế kỷ nay. Hồi tôi mới bước chân vào đây, loại đó đã có mười mấy tuổi thọ. Tới bây giờ, hỏi các nhà phát hành Sống Mới, Á Châu, Hồng Dân, tôi được biết nó vẫn bán «lai rai», không chạy lắm nhưng lúc nào cũng có người mua.

Cũng đã có vài nhà cạnh tranh về vài truyện như Tam Quốc, Đông Châu, Thủy Hử, Tây Hán..., nhưng không nhà nào dám nghĩ tới chuyện giành lại «độc quyền» của nhà Tín Đức.

Vì nhà Tín Đức chuyên phụng sự giới bình dân, đặc biệt là các ông già bà cả ở thôn quê.

(1) Nghe nói năm nay Tam Tông Miếu in 2000.000 tấm, mỗi tấm bán trên 30 đ.

Thật là cảm động, cái cảnh một bà già tóc bạc phơ, mặc chiếc áo bà ba đen hàng Tân Châu, nằm ở võng trong một căn nhà sàn ở bờ rạch Bằng Tăng hoặc kinh Bảy Ngàn, vừa bồm bẻm nhai trầu vừa nghe một đứa cháu gái đọc truyện Chinh Đông, Chinh Tây dưới ngọn đèn dầu. Tình gia đình đầm ấm làm sao ! Lúc đó thì phải đọc một bản dịch của Nguyễn Chánh Sắt hoặc của nhà Tín Đức chứ không thể dùng bản của Tử Vi Lang được. Phải có cái giọng văn như : «đi tiên phuông», «phò Hớn» «thoảng như có biển thì chắc bọn ta không còn đời» «bèn cả cười mà rằng», thì nó mới hợp cảnh. Cũng như khi ta thưởng thức món mắm ruột Long Xuyên với đọt xoài, đọc bằng lăng... thì phải uống rượu để chứ tuyệt nhiên không thể dùng Whisky Soda được. Thế nào rồi tôi cũng phải noi gương ông bạn Tạ Trọng Hiệp mà mua đủ các bộ truyện Tàu của nhà Tín Đức Thư Xã mới được. Tôi chẳng nghiên cứu gì cả như ông bạn họ Tạ đâu, chỉ đề khoảng hai chục năm nữa—nếu tôi còn sống—nằm đưa võng bảo một đứa cháu nhỏ nào nó đọc cho nghe

Tôi đã đếm được trên năm chục bộ gồm trên trăm cuốn, mỗi cuốn trên hai trăm trang, khổ lớn, mà giá lại rất rẻ : trước kia 20, 25 đ, nay 30 đ một cuốn. Như vậy thì nhà Tín Đức giữ độc quyền về truyện Tàu nửa thế kỷ nay cũng là phải. Mà sẽ còn giữ được độc quyền cho tới khi nào không còn người đọc truyện Tàu nữa. Thành trì đó quả thực là vững vàng.

Công lao chẳng tốn bao nhiêu : cứ «bồn cũ soạn lại», vì trong loại đó đề cung cấp cho hạng độc giả bình dân, điều tối kị là sửa văn cho mới, cho gọn. Tôi đoán rằng có bộ có thể in năm ngàn,

chất trong kho, bán lại rai năm mười năm, và mỗi năm đều thu về một số lợi đáng kể.

oOo

Ai cũng biết tiếng nhà Tín Đức Thư Xã. Nhưng còn một còn nhà khác cũng chiếm độc quyền về một loại sách bình dân, thì tôi thú thực với độc giả rằng làm nghề xuất bản mười ba năm rồi mà mãi đến gần đây tôi mới được biết tên hiệu cùng địa chỉ. Cũng lại nhờ ông Tạ Trọng Hiệp nữa.

Tôi xin hỏi quý vị độc giả có biết thơ «hậu» là gì không?... Vậy mà tự bên Paris ông Hiệp gửi thư về cho tôi nhờ tôi vô Chợ lớn lòng cho biết «thơ» và «thơ» hậu » rồi gửi qua cho ông. Đọc thư, tôi chẳng hiểu «thơ hậu» là cái quái quỷ gì cả. Theo địa chỉ ông dẫn tôi lòng mò, cuối cùng tới tiệm sách Hồng Dân đường Khổng Tử.

Ủa sao mà quen quen !... À, phải rồi, đã lâu lắm, có lần tôi thấy bày những tập này ở vỉa hè dưới gốc dương trước Nhà Việc Bình Đức, Long Xuyên và mấy nông dân ở trong Nhà Việc ra, ngồi sụp xuống, lựa mấy tập rồi mang đi. Lần đó đó tôi chỉ nhìn qua vài nhan đề, đoán là những bài hát bình dân, chứ không ngờ người ta gọi nó là thơ và thơ hậu.

Hôm nay đứng trong tiệm sách ở giữa một đại lộ tấp nập xe cộ này, lật vài tập ra coi, đọc ít câu «thơ», tôi băng khuâng nhớ lại một thời xa xăm. Phải, chính những bài «thơ» này đây. Ba chục năm trước, tôi thường được nghe các «bạn» chèo ghe cho tôi hát nói. «Hát» hay «ngâm», dùng tiếng nào mới đúng? Ở Gò Quao, ở Chắc Bàng, ở miền Thứ, ở Giồng Giềng... Hai chiếc ghe cặm sào dưới một gốc bần, trên bờ là một căn

nhà lá lụp sụp cất trên một chỗ lỏm, sau lưng là rừng tràm hoặc rừng u minh. Giọng hát của họ sao mà ảo não thế, nó thấm tới đáy lòng tôi, làm cho tôi nghẹn nghẹn ở họng, rưng rưng ở mắt. Họ nhớ Bình Thủy và Cái Răng, quê của họ, mà tôi, lạ chưa, cũng đâm nhớ những vườn xoài ở Thốt Nốt, vườn dừa ở Chợ Thủ. Những bài «thơ» này có cái ma lực gì đây? Phải chăng nó là cái hơi thở của miền Đồng Nai, miền Ba Thắc? Chính họ, chính những chàng trai chất phác, đi đâu chỉ cần mang theo một chiếc nóp đó, chính những chị em của họ vừa mạnh mẽ vừa mềm mại, thẳng thắn mà trung hậu đó mới là con cháu cụ Đồ chiều, cụ Thủ-khoa. Nghĩa, còn chúng ta, ngay cả Hồ Biểu-Chánh, Bình-Nguyên-Lộc, Sơn Nam, chúng ta cũng đã âu hoá nhiều quá rồi, đã lại rồi.

Coi bảng Thư mục, tôi đếm được 50 thứ thơ và thơ hậu, non 40 thứ thơ lịch sử và dã sử; 4 thứ tuồng hát bộ. Thơ và thơ hậu (tức thơ tiếp theo: có thơ Vân Tiên rồi thơ Hậu Vân Tiên, cũng như truyện Tàu có Tam Quốc rồi Hậu Tam Quốc, truyện kiếm hiệp có Cô gái Đồ Long rồi Hậu Cô gái Đồ Long) đều in thành những tập 16 trang; bìa mỏng dính, màu lòe loẹt, hình vẽ vụng về, ngây ngô: họa sĩ cầm ngay một cây thánh giá trên mộ nàng Đạm Tiên. Hầu hết là thơ lục bát, ngoài ra là điệu «phú», điệu hò, điệu tuồng. Lời rất bình dân, nội dung gồm truyện Tàu, truyện dã sử của ta, truyện cổ tích, truyện tiểu lâm, cả những truyện có vẻ thực và xảy ra hồi nửa thế kỷ trước.

Tôi hỏi ông chủ tiệm sách:

— Loại thơ này bán chạy không?

— Lai rai. Mỗi lần có người ở tỉnh lên mua, bán được mỗi thứ dăm ba chục, cuốn.

— Số bán mỗi năm có giảm đi không ?

— Vẫn bán được hoài.

Tôi đoán rằng có giảm vì tôi thấy «tuồng hát bộ» nhiều bộ đã hết mà không tái bản nữa. Có cái gì mà tồn tại hoài được ? Chỉ một thể hệ nữa thôi, còn ai đâu mà biết hát những thơ này và nhà xuất bản tất phải chuyển qua loại khác.

Tôi hỏi tiếp ông chủ tiệm :

— Có khi nào những người ở tỉnh lên đó hỏi mua sách của tôi không ?

— Không, sách của ông đề bán cho các thầy các cô.

Sao mà tôi ngốc vậy ? Tôi có bao giờ nghĩ tới họ khi viết sách đâu mà đòi họ mua sách cho tôi. Hết thấy chúng ta đều viết cho «các thầy các cô». Chúng ta lo tiếp thu học thuyết của Raymond Aron, Sartre, kỹ thuật của Kafka, Joyce, mà 80-90 % đồng bào của chúng ta chỉ ưa luân lý trong Lục Vân Tiên, kỹ thuật trong Bạch Viên

Tôn Các. Không bao giờ chúng ta tìm hiểu cảm xúc, nhu cầu tinh thần của hạng bình dân cả. Chúng ta cố tình quên họ đi. Họ lặng lẽ cày ruộng cho ta, chèo ghe cho ta, sống ngay bên cạnh ta mà ta với họ có vẻ như sống trong hai thế giới khác nhau. Họ có những mối tình khác xa những mối tình của cô Mai, cô Tuyết trên xa lộ, có những câu hò điệu hát khác xa những điệu cha cha cha và bi bốp trong các quán trà.

Còi xe inh ỏi ở ngoài đường, tôi nhìn ra : vai thiếu nữ khoác tay Mỹ kiều nhớn nhơ qua lại. Báo chí đăng cuối năm nay quân lính Mỹ sẽ xuống miền Hậu Giang. Có lẽ không tới mười năm nữa đâu, loại thơ và thơ hậu này sẽ không còn ai in nữa. Ông Tạ Trọng Hiệp lúc này mới nhờ tôi kiểm nó, e cũng trễ rồi đấy.

Tôi quay lại nói với chủ tiệm:

— Xin ông cho tôi thêm mỗi thứ một bản nữa.

Saigon ngày 4-12-1966

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

SÁCH BÁO MỚI

— Khoảng **mát** tập truyện của Võ-Hồng do An-Tiêm xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 198 trang, gồm 7 truyện : Mẹ và em ; Đôi chim bồ câu ; đung độ ; Dốc hiềm nghèo ; Con đường gai khoảng mát ; Chuyện cái răng. Bản đặc biệt không đề giá.

Đêm Việt-Nam tập thơ của Đỗ-quý Toàn, do Nhóm Sinh Viên Văn-hóa xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo

mặt khổ 19x26 dày 72 trang, gồm 19 bài; thơ Bìa và phụ bản của Nguyễn-Trung Không đề giá bán.

Quân vương nguyên tác « Le Prince » của Machiavel, bản dịch của Phan-huy Chiêm do nhóm Sinh - Viên Văn hóa xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt khổ 20x25, dày 140 trang không đề giá bán.

Việt Nam Hà Nội
Khô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
của
ĐƯỜNG BAY

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MẺ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116, NGUYỄN-HUYE, SAIGON. 21.624-625-646

A
I
R
V
I
E
T
N
M

Mười năm kinh - tế

● D U Y

(Xin xem BK.TĐ. từ số 241 — 242)

ĐỀ THAY ĐOẠN KẾT

Năm năm xưa, nhân dân ít chú trọng đến vấn đề kinh-tế, hay đúng hơn vấn đề kinh tế chỉ có tính cách cá-nhân. Nếu thất nghiệp, nếu làm ăn lỗ-lã, nếu cuối tháng phải chịu cảnh xanh-xít dít-đuôi, giết đầu cá vá đầu tôm, người ta chỉ chép miệng tự trách mình lười biếng hay vung tay quá trán, hoặc cho là số phận không may. Chẳng ai quy tội cho Chính Phủ, chẳng ai hội-thảo bàn ra tán vào.

Năm năm nay, kinh-tế dần dà trở thành một tai họa giáng xuống đầu cổ tất cả mọi gia-đình. Từ ông giám đốc, cô vũ nữ đến anh tùy phái, chị hàng xôi, ai mà không buồn phiền, sợ hãi tương-lai, ai mà không cảm thấy mình hoàn toàn bất lực, trước ngọn triều giá cả đương dâng lên vùn vụt.

Người nào cũng có tâm trạng của dân chạy nạn lụt, đứng trên mô đất cao, nhìn xuống nhà cửa đương trôi theo giòng nước, tuy lấy làm mừng đã thoát được nguy cơ trước mắt, nhưng vẫn ngao-ngán không biết mình cầm cự được đến ngày nào, trước sức nước đang lên.

Đã đến lúc, trong thâm-tâm, người dân cảm thấy phải làm một cái gì để cứu vãn nền kinh-tế quốc-gia. Muốn gọi là cách mạng, muốn gọi là cải cách, hay gọi là gì cũng được. Nhưng phải có một chiều hướng rõ ràng, những biện pháp cụ-thể, đảm bảo cho toàn dân một đời sống thích đáng.

Sau mười năm độc-lập, mười năm ấu trĩ mặc dầu được ngoại-viện, được cổ vắn về đủ mọi phương diện, chúng ta vẫn chưa xây dựng được nền tảng dân-chủ. Sự phân hóa đã tiến đến mức độ chót của nó, nên nhiều người chủ trương phải làm cuộc cách mạng toàn diện để cứu vãn nước Việt-Nam qua khỏi sự phá sản về chính trị, về giáo-dục, về kinh-tế xã-hội.

Nếu hoàn cảnh các đảng phái chia rẽ mục nát, hữu danh vô-thực, chỉ làm phiền lòng các chính trị gia, nếu chính-sách giáo dục thay đổi như cơm bữa chỉ làm điên đầu giáo sư và học sinh, nếu đi điểm, du đảng mọc nhanh như nấm chỉ làm các nhà đạo đức phải kêu than phong hóa suy đồi, thì trái lại, sự phá-sản

về kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các giai tầng trong xã hội. Nên việc lành-mạnh-hóa nền kinh tế là công tác phải thực hiện ngay, không thể chờ đợi ngày giờ nào nữa. Nhưng chúng ta phải bắt đầu từ đâu ?

Hội-đồng kinh tế

Hầu hết các chuyên-viên kinh-tế đều đồng-ý về điểm không-thể có một vị «cứu-tinh» anh-hùng kinh-tế dân-tộc, nghĩa là không nên giao cho một cá-nhân, dầu xuất sắc đến mấy chăng nữa, trách-vụ «Tổng-thống cứu-nguy kinh-tế quốc-gia.» Chính-sách kinh-tế không thể là chính-sách của một cá-nhân. Phải thành-lập ngay một Hội-Đồng kinh-tế, bao gồm đại-diện tất-cả các ngành hoạt-động kinh-tế để thảo luận và ấn-định một chính sách chung cho Quốc-gia.

Có vị hăng-hái đề-nghị giao quyền quyết-định tối hậu cho Hội-Đồng kinh-tế để tránh khỏi cảnh Hội-Đồng bủ nhìn, chỉ khuyến-cáo mà không thực-hiện được biện-pháp nào thực-tế.

Thành-tâm thiện-ý của quý-vị đó thật là đáng kính. Nhưng, một chính-sách kinh-tế tài-chánh được thể-hiện bằng cách nào? Bằng những đạo-luật ấn-định hối-xuất, bảo đảm quyền-lợi đầu-tư, đánh các sắc thuế trực-thâu, gián-thâu, quan-thuế, bằng luật Ngân-sách, chung-quyết tiền-thâu và chi thường-niên của quốc-gia. Nghĩa là những hành-vi thuộc thẩm-quyền của Quốc-Hội Lập-Pháp.

Nếu không có độc-tài, nếu thể-chế thực-sự dân-chủ thời cơ-quan nắm uy-quyền tuyệt đối trong quốc-gia là cơ quan lập-pháp vì tài-chánh, huyết-mạch đời-

sống hàng ngày của Chính-Phủ, là ở trong tay Quốc-hội. Bởi vậy Hội-Đồng kinh-tế hay bất cứ Hội-Đồng nào khác, cũng chỉ có thể có tính cách cố-vấn, còn theo hay không, là quyền của cơ quan Lập-Pháp. Dầu có đảm-bảo thẩm quyền nào cho Hội-Đồng kinh-tế ngay trong Hiến-Pháp cũng chẳng có ích-lợi gì, vì Hiến-Pháp cũng chỉ là một đạo-luật và Quốc-Hội Lập-Pháp, bất-cứ lúc nào, đều có quyền sửa đổi Hiến-Pháp.

Quyền tối-hậu đã ở trong tay Quốc-Hội Lập-Pháp, người dân chỉ còn kỳ-vọng, bên cạnh một Hội-Đồng kinh-tế bao gồm các chuyên-viên và đại-diện lão-luyện của các ngành hoạt-động kinh-tế phải có đa-số Nghị-sĩ Quốc-Hội hiểu thấu đời sống hàng ngày của nhân dân, chủ-trương một hướng tiến sáng sủa về kinh-tế, và chịu nghe theo các khuyến cáo xác-thực của Hội-Đồng kinh-tế.

Nghị-sĩ không chịu nghe theo chuyên-viên thời lập ra một trăm Hội-đồng cố-vấn cũng là vô-ích. Nghe mà ù ù cạc cạc không hiểu biết gì về canh-nông về kỹ-nghệ về nội-thương, ngoại thương, về sinh-hoạt của nhân-dân thời mấy bề thiện-chí cũng không đem lại kết-quả gì. Hiểu biết nhưng không có chủ-trương rõ rệt về tính chất dân-tộc, dân-chủ, tiến-bộ của nền kinh-tế Việt-Nam, thời cũng chỉ đưa tới những quyết-định ba phải, không có lợi gì cho sự phồn-thịnh của dân-tộc, cũng không nâng cao được mức sống của đại-đa số nhân-dân.

Từ trước đến nay người dân vẫn sợ việc khoán trắng cho các chuyên-viên làm Bộ-trưởng kinh-tế đơn phương quyết-định về chính-sách kinh-tế tài-chánh áp-dụng cho toàn thể dân đen. Các vị ấy lúc nào cũng nặng nề khía-cạnh méo-mó nghề nghiệp, nặng về sách vở kinh-điền, nên hy sinh dễ dàng đời sống của đại-chúng.

Kinh-tế và Tài-chánh

Bình-thường, mấy ông Bộ-trưởng kinh tế chỉ lo về tài-chánh nhiều hơn ; Lo ấn-định hối-xuất, lo xử-dụng, phân phối ngoại tệ viện trợ Mỹ. Lo đánh thuế trợ cấp hàng xuất cảng, hàng nhập-cảng. Còn việc sản-xuất, việc thúc đẩy cho kinh-tế nông thôn tiến-tới, cho kỹ-nghệ, tiểu-công-nghệ phát-triển, lại chỉ được xem là nhiệm-vụ phụ và có tính cách tuyên-truyền nhiều hơn; chỉ có tuyên bố xuông, tuyên-bố đao to búa lớn.

Công quản chuyên-chở phá-sản, xe buýt nằm ụ, không còn phục vụ cho nhu-cầu chuyên-vận của nhân dân Đô-thành, lập tức có lời tuyên bố sẽ lập Đại-công ty, mua xe mới, cho phép khai thác các lộ trình trong Đô-thành. Dân chúng đứng có lo. Tiếp theo là sự phụ-họa của tư-nhân lập đại-hội thầu mấy chục triệu bạc vốn nhập-cảng xe Thái-Lan, xe Tây-Đức. Khách bộ hành đã mừng rơn sắp thoát khỏi cảnh đợi mỗi chuyến xe cả tiếng đồng-hồ và treo trên xe như mít đeo trên cây. Bộ kinh-tế rất lạc quan. Nhưng dân đen đã nói trước : đừng có hy vọng hảo-huynh. Quả nhiên sáu tháng trôi qua, xe buýt bắt tằm và cũng không có một nhà tư-bản nào bỏ ra một đồng xu để lập Đại-công-ty buýt đen, buýt tím Đô-Thành.

Nói đến kỹ-nghệ thụt-lùi, lập tức có lời tuyên-bố đã có mấy chục công-ty kỹ-nghệ được phép thành lập, sắp hoạt động sắp sản-xuất ghê-gớm. Khu kỹ-nghệ Biên Hòa rồi đây sẽ phồn thịnh như các miền kỹ-nghệ tân-tiến bên Âu-Châu với những ống khói rợp trời. Từ Saigon, người ta chẳng nghe thấy tiếng máy ủi đất để lập nền nhà máy, từ khu kỹ-nghệ Biên-Hòa vọng về đó sao ?

Nhưng bao giờ khu kỹ-nghệ sẽ thành

hình thực sự ? Bao nhiêu năm nữa ? Hay là chỉ có những NuBôCôty theo danh từ chuyên môn của kỹ-nghệ gia Việt-Nam nghĩa là những công-ty "nước miếng."

Không, chúng ta phải phá-họa ngay một chính sách kinh-tế thực-sự cho nền dân-chủ ấu-tri của nước Việt-Nam. Chúng ta phải đặt mình ngay vào hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng của đất nước khi chiến tranh đương tiếp diễn ác liệt khiến cho cả triệu thanh niên, tinh hoa của non sông, phải thoát ly sản xuất, gia nhập hàng ngũ quân đội, và nông thôn bị chia sẻ làm ba, một vùng do địch kiểm soát, một vùng sôi đậu, và một vùng quốc-gia.

Chúng ta cũng không quên những dữ kiện, do Lịch sử đem lại : Một trăm năm nô-lệ đã khiến cho tư bản đều nằm trong tay ngoại kiều Pháp, Trung-Hoa và Ấn-Độ. Hoặc do chiến tranh đem lại : Các hãng thầu lớn cung cấp dịch vụ, xây cất, hàng hóa, đều là quốc tịch Mỹ. Thị trường Việt Nam làm giàu cho nền kỹ nghệ Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa, Phi-Luật Tân, và luôn cả Ấn Độ, Pháp, Đức, Ý nữa.

Các quân bài đã vạt hết xuống chiếu bạc; chiến tranh, nông thôn mất an ninh, thiếu các bàn tay lao động, thiếu vốn liếng, tư bản ngoại quốc kìm hãm tứ phía, người dân chỉ còn một nước bạc chót đề mà đánh. Nó không thể là một nước bạc không tưởng, không thể theo sách vở, giáo-lý tín điều nào hết, cũng không thể căn cứ trên lời mách nước của những người bên ngoài.

Con đường sống cho dân tộc tự chúng ta phải tìm lấy và nỗ lực tranh đấu, để mở-hồi nước-mắt

mới hy vọng vượt qua thảm trạng kinh-tế ngày hôm nay.

Nếu chính sách kinh tế do nhân dân quan niệm, thời đối tượng của nó phải là quảng đại quần chúng Việt Nam.

Đối tượng nhân dân

Nhân dân phải là đối tượng của chính sách kinh tế. Quyền lợi kinh tế của người Việt Nam phải được bảo vệ. Mức sinh sống của người dân phải được nâng cao. Những điểm này mới nghe thì thấy đương nhiên và dễ dàng quá. Di nhiên đã độc lập thời còn ai khác vào đây tranh đoạt quyền sinh sống của người Việt Nam. Lý thuyết thời hay ho như vậy, và các nhà cầm quyền trước sau đều tin tưởng quyền ưu-tiên đâu có đến tay ngoại kiều.

Thực tế chưa chát hơn nhiều lắm. Nếu có một bản thống-kê chính xác, người ta sẽ phải bàng hoàng khi thấy hai phần ba lợi tức quốc gia là nằm trong tay một thiểu số ngoại kiều, còn đại đa số dân Việt, chỉ chia nhau một phần hăm hiu nhỏ bé.

Đồn điền cao su là của ai? Các chảnh gạo là của ai? Đất đai ở đô thành này của ai? Các nhà máy lớn nhỏ là của ai? Ai xuất cảng lông vịt? Ai nhập cảng phân phối hàng hóa? Có ai dám nhận là của ai không? Có ai dám quyết định là của ai không? Nhà thống kê không dám trả lời. Nhưng người dân biết nhất định không phải là của dân Việt Nam rồi, vì nhân dân nông thôn và lao-động, tiểu tư sản, trí thức thành thị, đều nghèo túng như nhau, đều không được hưởng gì trong nguồn lợi-tức khổng lồ do ngoại-viện và do thiên-

nhiên phú cho đất nước Việt Nam.

Cho nên, lúc này đất lại đối-tượng không phải là thừa mà cũng không sớm. Một chính - sách kinh - tế dân - tộc và dân chủ phải có đối tượng cho rõ rệt. Đối tượng đó là nhân dân, là quảng đại quần chúng Việt Nam.

Bất cứ một hành động nào của chính phủ, dù lớn dù nhỏ, từ việc cấp phát lit-xăng nhập-cảng, xuất-cảng, đến việc giúp đỡ phát triển xí-nghiệp, công -kỹ nghệ, nông ngư-nghiệp, đặt mua hàng hóa, đều phải nhằm mục đích đem lại lợi tức, quyền hạn kinh tế cho nông dân, cho người lao động, cho các tầng lớp tiểu tư sản, công kỹ nghệ gia Việt-Nam.

Có nắm vững được đối tượng nhân dân chính sách kinh tế của chính phủ mới thoát khỏi tình trạng "gánh vàng đi đò sông Ngô" và đem lại sự phú cường cho đất nước.

Khi chính sách kinh tế đã nhằm phục vụ quyền lợi của nhân dân, tất nhiên nhân dân phải sốt sắng tiếp tay với chính quyền và đó là điều kiện tối cần để thực hiện các mục phiêu của kế hoạch kiến thiết xứ sở. Mục phiêu nào là mục phiêu chính yếu?

Mục phiêu thứ nhất :

Thực-phạm phụng-sự Hòa-bình

Mục-phiêu thứ nhất là sản xuất thực-phạm. Không có mục-phiêu nào thiết thực hơn và cao quý hơn.

Đối với nhân dân đô-thị, nước là một vấn đề trọng đại. Dân-lao động Đô-thành vốn dĩ vẫn khổ sở vì các vòi phong-tên xóm nhà lá không chịu rỉ nước

vừa mừng rơn khi nghe lời tuyên bố thật « uớt át » của ông Ủy-viên Công-chánh: Dân Đô-thành sắp có 250 lít nước mỗi ngày cho mỗi đầu người.

Nước chưa đến nỗi cần như đồ ăn mà chính phủ còn lo cho được xài gấp 5 lần khi trước. Còn thực phẩm, tại sao không tăng tiến được gấp đôi gấp ba mà còn co rút lại đến nỗi trái chanh, trái ớt, cũng thành xa-xỉ-phẩm, cao giá quá chừng ?

Mục phiếu hợp lý, ưu tiên, phải sản-xuất thực phẩm trước đã. Tất cả chương trình « xây dựng nông thôn » sẽ không có hiệu quả gì, nếu chúng ta không nắm ngay được một phần ba nông thôn, và tăng gấp ba năng xuất của ruộng vườn. Hiện nay mỗi mẫu ruộng chỉ sản xuất được từ 1 tấn 2 đến 2 tấn lúa mỗi năm. Nếu chúng ta chỉ muốn tiến-bộ bằng một nửa Nhật-Bản hay Đài Loan, chúng ta cũng phải sản-xuất gấp ba hiện tại.

Có như vậy đời sống của nông thôn mới tăng tiến gấp bội phần. Bằng không, tất cả các kế-hoạch chính-trị chỉ có giá trị trên giấy tờ và không khi nào tranh thủ được nhân tâm.

Thực-phẩm tươi có thể tăng gấp 5, gấp 10 nếu có kế-hoạch chính xác, như trồng rau cải theo các giống đã được nghiên cứu, lựa chọn bên Mỹ ; nuôi gà heo bằng thức ăn chế-tạo trong nhà máy ; thiết lập vòng đai sản - xuất quanh các đô-thị vv. . .

Giữ vững được an-ninh trên một phần ba nông-thôn, bảo vệ được giao-thông, mùa-màng, đừng để cho địch phá hoại, cải-tiến sự canh-tác, giúp-đỡ vốn-liếng cho nông-dân — vốn thực sự để

làm mùa chứ không phải ba bốn bó rau muống một sào đất — là chúng ta đủ gạo đủ thực-phẩm để tự-túc. Mà còn có, hy gọng xuất-cảng cả triệu tấn lúa, cả mấy chục ngàn heo, cả mấy trăm ngàn gà vịt như khi trước chiến-tranh.

Thực phẩm sẽ đem lại Hòa-bình, vì dân no dân giàu là dân theo Chính-Phủ, loại trừ Cộng-sản.

Sản-xuất thực-phẩm để đem lại Hoà-bình là mục phiếu cao quý nhất của nước Việt-Nam nông nghiệp, đất đai phì nhiêu, biển-cả đầy hải-sản.

Mục phiếu thứ hai :

Phát-triển kỹ-nghệ biến-chế nông-phẩm.

Chúng ta có biết bao nhiêu nguyên-liệu quý giá do nông thôn cung-cấp, mà chúng ta thiếu kỹ-nghệ để tồn trữ, để biến chế thành thực-phẩm bột, đóng hộp, để dùng trong kỹ-nghệ. Tỷ dụ : cao-su, cả một kho nguyên-liệu quý giá, nếu đem biến chế thành vật dụng sẽ đem lại gấp 10 lần lợi-tức cho Quốc-gia ; Dừa khô, có thể sản-xuất cả triệu tấn, ép thành dầu dừa, làm xà-bông, có thể cung-cấp cho toàn 'hề Á-Châu ; và xuất-cảng luôn qua Âu-châu nữa ; khoai mì làm tapioca, bắp làm thức ăn nuôi gia súc, đậu phộng làm dầu ăn như soybean, và còn biết bao nhiêu phó-sản khác có thể nuôi dưỡng được Thế-giới mà mỗi ngày nạn nhân-mãn một trăm-trọng hơn, càng thiếu thốn thực phẩm hơn ; Chưa kể trái cây xuất-cảng nguyên trạng hoặc đóng hộp hoặc biến-chế thành bột như bột chuối vani để ăn điểm tâm thay sữa sô-cô-la, bất cứ thức gì cũng được hoan nghênh tại Âu-châu, mà dân chúng vốn dĩ vẫn khoái các trái cây miền nhiệt-đới.

Còn các hải-sản, chúng ta đã khai-

thác được những gì khi kỹ nghệ biến-chế hoàn toàn thiếu sót? Không nói gì đến thức ăn quý giá, cứ loại tôm nhỏ vô giá trị ở miền Hậu-giang, đóng hộp mà bán qua Ba-Lê, cũng đắt ngang với giá vàng rồi. Các nhà buôn Âu-châu gửi thư qua Saigon tới tấp đề đặt hàng, nhưng đã có một hộp tôm nhỏ nào xuất-cảng được ra ngoài bờ biển Việt-Nam đâu?

Kỹ-nghệ Việt-Nam phải nhằm biến-chế nông-phẩm trước hết, và đạt được mục đích đó là làm giàu cho nông-thôn, cho kỹ-nghệ gia, cho toàn thể quốc-gia, nghĩa là chiến thắng được Cộng-sản rồi.

Một chính sách kinh-tế thiết-thực, với một đối tượng rõ rệt: nhân dân Việt-Nam, với hai mục phiếu hạn chế và cấp bách trên đây, nhất định sẽ đem lại được phần thịnh cho quốc-gia. Chương-trình kế-hoạch thực hiện chỉ là vấn-đề sắp xếp mà các chuyên-viên có thể quyết định dễ dàng một khi đã thấm nhuần về hướng phát-triển kinh-tế. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, có một vấn-đề tiên-quyết hết sức khó-khăn và tế nhị. Đó là vấn-đề cán-bộ và tác-phong.

Điều-kiện tiên-quyết :

Cán-bộ và tác-phong.

Chúng ta có cán bộ đi xuống nông thôn hay không? Mười năm nay, người dân nghe nhắc lại hoài những khẩu hiệu tuy chính xác, nhưng vì không bao giờ thực hiện được nên trở thành sáo-ngữ vô nghĩa như «cán bộ quyết định hết thảy» và «cán bộ cao cấp phải đi xuống hạ tầng cơ sở nông thôn».

Thực tế, chưa bao giờ có cán bộ giỏi, cán bộ xứng đáng với danh nghĩa

cán bộ, về hoạt động tại thôn ấp. Những người tài giỏi, thân hào nhân sĩ, đều về trú ngụ tại tỉnh lỵ. Ngay ở quận lỵ cũng ít người muốn ở rồi. Nói chi là xã, thôn ấp. Chỉ còn có dân cày với hai bàn tay trắng là dám sống chết với vườn ruộng. Bởi vậy, cán bộ giỏi ở địa phương tuyệt nhiên là không có. Còn ở trung-ương, các vị tốt nghiệp Cao-đẳng hành-chánh, có ông đốc-sự, giám sự nào dám về làm trưởng ấp hay không? Dầu có lập ra cả trăm chương-trình kế hoạch tốt đẹp, kết quả cũng chỉ chứa đựng trên giấy tờ, trên phúc-trình mà thôi.

Mười năm nay, căn bệnh nguy hại hơn hết, vẫn là bệnh bá cáo cho hay. Thật tình, thôn ấp luôn luôn bị bỏ rơi và cán bộ chỉ có hình thức mà không có tinh thần. Nhiều người xung vào hàng ngũ cán bộ chỉ để kiếm lấy một nghề sinh sống. Như vậy, làm sao có lý tưởng hướng dẫn cho sự tranh đấu? Cách mạng nông-thôn là một danh từ luôn luôn bị lạm dụng và luôn luôn thiếu cán-bộ thực-hiện.

Năm năm phát triển kinh tế, năm năm chiến tranh tàn phá, quãng đường mười năm qua chưa thỏa mãn được phần nào nguyện vọng của đại chúng. Người dân hy vọng gì ở ngày mai? Hay là những hy sinh cực khổ, sự phá sản trong hầu hết lãnh vực, đã làm cho con tim người dân trở thành trai cứng, không còn dám nghĩ gì đến tương lai, chỉ cần rặng chịu đựng hiện tại.

Nếu Nội các chiến tranh thành lập được Ủy ban tối cao bài trừ tham nhũng, lành mạnh hoá thực sự được guồng máy chính quyền, thời riêng điếm

đó cũng làm cho nhân dân ghi ơn mãi mãi. Phải là người Việt-Nam mới cảm thấy thấm thía thực tại đó, vì người ngoại-quốc làm sao có thể tưởng tượng được, từ anh ráp xe gắn máy cũng ăn hối lộ như điên? Chỉ Nội các chiến-tranh là có thể diệt trừ cường hào ác bá, khi mà người dè núa bóc lột nông dân, chính là những kẻ có khí giới, kẻ từ trộm cướp, Việt-cộng, . Lành mạnh hoá được chính quyền, tiêu diệt được những kẻ mang khí giới mà làm hại dân, là Nội-các chiến-tranh đã xây dựng được nền tảng tốt đẹp nhất, đợi chờ Hiến pháp và Quốc hội lập pháp tiếp tục công trình xây cất các kiến trúc về kinh tế xã hội.

Chúng ta không đòi hỏi Nội-các chiến-tranh phải thực hiện cuộc cách

mạng toàn diện, e rằng sức người có hạn, và thời gian cũng không cho phép hoàn thành một công chuyện vĩ đại như vậy. Chúng ta chỉ mong đợi Nội các chiến tranh tạo được điều kiện thuận lợi, để sau này, đại diện của nhân dân có thể đề ra chính sách kinh-tế và thi hành kế-hoạch đầy-mạnh sản-xuất nông thôn, thiết lập kỹ-nghệ biến-chế nông-phẩm, chế-tạo các vật-dụng cần-thiết nhất cho đời-sống hàng ngày của xã-hội, đem lại sự phồn thịnh chung cho toàn-thể các tầng lớp nhân-dân Việt-Nam và góp phần luôn vào công cuộc chống nạn đói tại Đông Nam Á-Châu, sau khi chiến tranh chấm dứt.

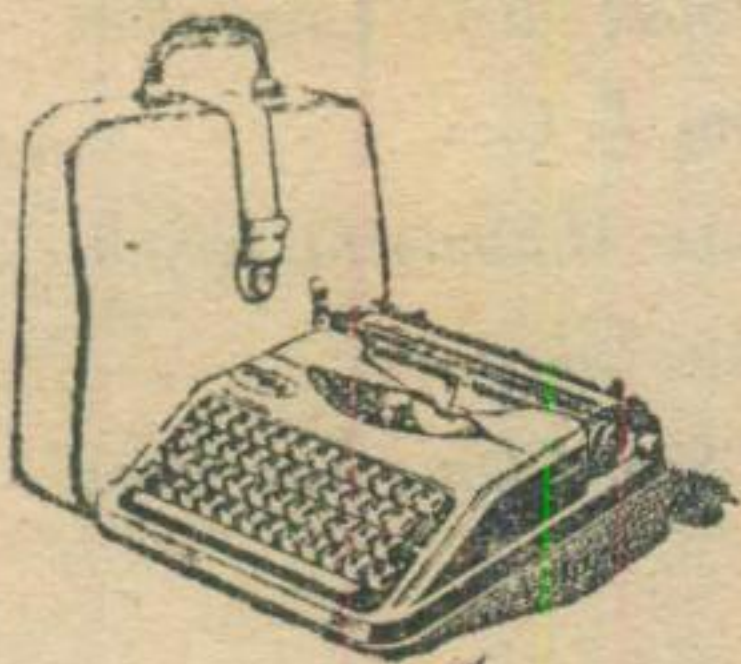
DUY

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*



PHỎNG VẤN CỦA LÊ-PHƯƠNG-CHI

tâm sự PHẠM-DUY

- Việc trình diễn và thu đĩa tại Hoa-Kỳ, trong chuyến đi vừa qua, đã đem lại cho nhạc-sĩ Phạm-Duy hàng triệu bạc ?
- « Tâm ca » phải chăng là những bài ca phản chiến ? phải chăng là những bài ca ca tụng Phật-giáo ?
- Sau Cách-mạng đáng lẽ những tiếng NHẠC hồn nhiên réo lên trong lòng mọi người, nhưng giờ đây trong lòng mọi người réo lên có còn là tiếng nhạc nữa không ?

(Xin xem BKTĐ từ số 241-242)

—Có người bảo rằng Tâm ca bàng bạc mùi Phật giáo vì có nói nhiều đến sư, đến Bụt và trong ấy cũng cổ động Hòa bình...

—Sau ngày Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 phong trào Phật giáo trong nước lên cao, lẽ tất nhiên phong trào đó ảnh hưởng đến những sáng tác của các nghệ sĩ hằng thiết tha đến quê hương đất nước, trong số ấy có tôi. Cũng như, trước kia nếu tôi không đi kháng chiến — hồi 1945 — thì làm sao tôi sáng tác được những bài như Quê Nghèo, Bà Mẹ Gio Linh, Về Miền Trung v.v. Nếu sau ngày Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 mà phong trào Hòa Hảo hoặc Cao Đài hay Thiên Chúa giáo lên cao một cách ồ ạt dồn dập dội vào tâm hồn tôi, lẽ dĩ nhiên

cũng sẽ ảnh hưởng đến các sáng tác của tôi chứ. Và cũng xin các anh đừng quên là đồng thời với Tâm ca, tôi cũng đã sáng tác nhiều bài cho Quân đội, như Thi đua biện luận, chiến sĩ gương mẫu.

Anh Phạm Duy ngừng nói, đưa mắt nhìn tôi đề dò phản ứng, rồi anh đứng dậy cầm bình nước, anh uống thẳng vào vôi. Uống nước xong anh trở lại ngồi vào chỗ cũ, thấy tôi vẫn chưa nói gì, anh nói tiếp:

— Nhưng phải thú nhận rằng phong trào Phật giáo đến với tôi lúc bấy giờ như một ý-thức-hệ chớ tôi không phải một tín đồ nhìn một tôn giáo. Đối với tôi, Phật giáo là một *théorie de connaissance* (nhận thức luận). Từ trước, và cho đến hôm nay tôi là kẻ vô đạo. Tôi chẳng theo đạo nào cả. Tôi không phải là tín đồ, mà cũng chẳng tham gia các *action politique* (hoạt động chính trị); chỉ có khía cạnh văn nghệ của Phật giáo lúc bấy giờ làm cho tôi có cảm tình. Các hoạt động của nhóm Lá Bối — nói chung là thái độ, là lý thuyết của nhà Phật — đến với tôi lúc ấy thật là mới mẻ. Thú thật, xưa nay tôi ít đọc sách báo về loại triết-lý đạo giáo lắm. Cho nên Phật giáo đến mở cho tôi một con đường mới để đi tìm sự thực về cuộc đời — cuộc sống chớ không phải đường lối chính trị — đã giải tỏa trong tâm tư những điều tôi hằng băn khoăn, thất mắc. Với tôi, đạo Phật gồm có ba thứ: *religion* (đạo pháp), *philosophie* (triết học), *et... et...* quan niệm sống (*conception de la vie*) Thế thì vấn đề Sư, vấn đề Bụt có nói trong Tâm ca cũng chỉ nói ở quan điểm ấy mà thôi. Mà có phải tôi nói một mình Bụt đâu anh. Có cả «lúc Chúa vào đời xin đóng danh vì người» nữa chứ.

Còn vấn đề họ bảo tôi cò động hòa bình hả anh? Thì như thế này nhé, người ta không chịu nghiên cứu kỹ, chỉ đọc hoặc nghe qua vài câu trong bài Tâm ca số 1 (Tôi Ước Mơ) và Tâm ca số 4 (Giọt Mưa Trên Lá) rồi bảo rằng tôi vận động hòa bình, tôi phản chiến! Sự thực, cả 10 bài Tâm ca của tôi đâu phải chỉ nói đến hòa bình ở Việt-Nam, hòa bình trên mặt đất, mà là tôi chú trọng đến hòa bình trong lòng mỗi người. Hòa bình trong lòng chúng ta mới là đáng kể, hòa bình trong lòng con người mới là quan trọng. Có phải không anh? Tôi cứ nghĩ là sau 20 năm chiến tranh đè nặng trên đất nước như thế đó, nếu mà năm 1967 này, chẳng may chó ngáp phải ruồi, hòa bình có thực hiện trên đất nước chúng ta đi chẳng nữa, cũng phải đấu tranh ghê gớm lắm mới lấy lại được sự hòa bình trong lòng mọi người. Sự thanh bình, sự an bài đó chẳng những bành bạc trong trong 10 Tâm ca hôm nay, mà nó đã có trong khắp các bài hát của tôi từ ngày nào, ngày nao, trong Mùa Đông Bình Sĩ, trong Dặn Dò: ai có nghe tiếng hát hành quân xa mà không biết tới người mẹ già..., và trong các bài Quê Nghèo, Về Miền Trung, Thương binh v. v. là cả một ước mơ hòa bình của tôi ấp ủ từ bấy cho đến giờ chứ! Đừng nên hiểu người nghệ sĩ một cách quá dễ dàng như vậy. Làm như vậy là bất công. Phải nhìn xa hơn, rộng lớn hơn — tôi muốn nói là nên nhìn Tâm ca rộng hơn cái nhìn thu hẹp trong tầm vóc Việt-Nam — vừa nghe câu hát: kẻ thù ta đâu có phải là người,

giết người đi thì ta ở với ai" đã vội vàng kết tội: nếu như vậy thì không giết Việt Cộng ư? Mà phải nhìn rộng hơn, lớn hơn đúng với nghĩa rộng lớn của nó là: đâu có phải chúng ta chỉ biết có giết chóc, mà chúng ta còn có chính sách chiêu hồi nữa. Nếu chỉ biết có giết với giết, thì «kẻ thù ta đâu có phải người ngoài» vì lắm lúc chính bản thân ta cũng là kẻ thù của ta nữa kia mà!

Như tôi đã nói, Tâm ca là những gì mình cần nói với mình, với những người hiểu mình thì phải nói ra cho nó hết. Còn thiên hạ muốn nghĩ gì, hoặc cố tình không chịu hiểu mình, thì đó là quyền của họ.

Từ xưa đến giờ, qua các bài ca tôi sáng tác trong thời kháng chiến, các bài Dân ca, các bài Trường ca (Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam) và Tâm ca, quan niệm sáng tác của tôi là: con người nghệ sỹ thì phải thể hiện trung thực cuộc sống của thời đại mình đang sống kể cả cái tốt lẫn cái xấu. Lẽ tất nhiên khi nói đến cái xấu thì đừng bôi nhọ: Vì muốn bôi nhọ xã hội VN lúc này thì rất dễ. Nó có đủ các thứ xấu: đi, me Mỹ, du đảng, trộm cắp, lưu manh, hãm hiếp, giết người, Việt cộng, thù hằn!. Tôi chỉ mong sao các bậc thức giả và những người thích nhạc tôi, xin hãy nghiên cứu kỹ những lời trong các bài hát của tôi, xem có chỗ nào tôi dụng ý hoặc chủ tâm bôi nhọ xã hội không, có cố tình tô đen tình trạng đất nước, có đầu độc các bạn trẻ, có mỉa dân không? Nếu ai vạch cho tôi thấy rõ, ngày ấy tôi xin đập mẹ cây đàn này đi, tôi về bán thuốc lào. hi, hi, hi...

— Trên tạp chí Bách Khoa các số 224 và 227 ngày 1 tháng 5 và 15 tháng 6 năm 1966, các ông-Lý Chánh-Trung, Nguyễn văn Trung, Thượng tọa Thích Mãn Giác đều có những cảm nghĩ về 10 bài Tâm ca của anh, anh thấy thế nào?

— Tôi nhớ là tôi đã hân hạnh được trả lời trong một bài phỏng vấn nào đó rồi, nay xin được nhắc lại đại khái: kể cả 1 bài chấp nhận và 2 bài phủ nhận, các vị ấy đều bảo rằng khi nghe Tâm ca, mỗi người đều khóc cả. Thế thì tôi chỉ cần ba giọt nước mắt ấy là đủ. Tôi phải ơn 3 giọt nước mắt ấy cho đến chẳng những kiếp này mà cả đến kiếp thứ năm mươi của tôi cũng vẫn chưa hết. Nghĩa là tôi muốn nói dù các ngài ấy có phủ nhận hay chấp nhận, miễn là các ngài có xúc động khi nghe tâm sự của một người nghệ sỹ gói gắm vào lời ca tiếng nhạc. Thế là đủ an ủi cho tôi lắm lắm rồi. Có phải không anh?

— Nghe nói anh mới sáng tác bài hát gì mà «tôi vào quê hương bằng cuộn dây thép gai... tôi đào thông hào trồng cây chống nhọn hoắt...»

— À, tôi bắt gặp một bài thơ của anh thanh niên nào đó, bút hiệu là Hoa Đất Nắng đăng trong Tiểu Thuyết Thứ Năm. Tôi thấy thích, tôi đem phổ thành bài hát « ĐI VÀO QUÊ HƯƠNG NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI SÁU » lẽ dĩ nhiên tôi mạn phép tác giả mà sửa đổi đôi chút. Tôi thích bài thơ này vì đã nói lên được sự đau đớn trong lòng tôi đang chưa xót chung cho lứa tuổi 20 của các bạn trẻ hôm nay. Đồng thời, tôi cũng muốn ghi lại tâm trạng của một người yêu mến quê hương, hằng tha thiết với non sông đất nước

qua sự thể hiện trong Tình Hoài Hương: *quê hương tôi có con sông đào xinh xắn...*, trong Về Miền Trung : *miền thùi dương bóng dừa ngàn thông, thuyền ngược xuôi với một dòng sông dài, có tiếng hát xao xuyến ánh trăng vàng...* đủ thứ đẹp đẽ như vậy, mà hôm nay tôi đã phải đau đớn chấp nhận một sự thật diễn ra hằng ngày trước mắt, được thể hiện qua bài thơ này: *tôi đi vào quê hương bằng cuộn dây thép gai, tôi vào quê hương bằng xe traction, chở mìn claymore plastic đi ngoài đường... tôi vào quê hương bằng giồng nước mắt... tôi vào quê hương bằng nòng thép súng, tôi vào quê hương bằng sự giết nhau...*

Tôi nghĩ rằng những chua xót đó rất đúng. Vì quê hương chúng ta ngày xưa đẹp đẽ như tôi vừa nói, thế mà hôm nay, 20 năm sau, đường vào quê hương đầy đầy những... *thông hào trồng cây chông nhọn hoắt... nước mắt vợ chồng, nước mắt cha con, nước mắt bạn bè. Tôi lội tôi bơi mệt nhọc trong đó... trên da mặt tôi mọc lên cỏ thụ. Cỏ thụ sai oằn lựu đạn moóc chề...*

Thử hỏi lỗi ấy tại ai ?

Giọng anh Phạm Duy hát buồn, thật buồn. Khi anh ngưng đàn, hát, hỏi tôi như vậy, tôi ngập ngừng hỏi lại : Anh cho là lỗi tại ai ?

— Thử lỗi ở các vị...vị... từng được suy tôn là anh hùng dân tộc chứ còn lỗi của chi nữa ! Vì các vị ấy đã dẫn dắt dân tộc và đưa đất nước đến đoạn đường thê thảm hôm nay... Tôi không dám kết án ai cả ! Tôi chẳng dám kết án đâu ! Mà chỉ dám nói lên nỗi đau đớn trong mình mà thôi.

Còn bài gì mà có những câu : *cho tôi lại ngày nào, trăng lên bằng ngọn cau, mẹ tôi ngồi khâu áo...gì gì đó ?*

— Bài này mang tên là KỶ NIỆM. Có lẽ tôi sẽ cho phổ biến nó. Tôi thích nó vì nó cho tôi lại ngày nào...*mẹ tôi ngồi khâu áo. Bên cây đèn dầu hao. Cha tôi xem báo. Phố xá vắng hiu hiu. Trong đêm mùa khô ráo. Tôi nghe tiếng còi tàu Cho tôi lại nhà trường. Bao nhiêu người thương. Không ai thù ai oán. Ai cũng bảo tôi ngoan :*

Tôi theo tà áo trắng Cô em bạn cùng đường . . . Tôi mơ thành triệu phú. Cứu vớt gái bơ vơ . . . Cho tôi lại từ đầu. Chưa đi vội về sau . . .

— Bài TÔI ĐI VÀO QUÊ HƯƠNG 1966 và bài KỶ NIỆM này, anh đã quay ronéo chưa ?

— Chưa. . . Thú thật, tôi còn thêm một số các bài hát khác nữa, mà đáng lẽ sau 10 bài Tâm ca tôi sẽ phổ biến. Nhưng chẳng may sau khi 10 bài TÂM CA ra đời, tôi bị hiểu nhầm, thành thử ra tôi mất mẹ cả hứng. Tôi thấy nản quá ! Đáng lẽ tôi còn phát hiện nhiều hơn nữa, nhưng tôi cảm thấy mệt cho mình một cách vô ích. Mà tôi thì già quá rồi nên không chịu nổi mệt !

— Anh thì sức mấy mà già... (chúng tôi cùng cười) Tôi hỏi tiếp : nghe nói anh còn bài gì kia ?

— A, bài QUÊ MỘT CỤC. Tôi quê một cục nhưng tôi hách một cây. Vì

người ta cứ cho rằng dân quê là quê một cục. Nhưng sự thật thì họ vẫn hách ! Quê một cục, nhưng vẫn hách một cây, hách ghê lắm chứ ! Tôi phở biển bài hát này không khéo có người lại bảo tôi nịnh nông dân nữa cho mà xem ! Hi, hi, hi...

— Anh hát thử xem sao...

— Thôi ! Anh tham quá. Hả, hả hả, hả Này nhé : Tôi quê một cục, nhưng tôi hách . . . một cây . . . Đây, anh thấy có giản dị không ?

— Nhằm vào mục đích nào, anh sáng tác bài Quê một cục này ?

— Đúng ra là vì nhu cầu cho những lúc tôi đi hát ở các vùng quê. Anh có biết đâu trong khoảng ba năm gần đây, tôi thường về các vùng quê để hát cho họ nghe. Đi bằng cách nào à ? Tôi nhờ các cơ quan của Thông tin Chiêu hồi. Chẳng những hát cho dân quê, mà tôi còn hát cho những người quy chánh nghe nữa. Hiện nay có trên 40.000 người qui chánh và trong số 60 người vượt tuyến vào đây, tôi đều có đến hát cho họ nghe. Họ có cho tôi biết là thỉnh thoảng họ cũng được xem các tổ chức ca nhạc, nhưng phần nhiều là những bài hát anh yêu em em yêu anh, những màn thoát y và những điệu múa hở hang. Nghe Tâm ca và Dân ca, họ tỏ vẻ thích thú lắm. Hả ? Ồ, tôi hát một cách say sưa lắm chứ. Tôi chả cần biết là họ có thật thà qui chánh hay không. Hoặc họ sẽ nằm vùng cũng mặc. Đứng trên cương vị một nghệ sĩ, tôi chỉ biết hát cho họ nghe thôi. Hát thuần túy, những bài ca tâm sự của tôi, những bài ca ngợi ca tình quê hương lòng thiết tha với đất nước cho họ nghe, vì họ là người Việt-Nam. Thế thôi. Tôi không tuyên truyền gì cả.

Có điều mong các anh biết cho, là đất nước chúng ta hiện nay rất cần có một vạn thẳng nghệ sĩ đi hát như tôi, để hát cho dân các vùng quê nghe; cho họ quên bớt những nỗi khổ đã và đang đè nặng lên đầu cổ họ — như tôi đã từng làm trong 3 năm nay. Mà đó là một sự thử thách một ca nhạc sĩ anh nhé. Anh em nghệ sĩ nên trau dồi rèn tài nghệ của mình bằng cách về một vùng quê nào đó — tỉnh nhỏ, hoặc quận càng tốt — rồi hát cho dân trong vùng ấy nghe, xem họ có chịu nghe mình hát đến vài ba bài hay không. Tôi ấy à ? Tôi xin cam đoan với anh là tôi có thể giữ được dân quê suốt 2 tiếng đồng hồ bằng (anh vỗ tay vào cây đàn) tiếng đàn hát của tôi.

— Tôi nhớ không nhầm, thì anh có ba thời kỳ đi hát. Lần đầu chúng tôi nghe anh hát những bài *Đàn Xuân Tũn Lòng*, và bài gì *Ai Lướt Đi Ngoài sương Gió*, khi anh theo gánh cải lương Đức Huy vào những năm 1940-1943. Và thời kỳ 1945-1946 anh đi trong phái đoàn văn nghệ kháng chiến từ Bắc vào Nam, anh hát những bài *Chiến sĩ Hải quân*, *Chiến sĩ Việt Nam v.v.*, Và như anh vừa nói trong 3 năm gần đây anh cũng đi về hát ở các vùng quê với những bài *Tâm Ca*, *Dân Ca v.v.* Anh cảm tưởng thế nào lòng anh và đất nước trải qua ba giai đoạn đi hát của anh ?

— Trong lòng tôi thì : lúc nhỏ tôi mê cải lương, bỏ nhà trốn theo hát ; vừa lứa tuổi 20 gặp Cách mạng toàn dân vùng dậy — xin đừng nghĩ đi kháng chiến lúc 1945 là Cộng sản — sự kiện ấy ảnh hưởng mạnh đến tâm hồn nghệ sĩ chứ ! Thì tôi đi

hát, tôi tỏ nỗi hân hoan của lòng tôi cho mọi người nghe, thế thôi ! rồi những ngày gần đây thì... thì dân quê đau khổ quá, khổ hơn chúng mình nhiều quá, anh có thấy thế không ? thì tôi đi hát cho họ nghe những bài ca tâm sự của tôi. Chẳng có gì quan trọng cả anh à. Chung qui cũng do tôi nghiện hát. Tôi thấy tôi cần hát cũng như sinh vật cần thở vậy. Tôi thú thật là tôi nghiện hát nặng lắm rồi. Nếu có ai trách tôi sao thích ra mắt khán giả nhiều thế. Cũng nên thương giùm tôi, vì tôi không biết nghiện rượu, nghiện cờ bạc, nghiện thuốc lá, thuốc phiện, thì cho tôi được nghiện hát vậy ! Không được hát có lẽ tôi sẽ chết sớm anh à ! Mà tôi hát không, chớ tôi có hát lấy tiền ai đâu mà bảo rằng tôi tranh mỗi lợi của người khác ??? Trời sinh tôi ra để cho tôi hát, thì những ai đó việc gì phải sốt ruột ? Tôi nghĩ rằng chẳng ai thêm nhỏ nhen đến độ thấy tôi hát nhiều mà ghen ghét đâu. Có phải không anh ? Tôi nói tôi nghiện hát mà anh lấy làm lạ à ? Anh nên nhớ là nghệ sĩ phải có vocation pour la musique, nó là vấn đề nghiệp dĩ mà anh ! Cũng như các con tôi, đứa nào không thích hát, dù tôi có đánh võ đít nó cũng không hát ; còn những đứa thích hát, có bịt mõm nó cũng hát. Nó hát bằng tai anh à ! Hả, hả, hả....

Tóm lại, với tôi, hễ có dịp hoặc có người mời là tôi đi hát. Tôi hát hay thì nghe tôi, tôi hát dở thì đuổi tôi vào, ném cà chua vào mặt tôi đi ! Ai mời hát là tôi xin đi ngay. Hà-nội, Bắc-kinh, Moscou, Paris, London, Tân-Đề-Li hay là Mỹ... tho, đâu tôi cũng đi. Hỏi tôi sẽ hát những gì à ? Xin thưa tôi hát Tâm Ca, tôi hát Dân Ca, tôi hát Sức Mấy Mà Buồn, tôi hát Nghèo Mà Không Ham. Hì, hì, hì .. Tôi chẳng có một mặc cảm nào cả. Chẳng tự tôn cũng không tự ti. Ngày nào tôi không còn thích hát nữa, dù anh có đưa kiệu vàng đến rước tôi cũng không đi. Một khi tôi đã nghiện hát thì năn nỉ anh để được hát tôi cũng có thể làm. Có khi tôi đã thích hát, anh có đuổi tôi cũng không về kia mà !

— Anh biết hát từ lúc anh mấy tuổi ? Và ai dạy anh hát ?

— Chẳng ai dạy tôi cả. Tôi biết hát từ năm lên mười. Tôi thì hát ở trường tôi đã chiếm giải nhất rồi kia mà.

— Thế thì ai là thầy dạy anh về nhạc lý ? Và ai là người ảnh hưởng đến việc nghiện hát của anh từ trước đến giờ ?

— Ảnh hưởng đến tôi nhiều nhất trong lúc tuổi thơ về hát xướng, là một anh hát chèo cồ, anh có biết chèo cồ ở Bắc không ? Anh ta vô danh tiểu tốt, dù tôi có nói tên cũng vô ích. Thuở tôi còn bé, Mẹ tôi nuôi anh ta. Mẹ tôi là một Mạnh Thường Quân ở trong vùng trong tôi ở lúc bấy giờ. Nói nuôi luôn trong nhà thì không đúng hẳn, thỉnht hoảng anh ta đến chơi năm, ba hôm. Anh ta hát cho tôi nghe, và tập cho tôi hát những bài hát Quan Họ Bắc-ninh, những bài Trống Quân, các điệu hát Ả - đào, hát chèo v.v... Chính những cái đó đã ảnh hưởng mạnh nhất trong tâm hồn ấu thơ của tôi về âm nhạc.

Còn nhạc lý hả ? nhạc lý thì tôi học lấy, và sau đó tôi sang Pháp hai lần, tôi theo học nhạc — chương trình tám năm, tôi học rút trong hai năm — với giáo sư Robert Lopez. Học xong, tôi tự quyết định lấy đường hướng sáng tác của tôi, Cho

nên đem một bài Trường ca mà bảo rằng đó là thối thân của một bài Cantate hay là Senate thì là một chuyện vô lý, Vì nó hoàn toàn là của tôi. Theo thể nhạc của tôi. Cũng như Trường ca Sông Lô là của Văn Cao. Ngày Trống Đại là của Hoàng Thi Thơ chẳng hạn.

— Xin cho nghe về dự định sáng tác của anh ? Và hoài bão của anh về âm nhạc ?
Anh Phạm Duy gõ vào bụng cây đàn. Tôi lặng nhìn mái tóc hoa râm của anh, chúng tôi cùng chờ cho tiếng động cơ một chiếc phản lực vút xa, để trả lại sự yên lặng trong căn buồng. Sau đó anh Phạm Duy ngừng tay, chống lên cằm, đưa mắt nhìn ra nền trời đêm cắt trên khung cửa, giọng anh êm và trầm hẳn lại :

— Tôi tạm ngưng hoạt động âm nhạc. Và có lẽ tôi sẽ quay về làm điện ảnh trong một vài năm cho Trung Tâm Điện Ảnh. Tôi sẽ phụ trách về phần thực hiện những cuốn film. Ô, tôi còn nhiều nghề lắm mà anh ! Cũng lai rai âm nhạc, nhưng ít thôi. Anh có thấy trong mấy năm gần đây, tôi đã gây được phong trào hát tập thể cho anh em thanh niên, Những cuộc tổ chức hát giữa sinh viên chơi với nhau giữa học sinh và sinh viên v.v. là tại tôi một phần lớn đấy anh ạ !

Hoài bão của tôi giản dị nhất, là làm sao tổ chức được nhiều đoàn hát lưu động. Chẳng cứ gì tôi đứng ra tổ chức. Ai tổ chức được tôi cũng mừng, tôi xin đi theo quét sân khấu, kéo màn hoặc làm gì tôi cũng làm. Ô, tôi đã từng làm mà anh. Anh hỏi lại các đoàn Nguồn Sống, Trầm Ca mà xem. Nếu ai giao cho tôi ấy à ? Thì xin theo điều kiện của tôi. Và họ phải có tiền, có quyền và có thiện chí. Tôi chỉ cần có những ca sĩ có hai buồn phổi tốt sáng và tối tập thở. Chỉ cần tập thở cho nhiều là được còn các vũ sinh thì tập đi, theo methode. Rồi tôi tập luyện cả đoàn trong sáu tháng là xin đi trình diễn ngay.

Anh cũng am tường về vũ nữa sao ?

— Tôi không dám nói giỏi. Nhưng hồi tôi còn ở kháng chiến, thì họ giao cho tôi phụ trách Dân vũ. Trong những năm về đây, hễ có dịp đi ngoại quốc, là tôi nghiên cứu về các vũ điệu rất nhiều. Cũng như công việc làm film, công việc làm télévision...

— Anh bắt bình về việc những người chỉ trích anh qua 10 bài Tâm ca :

— Nói bắt bình thì không đúng hẳn. Đâu phải tôi mới bị chỉ trích đây, hử anh ! Mà tôi đã từng bị chỉ trích trong vòng 20 năm nay. Tôi quan niệm rằng một người nghệ sĩ phải biết chấp nhận sự việc người khác chỉ trích mình. Có chịu đựng như vậy thì mình mới tiến. Những chỉ trích đúng thì mình cảm ơn vì đó là những người thầy, và những người yêu mến mình, hiểu mình. Còn những người chỉ trích sai thì, thì... mặc họ tự đưa lưng cho dân chúng đập. Sức mảy mà mình để ý mà giận, mà ghét họ. Có phải không anh ? Trong 20 năm giờ nay, không bao giờ tôi quên ơn những người chỉ trích đúng đắn ; và cũng không khỏi phì cười khi gặp những sự chỉ trích vì mục đích ghen ghét nhỏ nhen khác. Thế thôi !

Thú thật rằng tôi cũng rất nhiều tánh xấu để cho người ta chỉ trích, nhưng phải đứng trên cương vị phê bình xây dựng, phê bình chỉ trích cho đúng. Phản ứng của tôi đối với những người chỉ trích sai hả? Thoạt nghe có người chỉ trích tôi, tôi cũng muốn xông lên đập ngay họ bằng cách này hay cách khác. Vì đó là phản ứng của một con người. Vì tôi cũng như mọi người, tôi cũng bần tiện, cũng ghen ghét, cũng ích kỷ như ai. Tôi cũng có đủ phương pháp. À, anh bày trò để bôi nhọ tôi, thì tôi cũng xin bày trò để trả đũa. Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ; không phải tôi sợ thua họ, nhưng tôi thấy dân tộc Việt Nam mình đã đau khổ nhiều quá rồi! Còn bắt dân mình bần mắt, bần tay vì những trò bôi nhọ nhau làm gì cho thêm khổ. Để thì giờ đó, để trí óc tôi sáng tác nhạc, tôi đi hát cho anh em nghe, cho dân quê nghe, không ai nghe nữa thì tôi hát cho tôi nghe. Có phải không anh? Nào, bây giờ thì tôi hát những bài anh đang đòi hỏi, cho anh và cho tôi cùng nghe. Còn chuyện thiên hạ thì xin cho qua anh nhé. *Sức Mấy Mà Buồn... buồn ơi... bỏ đi tám. Mình nghèo... mình nghèo như điên... mình không leo thang nên không choán vầng. Vì giữ mình tôi giết phải giết... Xin nhân danh đường lối Hòa bình giết luôn tôi. Đạo diễn đưa tay lên... đạo diễn đưa tay xuống... Bi hài kịch còn dài... Bi hài kịch chưa thôi. Tôi vào quê hương cùng gánh hát quê... Đả đảo hoan hô... Tôi đứng lên làm hề... Tôi vào quê hương quà tặng nhớ đem theo... một khẩu Thompson... chiếc súng cộng đồng... Mỗi tháng một đũa dành cho nhau một phát... Mỗi đũa một tháng dành một phát cho nhau. Cho tôi lòng non yếu... dễ khóc dễ tin theo... Trong tim thì sôi máu... khoe mắt có trợn sao... Cho tôi lại từ đầu... Chưa đi vội về sau.*

Trên đường về, tiếng đàn, tiếng hát của nhạc sĩ Phạm Duy vẫn còn đuổi tôi buồn buồn ray rức thấm thía buâng khuâng...

Sài Gòn đầu năm 1967

LÊ-PHƯƠNG-CHI

SÁCH MỚI

Cổ văn Trung quốc do Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch, Tao Đàn xuất bản và soạn giả cùng nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 480 trang, gồm 6 phần từ Tiên Tần đến đời Minh. Mỗi tác giả đều có tiểu sử, mỗi bài đều có nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa và chú thích rất công phu. Ngoài ra còn 4 trang phụ bản, in hình một số nhà văn, nhà thơ Trung quốc, có nói đến trong sách. Giá 350đ.

Hiroshima trong cơn ác mộng nguyên tác của Michihiko Hachiya bản dịch *Journal d'Hiroshima* của Bà Vũ-Bá-Hùng tự Thiều Mai do Lá

Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 436 trang giá 150đ.

Chiến thư miền nam nguyên tác của Antoine de St Exupéry, bản dịch của Nhà-Điền do tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang giá 30đ

Đồng-nai văn-ập, năm thứ 2, quyền 9 tập-san phát huy văn-hóa Dân tộc do nhóm Đồng Nai xuất bản và gửi tặng. Tập-san do ông An-Cư chủ trương, dày 148 trang, số đặc biệt Tết, gồm nhiều bài biên-khảo công phu. Giá 24đ

Hội - nghị quốc - tế âm - nhạc Á-châu

Ng. xa cách,

Hơn hai năm nay, vắng thơ cho bạn mặc dầu tôi vẫn đi dự nhiều hội nghị âm nhạc Á-Âu, bạn trách tôi bao lần rồi. Không phải tại tôi lười đâu. Công việc thì cũng bận nhiều thật, nhưng bỏ ra một đôi ngày, trò chuyện với bạn về những điều nghe thấy ở xứ người, có thể thu xếp được. Sở dĩ tôi im hơi lặng tiếng vì tôi ở trong cảnh một người không dám, không muốn, không thể đàn hát khi mẹ già đang hấp-hối, anh em đang đau khổ, mà mình thì bất lực trước bao nhiêu tang tóc của mình và của người ! Viết thơ cho bạn để nói những gì ? Nói về trẻ em nước người, học nhạc đến một trình độ rất cao ư ? Trong khi trẻ em nước nhà thiếu ăn thiếu mặc, học tại nhà trường không yên, nói gì đến học nhạc ! Nói chuyện người ta được có cái hạnh-phúc xây đắp văn nghệ nước họ trong hòa bình để đau xót cho dân tộc Việt từ mấy mươi năm nay phải bỏ bao nhiêu nghị lực tâm huyết vào công cuộc giành độc-lập, chống ngoại xâm ? Bao nhiêu lần cầm viết mà ghen ngạo viết chẳng thành câu !

Hôm nay được thơ nhiều bạn tỏ nỗi đau xót trước những hỗn loạn trong xã-hội do tình trạng chiến-tranh gây nên, và băn khoăn cho nền văn nghệ dân tộc bị những lối văn khiêu dâm, những loại nhạc điên cuồng làm hư hỏng, và các bạn muốn biết ở nước người văn hóa dân tộc có bị đe dọa như thế chẳng.

Tôi muốn chia sẻ cái băn khoăn của các bạn bằng cách nói lại cho các bạn nghe những nhận xét về tình trạng âm nhạc dân tộc của xứ người và trong thư này, tôi không viết nhiều về nếp sống hay danh lam thắng cảnh mà chỉ nhấn mạnh vào diêm văn hoá dân tộc ở xứ sở người thôi, bạn nhé.

Cách đây vài tháng, tôi có đến Ma-ni (Phi-luật-tân) để dự hội nghị quốc tế về âm nhạc Á-châu. Tôi không báo tin cho bạn biết, trước ngày đi, cũng như sau ngày về, vì đã đến vùng nắng ấm cây xanh ở Thái-bình-dương, mà hoàn cảnh và công việc không cho phép tôi thăm nước, thăm nhà, thăm bạn bè, tôi buồn vô cùng. Nhứt là khi phi cơ bay ngang không phận nước nhà, phi công cho biết rằng khu rừng xanh có mấy con đường mòn quanh co là vùng Pleiku và sau đó độ mười phút hiện ra bãi cát trắng dài theo duyên hải dẫn đến một vùng có nhiều nhà : vùng Qui-nhon ! Cách châu thành không xa lắm có một phi trường và rất nhiều

phi cơ khu trục ! Hình ảnh của nước nhà đang chìm trong khói lửa làm cho tôi khôn ngăn giọt lệ.

Phong cảnh, khí hậu, ở Ma-ni làm tôi nhớ Sài Gòn quá. Cũng cái "nóng nung người, nóng nóng ghê", cũng cảnh hoàng hôn nhiều màu sắc. Mà người Phi cũng quý khách, tiếp khách một cách rất nồng hậu như người mình. Và chiều chiều, có nhiều thủy thủ Mỹ đi dạo theo bờ biển, mà trong cánh tay mỗi chàng đều có một cô gái làng chơi người bản xứ. Tôi nhớ đến những bài báo nói về sự thanh hành của nghề bán phấn buôn hương bên nước nhà mà buồn và xót cho hoàn cảnh của nước nhà, vì đâu mà phong hóa suy đồi !

Tại Ma-ni lúc tôi đến, có nạn khan nước uống. Người ta phải làm đuôi đề gánh một vài thùng nước để nấu ăn. Trong khi đó, những nhà giàu vẫn thừa nước tưới cho cỏ mọc thêm tươi trong sân golf của họ. Thành phố to nhưng không có xe ô-tô-buýt hay xe điện chi cả. Cũng không có xe "thồ-mộ", xe xích lô như bên mình. Nhiều công ty của tư nhân mua xe jeep nhà binh bán rẻ, về sửa lại cho nó bớt uống "ét xăng" rồi sơn đủ màu đua nhau đưa hành khách, mỗi «cuộc» một cây số lấy 10 centavos — mỗi đồng peso, bằng 1 quan Pháp, tức lối 30 đồng bạc ta theo thị trường tự do, có 100 centavos — Người Phi gọi loại xe ấy là "jíp nê" hay là xe "quan tài đặt trên 4 bánh" (coffin on reels) vì bước lên xe ấy có thể giao mạng mình cho anh tài xế họ đua nhau chạy mau để rước nhiều khách, và trên đường trông họ rờ máy, «chặt cua» thấy mà ghê hồn.

Chưa có nơi nào tiếp đãi nhạc sư, nhạc sĩ trọng hậu như nước Phi. Trong lúc cả châu thành bị khan nước, mà khách sạn chúng tôi ở, được không bị cắt nước giờ nào cả — Và khi Tổng thống phu nhân và ông đốc lý thành phố Ma-ni tiếp các nhạc sư nhạc sĩ lại cho cả cảnh sát đi xe mô tô dẹp đường hộ tống !

Hội nghị Ma-ni đặc biệt hơn các hội nghị quốc tế về âm nhạc ở chỗ lần đầu tiên, các nhạc sư, nhạc sĩ, nhạc học gia Đông-Tây họp tại một nước Á-châu, để chỉ trình diễn và thảo luận về nhạc cổ truyền các nước Á-châu. Có một buổi dành riêng cho nhạc Âu, nhưng phần chánh cũng đề bàn về cách dùng những đặc điểm của nhạc Á, trong lúc sáng tác nhạc Âu.

Không phải là một nhạc-hội (festival) trong đó đại biểu các nước chỉ trình diễn âm nhạc không phải là một hội nghị (Congrès) trong đó các đại biểu chỉ thảo luận về lý thuyết âm nhạc. Không phải là một cuộc gặp gỡ Đông-Tây như hội nghị Téheran, hội nghị Đông Kinh năm 1951, hội nghị Jérusalem năm 1963, mà là một hội nghị kiêm nhạc hội về nhạc cổ truyền các nước Á-châu. Về phần lý thuyết có những buổi hội thảo. Một giáo sư chuyên về một loại nhạc Á-châu thuyết trình một vấn đề trong nửa giờ. Một ban gồm có nhiều giáo sư bình luận rồi toàn thể hội nghị thảo luận trong hai giờ đồng hồ. Nhạc Nam-dương, nhạc dân tộc Phi luật tân, nhạc Ấn độ, nhạc Việt Nam, nhạc Thái lan, nhạc Nhật bản, nhạc Trung hoa, nhạc Triều tiên được đề cập đến và trong chương trình hoà nhạc, có những tiết mục về nhạc các nước kể trên thêm nhạc Ba tư, những nhạc phẩm cận đại bên Âu-Mỹ, và nhạc phẩm do nhạc

sĩ Phi luật tân sáng tác. Trong một bức thư, tôi không thể kể hết những điều các tôi đã được hiểu hết thêm về các loại nhạc cổ truyền ở Á châu, từ "patet" trong nhạc Java, các Raga trong nhạc Ấn, cũng tương tự như các hơi các điệu trong nhạc cổ truyền của ta, đến các điệu" trong nhã nhạc Nhật bản. Tôi chỉ muốn nói qua với bạn về nhạc dân tộc ở Phi luật tân. Trước khi sang Ma-ni, tôi có nghe vài ba nhạc khí lạ của người Phi như đàn Kudiyapi (cu-di-a-pi) và đàn Kulintang (Cu-linh-tăng) do giáo sư Macéda thu thanh và trình bày trong một đĩa hát trường kỳ. Từ trước đến giờ tôi chỉ biết người nhạc sĩ Phi ngang qua các giàn nhạc khiêu vũ của người Phi tổ chức tại Saigon trước thế chiến thứ nhì.

Tôi chỉ gặp trong các hội nghị quốc tế, nhạc sư Romon Tapales (Ra-mông-Ta-pa-le-xơ) nhạc sư Antonio Buenaventura (Ăng-tô-ni-ô- Bu-ê-na-văng-tu-ra) là những người sáng tác và dạy nhạc Âu. Tôi chỉ được xem đoàn ca vũ nhạc Phi luật tân biểu diễn tại Ba lê với giàn nhạc Rondalla (Rông đa la) gồm toàn các nhạc khí cùng loại với đàn lục huyền cầm I pha nho : như đàn bandudria (băn-đu-ri-a) có 6 dây đôi, đàn laud (la-u-đơ), đàn octavina đàn guitar (ghi ta), và bajo (ba-khô). Tôi lầm tưởng rằng nhạc Phi luật tân vì chịu ảnh hưởng của nhạc I pha nho và nhạc Âu, nay đã không còn chút chi màu sắc dân tộc cả. Đến đêm hòa nhạc tại nhà Philamlife (Phi-lam-lai-phơ), tôi được nghe ông Kalunm Dulangan độc tấu đàn Kudiyapi. Thùng đàn hình như chiếc thuyền đàn có hai dây bằng thép và trên cần đàn có lối mười cái phím gỗ có nhiều cách lên dây tùy theo bản, theo điệu. Mà những chữ nhấn nghe rõ, cũng có nhiều "chữ độc", cây đàn ấy có thể làm cho người dân đảo Mindanao miền Nam Phi luật tân thức suốt đêm mà nghe. Ông Kalun Dulangan từ trước đến giờ chưa đàn trên sân khấu lần nào cả. Thông tin viên của tờ Ugügan bích báo đặc biệt của Hội nghị có viết thêm rằng có lẽ lần đầu tiên mà ông mang giày trong lúc tấu nhạc. Giáo sư Macéda nắm tay ông dẫn ra trước sân khấu, giới thiệu nhạc công và nhạc khí rồi ngồi bên cạnh ông Dulangan để ông khỏi "bơ vơ" trước cả ngàn đôi mắt đang nhìn ông. Nhìn nét mặt ông ngỡ ngàng trước bao người thính giả đến từ viễn phương, lên dây đàn, dạo qua mấy khúc, thấy giáo sư Macéda diu dặt che chở với người nhạc sĩ dân tộc, tôi cảm động trước cái tình của giáo sư Macéda đối với một ông "thầy đồn", và hôm đó tôi nhận thấy tiếng đàn Kudiyapi lý thú, tế nhị hơn nhiều. Mấy hôm sau giáo sư Macéda giới thiệu cây đàn Kulintang gồm có 7 chiêng đồng hình như cái ô trầu có đáy nắp, đặt trên 1 cái giá hình vuông dài, và nhạc công dùng hai dùi gỗ, gõ vào mặt chiêng. Nhạc công Amal Lumuntud trình bày hàng chục tiết điệu, và tôi mới có dịp đề ý đến các biến khúc phong phú của tiết điệu — Trong bài thuyết trình về "nhạc Á châu của nước Phi luật tân", giáo sư Macéda nêu lên gần 50 nhạc khí dân tộc, từ ống sáo Kalleleng của đảo Luzon mà người ta thổi bằng lỗ mũi, loại "bài tiêu" có năm ống (Saggeypo), loại kèn dăm chiếc (Sahunay) đến các loại đàn có cung duwagey 1 dây, gologod 3, 4, 5 dây, loại trống Kimbal, Dabakan, chiêng, cồng, lớp treo trên giá đứng, lớp đặt trên giá nằm, không những tôi là người ngoại quốc phải ngạc nhiên về số lượng của nhạc khí dân tộc, mà cả người Phi luật tân cũng không ngờ gia tài âm nhạc dân tộc của họ cũng khá to — Đến hôm nghe đoạn Atingatin trong nhạc phẩm Filvasvana của nữ nhạc sĩ Lucrécia Kosvlag có những sáo thổi bằng mũi những cồng

Gangsa, những trống Solibaw và nhất là nhạc phẩm *Agungan* của nhạc sư Macéda sáng tác cho tất cả loại cồng và trống, toàn là nhạc khí dân tộc của Phi luật tân, tôi thấy rằng, giáo sư, nhạc sư Macéda đã thành công trong việc khai thác và nung cao nhạc dân tộc Phi.

Tôi quen với giáo sư Macéda, lúc tôi chưa hoàn thành luận án về nhạc Việt, mà ông cũng chỉ là một người nhạc sĩ Phi luật tân đang tìm cái mới lạ bên trời Âu. Ông đàn dương cầm (Piano) rất hay và đã từng học với danh cầm Alfred Corot. Ông sang Balê để học về môn nhạc học và nghiên cứu các lối nhạc cụ thể, nhạc điện tử. Ông có ý định lúc trở về nước dạy môn nhạc học và nghiên cứu âm nhạc. Vắng tin ông mấy năm, một hôm tôi được hai tạp chế «Dân tộc nhạc học» (Ethnomusicology) trong đó có bài của ông viết về nhạc cổ truyền các nước Á châu và một bài về nhạc tộc dân miền núi Sagada. Tôi đã ngạc nhiên rằng một người thích nhạc Âu mà lại đề ý đến nhạc dân-tộc. Từ đó đến nay gần 10 năm trời, ông không diễn-tấu nhạc Âu châu trên dương cầm nữa, ông đi vào các thôn xa để thu thập những dân ca, ông nghiên cứu nhạc khí dân tộc, ông tìm hiểu nhạc dân-tộc, ông đề ý đến cách nhấn của đàn Kudiyapi, nghiên cứu tiết điệu của đàn Kulintang, giới thiệu những loại nhạc dân tộc trong các tạp-chí nghiên cứu trong nước và ngoài nước, và giải thích những cái tế nhị của nhạc dân tộc Phi luật tân trong một đĩa hát trường-kỳ của hãng Ethnic Folkways (Êt-ních-Fóc-uê-gơ). Ông không khinh thường nhạc dân tộc, như phần đông những người hấp thụ Tây học. Trái lại, ông áp dụng những phương-pháp khoa-học của Âu Mỹ để nghiên cứu nhạc cổ-truyền Phi luật tân. Kết quả, là công trình nghiên cứu của ông được các giới nhạc học trên thế giới chú-ý, và trong hội nghị vừa qua ông trình bày trên 50 nhạc khí dân tộc mà ông đã sắp loại theo phương-pháp của các nhạc học gia người Đức Curt Sachs (Cuộc tơ-Zắc-nơ) và Hornsbostel (Ho-nơ-bo-sơ-ten), ông đã dùng những tiết điệu phong phú của đàn Kulintang và các loại cồng mà sáng tác nhạc-phẩm «Agungan» (Agung là tên một loại cồng ở Mindanao). — 27

sinh viên trường quốc gia âm nhạc và nhạc sĩ, đánh trống và cồng theo chiết phần và cách cấu tạo theo Âu nhạc, sáng tác mới nhưng không mất dân tộc tính. Nhạc sĩ Macéda không theo hòa âm cổ điển, sau khi hấp thụ, nghiên cứu và tiêu hóa những đặc tính của nhạc dân tộc, nhạc sĩ Macéda nung cao nhạc cổ truyền của Phi luật tân trong một nhạc phẩm có hệ thống và qui củ. Sở dĩ nhạc sư Macéda thành công là nhờ ông am hiểu tường tận hai nhạc ngữ, Tây phương và Phi luật tân, ông đã đề trên 20 năm học và nghiên cứu hai loại nhạc ấy và thấy rõ những điểm nào có thể phát triển mà không làm mất dân tộc tính. Các thính giả và thức giả nhiệt liệt hoan nghinh nhạc phẩm của nhạc sĩ Macéda. Không thể nói là ông Macéda bắt chước người Âu một cách máy móc. Không thể nói bài Agungan là một loại nhạc ngoại lai vì nhạc phẩm ấy được sáng tác trên nền tảng nhạc dân tộc. Nhớ đến nhạc sĩ Á Phi đã khinh rẻ nhạc dân tộc của nước họ, hướng về Âu nhạc và cho rằng chỉ có Âu nhạc mới diễn tả nổi những xúc cảm của con người hiện đại, đua nhau chạy theo đuôi người Âu, bắt chước họ, để được họ khen là một anh học trò thông minh, mà tôi thấy xúc động trước thái độ của ông Macéda. Đã thâm nhuần nhạc học Tây Âu, đã bao lâu

diễn tấu dương cầm, dám bỏ những cái mà phần đông mà nhạc sĩ Á Phi đang chạy theo, để trở về với dân tộc Phi luật tân, sưu tầm, nghiên cứu, khai thác, phổ biến, phát triển và nung cao vốn cổ.

Mỗi người ở một phương trời mà chúng tôi đã gặp nhau trên con đường phụng sự nhạc dân tộc. Lẽ tất nhiên là chúng tôi cũng tìm hiểu các lối nhạc Tây phương, để biết họ đi về đâu, nhưng câu chuyện lý thú trong những dịp gặp gỡ trao đổi văn hóa không phải ở chỗ nhạc Âu có gì hay, mà kho tàng nhạc dân tộc của ta có gì đáng quý. Cũng trong tinh thần đó mà nữ giáo sư Rulan Chao Pian, giáo sư Kishibe và tôi đã bàn về cách ký âm trong nhạc Trung quốc, Nhật bản và Việt Nam. Chúng tôi đã xem các đại đồng, tiểu dị trong cách ký âm của ba nước. Giáo sư Rulan Chao Pian đã nói chuyện về cách ký âm từ đời Tống đến nay, giáo sư Kishibé nói về cách ký âm trong nhã nhạc, tôi nói về cách ký âm của Việt Nam từ lúc áp dụng cách ký âm Trung hoa đến ngày nay với những phương pháp ký âm mới của bác sĩ Nguyễn văn Bửu, của Giáo sư Nguyễn hữu Ba. Bên lề hội nghị, giáo sư Kishibé và tôi đã bàn về các thủ pháp của đàn Koto (Nhật) và đàn tranh (Việt Nam), về cách nhịp trống trong hát Nô (Nhật) và trong hát tuồng (Việt Nam). Tìm hiểu nhạc dân tộc của nước mình và nước ngoài để phát triển những cực điểm, bồi bổ những khuyết điểm, không tự tôn hay tự ti mặc cảm, không «bể môn tỏa cảng» đến chẳng nhìn nhận những cái hay của nhạc Âu, nhưng không nhắm mắt chạy theo hoặc bắt chước người Âu một cách mù quáng, giáo sư Keshibé và giáo sư Macéda đối với tôi là những bạn đồng điệu và sự thành công của giáo sư Macéda trong lãnh vực nghiên cứu và sáng tác làm tôi thêm vững niềm tin trên con đường tôi đang theo dõi hơn 10 năm nay.

Nếu chúng ta có thêm được một ít nhạc sĩ trẻ tuổi sau khi hấp thụ phương pháp diễn tấu hay nghiên cứu nhạc Âu, dám trở về với nhạc dân tộc như giáo sư Macéda, thì tương lai nhạc Việt không đến nỗi lu mờ. Huống chi c úng ta còn có những nhạc sư, nhạc sĩ như Nguyễn xuân Khoát, Đỗ Nhuận, Lê Thương, Nguyễn hữu Ba, Phạm Duy... thì chúng ta còn có thể tin rằng nhạc Việt còn có tiến bộ hơn. Nhưng điều kiện thuận-tiện cho sự phát triển ấy là hòa bình trên đất nước Việt. Mà bao giờ, hòa bình trở lại với chúng ta, bạn nhỉ ?

Xa xôi...

BẠN ĐỌC ĐÓN COI :

20 NĂM QUA việc từng ngày (1945 - 1964)

của **ĐOÀN - THÊM**

Sẽ phát hành vào đầu Xuân Đinh-Mùi
Hội tại Kim-Lai Ấn-Quán 3 Nguyễn - Siêu Saigon

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9è

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 23 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Trong đêm trường còn có ánh trăng sao

Khi cách mạng tháng tám bùng nổ, tôi mất công việc làm ăn, mất nhà cửa, mất hầu hết bạn bè. Tôi tìm ra được bề sâu của sự cô đơn, vui thú của nghèo nàn và có dịp gần gũi hơn nữa với thiên-nhiên.

... Ngày thứ năm hai mươi bảy tháng chín, một buổi mai tươi sáng, chúng tôi rời khỏi nhà, từ-giả thành-phố thân yêu đến ở tạm nơi một nhà ngói nhỏ hẻo lánh, bên kia sông Lạc-giang; dưới chân núi An-lâm. Nhà này là một ngôi chùa cũ, cột mục, vách xiêu. Dựng trên một tảng đá lớn, nhà quay mặt hướng đông-nam. Đứng trước nhà, nhìn thấy cửa biển, những làng chài lưới, chân trời trắng và nâu của thành phố, dãy núi không cao bao học tỉnh thành. Gần nhà, một bãi cỏ xanh, điểm vài cây keo, cây gòn, đôi cụm dừa nước, chạy ven theo sông; bên kia giòng nước, là cồn Dương-Thanh, với mấy thửa ruộng của mấy gia-đình lập nghiệp ở đó từ lâu. Phía trên và phía dưới, cách nơi chúng tôi tạm trú, có những sở vườn nuôi súc vật và trồng rau. Chung quanh nhà, thỉnh thoảng, những đàn dê cừu đến ăn một cỏ non mà mặt trời chưa kịp thiêu hết. Mấy cậu bé chăn dê đùa cợt với nhau trên những nắm cỏ hoang. Đến chiều, khi mặt trời đã khuất, nhà chúng tôi chìm đắm trong hiu quạnh: không mấy ai, lại vắng nơi đường mòn nối liền xóm này qua thôn khác, nhất là từ ngày cách đây không bao lâu, còp và

beo từ rừng núi xa đã xuống bắt dê tận cùng này.

Đời sống của tôi nơi đây thật rộng rãi về thời giờ. Không còn khách thăm viếng, không còn thư từ báo chí phải đọc, không còn tiếng gọi của đường phố không còn sự quyến rũ của chương-trình hát xướng. Số bữa ăn giảm bớt, mỗi bữa ăn lại bớt lần thức ăn. Thành ra, thì giờ nhàn rỗi tăng thêm, mà chính trong những giờ này người ta sống đầy đủ hơn hết.

Với tiền đề dành, chúng tôi có thể sống như thế này vài ba tháng. Nhưng hết thời gian ấy, hết tiền của, sẽ ra sao? Câu hỏi đó, tôi không muốn trả lời vì không thể trả lời được. Ngày nào chỉ có vấn - đề ngày ấy, công đâu mà lo âu và đau khổ cho tương lai, vì trong cuộc đời trôi nổi bấp bênh, đối với mình chắc gì có được ngày mai. Người ta thường không chịu sống bây giờ và ở đây. Trong cảnh náo nhiệt, ta mơ nơi yên tĩnh. Khi đến bãi biển hay đồi núi, ta tưởng nhớ chốn phồn hoa. Người ta chỉ xem ngày nay như một khởi điểm để xây dựng những ngày kế tiếp mà quên hẳn những giá trị tuyệt đối và vĩnh viễn của nó. Để sống người ta còn phải chờ đợi sự kêu gọi của một điểm mông nào hay mệnh lệnh của người chung quanh, của đồng bào, của thiên hạ. Nếu không giống hạng người trước khi xuất hành hay lập nghiệp phải xin xăm bói quẻ, ta cũng

vấn dị đoán mê tín khi tìm kiếm trong kinh nghiệm ai đâu một phương hướng đề lên đường hay nhờ những bậc thánh hiền vạch cho ta lối sống mà chẳng nghĩ rằng thánh hiền cũng như chúng ta, trong hoàn cảnh của họ, đã có công tự giải quyết lấy vấn đề của mình mà thôi. Khi lý trí của ta đầu hàng trước thông minh và tài năng kẻ khác, ta lại càng thêm phân vân nơi hành lang các thần tượng. Trên những hương-án riêng, các pho tượng ngồi nhìn nhau mà tư tưởng của họ không ngót đối chọi, bậc thì nói có, bậc nói không, vị thì bảo nên, vị khuyên đừng. Huống hồ trong chợ đời ta đang rảo bước tiếng gào hét của những chính - nghĩa, lập trường, khác nào những lối quảng-cáo rao hàng ; có sa vào cạm bẫy mới đo lường được manh tâm giả dối của người đề xướng. Kẻ yếu bóng vía thường hồi hộp lắng tai, đón chờ dư luận đề tuân theo ; cơn sợ hãi chưa nguôi khi ta giắt lừa, cỡi lừa hay gánh lừa, mà cả lúc ta đánh làm lừa, cũng còn e ngại vì những tiếng mỉa mai cười cợt.

Trong lúc được sống không có sự ràng buộc nào, tôi muốn hưởng cho đến cùng thích thú của hieu quạnh và nhàn rỗi. Tôi muốn dùng cơ-hội để gạt bỏ những băng khuâng phù phiếm, cố tìm phần chính yếu cần thiết cho đời mình.

Tiếc rằng điều cần thiết, chính là yếu tố chia rẽ mình và những người khác, vì đại chúng thôn tính cá-biệt, mà không công nhận cá biệt, vì cái cần thiết phổ quát mệnh mông không đếm xỉa đến cái cần thiết chính yếu những bé bỏng của một nhân thể, tuy rằng rút gọn hay kinh thường nhân thể đến bậc nào, nó vẫn là thực thể minh chứng và nâng đỡ cho những dự phóng cần thiết bao la về đại-chúng.

Thiếu lý lẽ vững chắc để gạt bỏ một con người hèn mọn, như không thôn tính được cái chí của đấng thất-phu, thiên hạ phải vay mượn những tiêu-chuẩn đạo-đức để phê phán và tạo nên những duyên-cớ hủy-diệt luôn thân-xác con người.

Nhưng sự cần thiết của một ai cũng không mất nghĩa, vì không thuộc một phạm-trù với thiện hay ác, hữu ích hay vô lợi. Hủy diệt một thể xác để làm mất phần cần thiết chính-yếu, chỉ là công dã-tràng, vì phần ấy, trước kia, sau này, hay đồng thời đã nhập vào bao nhiêu nhân-thể khác.

Raskolnikof, nhân-vật truyện «Tội ác và hình phạt» của Dostoievski, giết người không phải để cướp của hay vì mục-dịch tầm thường, thoả mãn sự thù ghét, mà giết vì sự cần thiết riêng, vì muốn thử xem hắn có gan sống không. Toà án của xã hội muốn luận án thể nào cũng mặc, toà án không tuyên giảm hay sửa chữa được một lối sống, có thể là lối của biết bao nhiêu Raskolnikov khác mà toà án không có dịp để trị tội.

Nhưng còn có những cần thiết không giết hại ai, không làm mất trật-tự xã hội, mà trái lại đem lại cho đời người khác, một ánh sáng khác lạ để soi đời, hay một vài điều ngộ nghĩnh làm nở nụ cười trên môi bao mặt nghiêm khắc buồn rầu hoặc giải mê cho một tâm thần nào phát phơ trong vô định vì ma túy.

Nhân-loại học là một khoa-học còn non nớt. Ta đã biết con người là thể nào chưa, mà vội vả phê phán toàn-thể của người ? Người là một nghệ-phẩm xây dựng với những yếu tố phức tạp mà những lý lẽ đơn giản không cắt nghĩa và nhận xét hết được để có thể đi đến

việc định đoạt giá-trị. Đề bao trùm đời một kẻ khác, ta chỉ cần lượm lặt hay bày ra một số danh-từ, ta chỉ cần định một cách độc đoán vài loại khuôn thước, và xét xử kẻ khác theo khuôn khổ và danh-từ nguy tạo ấy. Cũng vì thế, chưa lúc nào bằng lúc này người giết lẫn nhau một cách oai hùng và dã-man.

... Tại sao hình ảnh của cái chết phăng phất trên mấy trượng này? Khi tôi viết, tôi nghe nơi bụi cây không phải tiếng chim cú, mà tiếng gáy thanh tao của con câu rùng nói lên sự mong đợi bạn đồng cảnh hay sự vui mừng của cảnh đoàn tụ. Tôi đặt bút xuống. Từ trên tản đá dùng làm vọng tháp, tôi nhìn phong cảnh rộng mấy nghìn thước. Mặt trời vượt khỏi đám mây lam, một mặt trời êm dịu ban bố ánh sáng khiêm nhường. Giòng sông phẳng lặng. Bên cồn Dương Thanh, đám mạ vừa cấy khoe màu xanh tươi trên một thảm cỏ xám. Nơi xa kia, trước vùng lát cao, một đàn mấy mươi cò trắng đứng bất động, nhìn con nước chảy dưới chân. Đường liền bao đỉnh núi bây giờ vạch rõ ràng từ phương đông để trốn mất sau rừng dừa nước. Từ trên đỉnh xuống chân, núi tô một màu xanh nhạt, đều đặn nhờ màn sương mỏng manh mà ánh nắng chưa làm tan hết. Gần nơi tôi ngồi, vài con chim nhảy nhót trên sân. Một con sáo đến đậu nơi cây hoa tím, làm đôi bướm vàng cất cánh lánh tìm cảnh khác.

Tôi biết ác-tâm và bạo-lực của người chẳng làm gì được đối với phong cảnh sẽ sống mãi với Thiên nhiên. Phong cảnh chỉ có vài nét mà nhìn không bao giờ chán, vì mỗi lần nhìn, phong cảnh đã đổi màu sắc tùy theo ánh sáng, và phong cảnh, trong mọi biến dạng, không

hề phạm lỗi hòa điệu.

Hình ảnh cái chết có phăng phất nơi đây cũng tựa như nắm mồ hiu quạnh nơi bờ sông kia, chẳng có gì đáng sợ, không kêu gọi sự kinh khủng như một mặt người với dạ thú — cái mồ của ai kia với bia đá đã hư mòn còn có vẻ đẹp trang nghiêm với mấy hoa giếng, với bóng mấy cây gòn dựng lên trơ trọi nơi đó như để làm chốn ngoạn cảnh của hồn ma. Có lo âu gì khi hình ảnh cái chết vẫn vương, vì có nó, người mới tìm được đường ngay để sống thật.

Tưởng nhớ cái chết không phải để dẫn mình vào cảnh chán đời, yếm thế, từ bỏ cuộc sống thật mà vào cõi mộng ảo, chính để biết yêu đời một cách tha thiết hơn nữa, trong thời gian ta được sống. Trốn tránh vì sợ hãi, kêu gọi vì yếu hèn, đều vô ích và vô nghĩa. Cái chết có những cuộc thăm viếng bất ngờ.

Như trưa hôm qua. Tắm nơi sông, vừa bơi ra được vài mươi sải, tôi định trở lại bờ. Có điều gì đã thay đổi lạ lùng? Khi mới xuống nước tôi không thấy nước chảy; bây giờ yếu sức, tôi cảm thấy nước chảy quá mạnh; muốn lội tôi ra tận biên khơi. Tôi cố gắng hơn nữa để vượt mấy thước còn lại, nhưng khoảng cách thay đổi mà có vẻ lớn lần. Trong một phút tinh trí, tôi không chống lại dòng nước nữa, tôi đành nằm ngửa phú mặc cho rủi may và khinh thường cái chết. Con sông ngừng chiến đấu khi tôi trở thành một vật nổi lênh đênh. Và khi không còn mong ước, tôi thấy bờ đất lại đến gần và vật bỗng bênh lại mắc cạn...

Bên này của sông Lạc-giang, nơi chân núi An-lâm, quân lính đến đóng. Nhà chúng tôi ở trước mặt trận. Không đợi

người ta khuyên đi nơi khác, tiếng bom đạn nổ bên cạnh nhà mỗi ngày mỗi dữ dội, cũng đủ đuổi chúng tôi ra khỏi vùng. Thôi, tạm biệt những buổi bình minh tươi sáng, những cảnh hoàng-hôn ngấm từ vọng tháp ! Tạm biệt non nước nơi đây và những chim chóc bướm hoa ! Kỳ hạn phải ở đây và được ở đây đã mãn. Bao nhiêu cảnh vật, như đường mòn ven núi ghi bước một nhọc của tiểu-phu tập-sự, tảng đá làm ghế ngồi cho người trầm lặng, sẽ biến thành những hình ảnh hện vào ký-ức. Từ biệt luôn những công trình của nhất thời : đám cải vừa bén rễ, người khác sẽ ăn thể ta, những trái cà chua chưa chín, người khác sẽ ngấm xem và mơn trớn thay ta...

Khi chúng tôi ra đi, trời nắng gắt, nhưng một chốc sau mưa rơi tầm tã. Và mưa rơi mãi cho đến khi chúng tôi tới Bình-Lương. Trong trí tôi bấy lâu sống trong hiu quạnh, Bình-Lương, với chợ phố, đã trở thành một thị trấn hay một kinh đô. Ngồi tạm núp mưa nơi một quán nước, chúng tôi nhìn những người đi qua lại trên con đường bùn lầy, nhưng bao nhiêu người là bấy nhiêu mặt lạnh đạm. Tôi chỉ thấy chút an ủi nơi nụ cười của chủ quán khi tôi trả tiền cốc cà-phê lạt và hãm. Trời đã tối mà chúng tôi chưa tìm ra được nơi trọ. Ngồi trước hiên tiệm nước, bên cạnh hành lý gối ngang và dơ bần, tôi thêm thiếp ngủ. Chúng tôi gọi điện thoại cho khách sạn khá nhất ở thủ đô. Ông dành cho chúng tôi hai phòng có đủ tiện nghi nhé ? Có chứ, tốt lắm. Chúng tôi muốn tăng ba thì vừa, đừng cao quá, phòng ngó xuống đường thì tốt hơn. Được, đừng lo gì về giá cả. Nhưng bây giờ ông cho xe đến đón chúng tôi. Chúng tôi vừa mới tới, và

chẳng có phương tiện xe dịch nào cả. Những ảo giác kỳ dị biếng mắt. Tôi trở lại với tiếng trò chuyện trong quán, sau lưng tôi. Có người đứng bên cạnh nói « Mời ông ra đi », mà tôi nghe như mời ông lên xe. Ông là ai ? Tôi sắp hỏi, nhưng được biết ngay đó là người quý hóa bằng lòng cho chúng tôi về nhà tạm trú.

Phải đi vài ngàn thước nữa, trên con đường bùn lầy, dưới cơn mưa không ngớt, tay ôm tay xách, với những áo quần ướt át, với nỗi buồn man man, trong sự im lặng nặng nề như màn đêm. Đến làng Xuân trường, gần nơi một bến đò, chúng tôi sung sướng được dừng chân lại. Ân- nhân chúng tôi hướng chúng tôi băng qua một sân đầy ván và súc, bước vào một ngôi nhà gạch đã lâu đời không sửa chữa. Nơi phòng chính, một số hòm sắp lớp, cái được sơn thép, cái đề nguyên ván cái chưa ráp xong. Hình ảnh của cái chết không buông tôi, và lại được nhắc một cách bền bỉ, chừng nào tôi còn sống dưới mái nhà này. Phòng trọ được dành cho chúng tôi là một phần mái hiên có tường xây bít, với một cửa lớn duy nhất và đối diện một lỗ khoét trong tường để thông hơi. Phòng rộng một thước năm và dài trên hai thước, đủ chỗ cho một giường và một cái bàn con. Đối với chúng tôi, phòng ấy có giá trị gấp mấy những phòng sang của khách sạn thượng hạng. Tôi vừa mới đặt lưng xuống, thì chủ nhà đã gọi tôi đi cùng ông ta trình giấy thông hành tại ủy-ban nhân-dân xã. Khi trở về nhà, tôi lần bước vào phòng. Đèn duy nhất của phòng chính đã tắt. Tôi đặt mình với áo quần ẩm ướt và dơ dáy trên giường gỗ không chấn chiếu. Mưa không nguôi, và từ trên mái nhà dột, những hạt nước lớn rơi ngay nơi ngực. Trở mình xuôi ngược, dọc ngang, cũng không tránh được những hạt

mưa rơi, Mắt tôi mở nhìn mảnh trời bên kia lỗ khoét. Mắt tôi đầy nước, nước mưa hay nước mắt, Nhưng tôi lại thấy long lanh ánh trăng sao. Và tôi cười trong bóng tối...

Yên phận tại Trường-Xuân được mấy tuần, tôi quen dần với khung cảnh. Chính quyền Tỉnh đã thiên lên Bình-Lương. Một hôm tôi được giấy mời đi dự một đại-hội văn-hóa. Tôi không ngờ lại được cử vào làm phó chủ-tịch ủy-ban văn-hóa cứu-quốc. Có người ngay miệng đã nói với tôi. «Đáng lẽ anh làm chủ-tịch, nhưng vì anh không phải...» Câu nói bỏ dờ, tôi thừa hiểu, Tôi thiếu hai chữ quý-hóa và quyền-năng đặt trước tôi không được hẳn hạnh làm đồng chí. Chủ-tịch phải thuộc vào hạng ấy. Tôi quá đại dốt không chạy theo chức-vị ấy. Tôi hăng hái làm mọi công tác vì ham mê văn nghệ. Tôi đề nghị chương-trình, lựa chọn diễn-viên, làm đạo-diễn đề dựng lên làm vở kịch. Tôi nhận thấy cảm-tình của những anh chị em trong ban ca múa không hoàn-toàn miễn cưỡng. Nhiều phút sung sướng đã trở lại với tôi.

Chúng tôi lại phải bán thêm hoa-trang để mua thức ăn, và để tôi có thể tiếp tục lo ca hát, hy-sinh cho văn hóa. Có lẽ vì thương hại một phần nào cho tình cảnh ấy, người ta giao cho tôi phụ-trách việc biên-tập tờ tuần-báo Việt-Nam, với lương mỗi tháng tám mươi đồng. Người tùy phái, đi phát báo, cũng ăn số lương như tôi. Tôi làm tất cả công việc một chủ-bút, tôi còn phải trông nom việc trình bày, lo sửa bài, giao thiệp với nhà in, nhưng chính-thức tôi chẳng là gì cả. Có một «đồng-chí» làm chủ-nhiệm kiểm soát công việc của tôi. Chẳng có gì làm tôi thắc mắc. Duy khi đến quán cơm

bình-dân, tôi vẫn không tìm ra được giải-đáp cho một bài tính riêng. Mỗi bữa ăn tại đây là hai đồng, mà gia-đình chúng tôi phải mất đến ba khâu-phần ! Nếu mỗi ngày chỉ dùng một bữa như chúng tôi có ý định và đã thi-hành, vấn-đề cũng chưa giải-quyết. Tôi lại đành không nghĩ đến làm gì. Mùi giấy bồi và mực nhà in, hình ảnh của tờ báo khi rơi khỏi máy, đủ làm cho tôi hứng chí, quên hẳn ngày mai.

Nhà bán hòm, nơi tôi ở trọ bị chính quyền trưng dụng. Chúng tôi lại phải tìm nơi khác núp thân. Nhờ có người giới thiệu và bảo-đảm, chúng tôi đến ở trọ nơi một chòi tranh mới cất vài tháng nay. Chủ nhân dành cho tôi đủ chỗ đặt một cái giường chúng tôi mượn của một gia-đình khác. Giữa nhà có một án thờ núp sau một bức sáo có dán hai tấm giấy đỏ với mấy chữ nho : *Nhập thất bình an* và *Tứ quý vô thanh*. Những lời ấy chỉ là điều ao ước viễn vông. Trong thật-tế, suốt ngày đêm chúng tôi phải chịu đựng những tiếng mắng chửi trẻ và tiếng khóc la. Còn bình an ? ...

Chiều hai mươi bốn tháng chạp, tôi định qua Phong-Điền để cùng gia-đình xem lễ nửa đêm tại nhà thờ làng ấy. Khi đến bến đò Trường-xuân với cháu gái tôi, tôi thấy người đò thật đông, vì trời đã gần tối. Chiếc thuyền nhỏ với một người chèo. Nước chảy mạnh. Ngồi trên mạn, bỗng bé gái bốn tuổi trên tay, tôi phấp phồng lo sợ. Thuyền thủng một lỗ nơi mạn bên kia, và một bà quá giang chịu khó tát nước luôn tay. Mười bốn hành khách làm cho thuyền khẳm. Chú lái đò dặn đi dặn lại cho ai ngồi chỗ nấy, chớ động đậy. Một bà, có lẽ vì quá sợ, gây sự với một thiếu-nữ không chịu ngồi yên. Con sợ bỗng nhiên truyền cho

tất cả hành khách. Tiếng la cãi lẫn nhau vang lên từ mũi đến lái. Bỗng tiếng máy bay làm cho mọi người xao xuyến, chú lái dò không vững tay chống, thuyền thêm lung lay. Mọi người đều hướng về phía nam để nhìn hai chiếc máy bay đang còn bay cao và ở xa. Chiếc thuyền có thể cập bến. Nhưng người lái dò không kiên nhẫn cho thuyền lướt máy thước cuối cùng, đã nhảy xuống nước, không nghĩ gì đến hành khách nữa.

Tôi vội vã tiếp theo các hành khách khác, công cháu bé, bước xuống nước để lội vào bờ. Nước lên đến lưng quần tôi. Có những tiếng la thất thanh «Tàu bay trở xuống!» ai nấy lo chạy tản mác. Từ bờ sông cho đến nơi có nhà cửa cây cối đều núp là cả một bãi rác rộ. Tôi chưa vượt được một phần, thì máy bay đã đến, hạ xuống và xả-súng liên thanh. Tôi nằm sát xuống đất cùng với cháu. Tiếng máy và tiếng đạn làm cho cháu tôi khóc la vùng vẫy. Một tiếng bom nổ nơi sông, làm tia nước và cát lên gần chỗ chúng tôi núp. Chiếc thuyền đã đắm. Một máy bay thứ hai tiếp đến và xả súng. Nhiều tiếng quá dồn lại như tiếng một cơn gió mạnh. Tôi ngạc nhiên thấy mình còn sống, nhưng cháu tôi hét la không ngớt. Máy bay đã đi. Tôi nhìn thấy cánh tay cháu bị đạn xé nát toanh. Tôi vùng dậy, lấy khăn cột tạm vết thương và hỏi hỏi ầm cháu đi. Máy bay lại quanh lên một lần nữa. Tôi không thiết, tôi không sợ gì nữa. Điều đáng ngại đã xảy đến cho chúng tôi rồi. Một bước của tôi bây giờ nặng gấp bội, nhưng tôi phải đặt chân này trước chân kia, tôi phải tiến gấp, để trao cháu gái cho mẹ nó khi nó đang còn la khóc, khi nó đang còn sống. Máu chảy khắp thân hình nó, nhuộm cả áo quần tôi. Khỏi

bãi cát, bước trên đất cứng, chân tôi chẳng thấy nhẹ nhàng gì hơn. Tôi đi khập khựng, như người say, hai tay bồng đứa bé dang ra trước như dang lễ vật cho thần chết. Trên con đường vắng tanh và dài đằng đẵng, tôi mừng gặp được một người đàn ông. Thấy người ấy hỏi thăm ân cần và tỏ lòng thương hại chúng tôi, tôi nhờ ông ta bồng đỡ cháu tôi một đoạn đường cho tôi lấy lại chút sức, nhưng người đầy lời từ-tâm kia viện một cớ nào đó để tránh xa. Tôi lết đến tận nhà thì tiếng thương-hại «tội nghiệp chưa!» của đồng-bào như một nhạc đệm trong một tuồng hát mà nhân-vật chính nghe như là những tiếng nguyên rũa khoan khoái...

Trừ ra một ông bác, quen thân với gia-đình chúng tôi, và rất rành về khoa cứu cấp, đã vội vã chạy đến đỡ cháu tôi để lo băng bó, những người khác đổ xô đến để thoả mãn hiếu-kỳ, và không ngớt bàn tán. Cũng nhờ những người ấy mà tin tai nạn của chúng tôi đi rất nhanh, từ làng này qua làng khác, vượt qua sông, truyền đến Bình-lương, Trường xuân. Nhờ đó, có người được biết tôi chết rồi.

Sự thật, tôi chỉ bị đạn nơi mông mà thôi. Tôi chỉ biết đến khi gia-đình nhận thấy máu thấm cả quần và cứ chảy mãi. Cháu tôi phải nhiều vết thương hơn, nơi tay, nơi bụng, và tôi chỉ lo cho tánh mạng của nó...

Chúng tôi trở lại bến đò, vượt qua sông, để đến bệnh-viện Bình-Lương. Lần này cháu tôi được mẹ nó và bà con thay phiên bồng. Tôi phải nằm trên giường bố có hai người khiêng. Đám đông người đi theo chen chúc nhau trên con đường hẹp, như thể dự một

cuộc kiêu. Có ai ở nơi đường cũng gập tưng theo. Nơi đây, không mấy khi có thứ giải trí này. Tôi chẳng mệt nhọc gì lắm, nhưng cũng phải nhắm mắt lại, vì thỉnh thoảng có người cố dòm cho được tận mặt, và nếu gặp cái nhìn của tôi, thì cái nhìn sừng sộ của họ như cố ý tức giận « Sao chưa chết à ? » Trong suốt thời gian đi đến bệnh-viện, tôi phải ngửi mùi rượu, mùi thuốc lá, mùi cỏ trâu, vì trong đêm tối, muốn nhìn rõ, họ phải đề sát mặt vào nơi mặt tôi.

Bệnh-viện dành cho thương binh, là một ngôi nhà cổ chính-quyền trưng dụng. Trong thời chiến-tranh, không nên tìm nơi đây sự trang bị đầy đủ, với những dụng cụ và thuốc men tối tân. Nơi đây chỉ thấy lòng nhiệt thành của những nhà chuyên-môn, phụng-sự cho lý-tưởng cứu quốc và bác ái. Phòng giải-phẫu không có cửa đóng kín. Trong phòng vẫn còn còn án thờ với bộ tam sự bằng đồng. Tôi lên nằm trên cái bàn hẹp, có chân chạm, có lẽ một cái bàn trước kia dùng đặt đề lễ vật cúng tế. Bác-sĩ P., người có tiếng ít nói, khám xét một hồi, thì-thăm với viên y-tá. Tôi được đem đến giường nằm. Một chốc sau, hai bác-sĩ trẻ tuổi, có nhiệm-vụ trông nom cho quân-đội lại muốn xét bệnh-trạng của thương dân tôi vì tình thân-hữu. Bác-sĩ trước và hai bác-sĩ này đều là người quen biết cả, nhưng đã hành động khác nhau vì lý luận không như nhau. Tôi đoán chừng bác-sĩ P. nghĩ : Đán vào đạn phải ra. Không thấy đạn ra, đạn còn đó. Cơ-thể không dung nạp vật lạ. Trước sau vết thương cũng làm mũ. và có mủ hay không đạn cũng sẽ ra. Hai bác-sĩ T. và Q. có thể nghĩ : Đạn vào, đạn phải ra. Không thấy

lỗ ra, đạn còn trong người. Đạn còn; thì phải lấy ra. Và phải lấy gấp.

Tôi được hân hạnh lên bàn mổ một lần nữa. Tôi không đặt vấn-đề sao không tham-khảo ý-kiến của bác-sĩ P. tôi chẳng nghi ngờ tài năng của ông này hay ông khác. Tôi chỉ là một bệnh-nhân đặt trong kỷ luật của các ông. Mà tôi chẳng quan tâm gì đến chẩn-bệnh và kết-quả. Từ khi tôi biết tôi bị thương, những hình ảnh của những người trong trường hợp như tôi làm cho tôi nghĩ không có một lý do nào để thoát khỏi số phận chung. Có người chỉ bị đạn nơi tay, săn sóc vài ngày thì chết, một người khác phải cưa chân vì một mảnh bom nơi bắp đùi. Thuốc men thì hiếm, những điều kiện vệ sinh không đầy đủ, biết bao nạn-nhân không qua khỏi một tuần ở bệnh-viện. Từ khi ở bên kia sông được kiêu qua đây, tôi đã nghe thiên hạ nhắc đến biết bao chuyện, người bị thương và người đã chết. Một thiếu-nữ đi một chuyến dò với chúng tôi đã chết ngay khi chiều, đầu cắm dưới nước. Tôi không nhớ được khuôn mặt và hình dáng người bạn đồng hành ấy. Tôi cũng có thể như người ấy, bây giờ đầu cắm dưới đáy sông, hay xác đã trôi ra biển cả. Người ấy có lẽ đã chết thay tôi. Tại sao tôi lại không chết thay cho kẻ khác, cho những người trong giờ phút này, nằm ngoài mặt trận, giáp mặt với địch, giáp mặt với thần chết...

Tôi nhận thấy hơi ấm áp của tay cô cứu-thương đặt trên trán tôi, và nghe tiếng nói dịu hiền. « Sao không rên la gì hết ? » Tôi nằm sấp, úp mặt nơi gối nên không nhìn thấy hình bóng của người nữ cứu-thương. Lòng từ không có mặt chẳng có tên Bệnh-viện nghèo quá, bệnh-nhân nơi đây thường cũng can-đảm quá. Tôi không phải chịu thuốc mê. Chỉ có

một ít thuốc tê được thoi vào chung quanh vết thương, và vì thuốc không được bao lăm, tôi ý-thức được thân xác tôi và tôi đang còn sống. Tôi nghe được tiếng dao kéo của hai bác-sĩ cắt xéo thịt tôi, tựa như tiếng cắt bông gòn. Lại có tiếng hỏi «có đau không» nhưng vì tôi không biết nên trả lời thế nào tôi đành làm thinh. Cuộc hành xác cứ tiếp diễn, tôi không có ý niệm gì về thời gian cả. Bệnh-viện và những người chung quanh cũng biếng mắt trong tâm tư tôi, cho đến khi một giọt sấp của cây đèn người ta phải thắp thêm, rơi xuống nơi chân tôi. Có tiếng nói «Coi chừng» Một tiếng khác vang lên, mừng rỡ «Đạn đây rồi». Một lần nữa tôi lại cười với tôi trong bóng tối của mắt nhắm lại. Nhưng trong giếng nước mắt của sự đau xót, không những về xác thịt, mà cho cả sự oái ăm của đời dồn lại trong một nhận-thức chớp nhoáng, tôi lại thấy lóng lánh ánh trắng sao. Tôi đủ kiên nhẫn và bình tĩnh để không nói lên điều đáng nói. Biết bao người tôi gặp trong đời không chịu đựng được một lời nói thật. Có lẽ nào lại đi cảm ơn những người săn sóc mình một cách chân tình và bất vị lợi, bằng cách làm cho phật ý vì nhắc cho họ biết một sự sai lầm. Cứ mặc nhiên cho hai bạn bác-sĩ reo mừng. Cái kẹp để gấp viên đạn cứ việc đi sâu vào trong thịt tôi, Các bác sĩ có cố gắng cách nào đi nữa cũng sẽ thất vọng, vì cái kẹp này giờ chỉ bám vào cái xương chân của tôi. Rốt cuộc, người ta phải đành may lại vết thương trở nên rộng lớn, mà không nói đến viên đạn lạ lùng chẳng biết ẩn núp nơi đâu..

Trong khi tôi mê man nơi biên giới của chết và sống trong đêm Noel, những

người sống ở nước thái bình đang vui mừng tưởng nhớ Chúa Hải-đồng. Tôi đã muốn cùng gia-đình, chen vào đám người đang còn tin-tưởng nơi Đấng Cứu Thế, đã cầu nguyện cho hoà bình, nhưng nay tôi chỉ biết dâng làm lễ vật cầu nguyện tất cả sự đau thương của tôi. Có lẽ, cùng một giờ ấy, người phi-công thù địch, sau khi đã lập công-trạng vẻ vang sát hại nhiều dân vô-tội, không khí-giới và không tham chiến, người ấy có lẽ cũng đang quỳ gối trước bàn thờ một Chúa, để cầu nguyện cho hân, cho gia đình hân, để được tay phải của Chúa mãi mãi che chở chúng, cho chúng làm thêm những công-nghiệp, — chắc hẳn không phải để sáng danh Chúa, mà để tô bồi danh-vọng tâm-thường của chúng.

Cũng như nhiều đêm Noel trong đời tôi, đến nay trời lạnh, nhưng vì thiếu thốn chăn mền, trong phòng không có cửa ngăn chặn gió lùa, tôi cảm thấy lạnh hơn lúc nào hết. Cháu tôi rên la khóc suốt đêm nơi một giường bên cạnh tôi. Nhiều đường dọi sáng mập mờ, nơi đây, nơi kia, trên tường, trên cột, trên trần nhà. Một cơn ho của một bệnh-nhân nằm ở chái bên kia. Tiếng gà gáy. Tôi ao ước còn thấy được một lần bình-minh nữa...

Khi đau đớn dày dò thân xác, và tâm trí, khi ta nhận thấy đường đời ta đã đến chỗ cùng; ta đón tiếp cái chết một cách thản nhiên. Nhưng khi cơn nguy biến đã qua, khi cùng với ánh sáng ban mai hy-vọng còn được sống-nữa lại chói dọi và tăng thêm, thì ta thấy một cách minh-mẫn hơn giá-trị của những ngày mai, của những ngày còn lại mà ta sẽ sống. Đời phải trở nên khác đi với ân - huệ được tiếp nhận, ân-huệ không chỉ về sự sinh - sống,

mà cả về ý-thức cuộc đời mỏng manh. Như người ta chỉ biết giá-trị đúng đắn của người và vật khi người hay vật bỗng cách xa hay biến mất, ta thấy rõ ràng hơn giá-trị của những phút ta còn lại trên trần-gian khi biết rằng, những phút ấy có thể không còn đến với chúng ta nữa...

Trong trẻo và nhẹ nhàng biết bao, những lúc nhìn xuyên qua song tre cửa sổ, thấy cảnh tiêu rung động dưới ngọn gió chiều, để mắt theo chim sáo bay từ cây này qua cây khác, để chia cái vui của đám trẻ đang cười đùa nơi sân. Vui giản dị và phong phú của đời thỉnh thoảng lại bày ra trước mắt tôi. Mặc dầu chỉ mới nhòm mình dựa đầu nơi thanh giường, tôi cũng đo được hạnh phúc của tôi khi tưởng tượng một ngày không xa, đủ sức cầm lại cán bút, đủ minh mẫn và hứng thú để viết lại cho những người thân yêu,

bao nhiêu cảm nghĩ ... Tôi sẽ thiếu lịch sự với những ai khoan khoái phao tía xác tôi đã vùi lấp dưới mồ, và nói về tôi chỉ dùng những động từ theo thời quá khứ, tôi thiếu lịch sự vì tôi vẫn sống. Tôi còn yêu đời vì tôi còn tin nhiều nơi tình yêu. Nhưng lần này tôi sẽ trở lại đời, mới mẽ hơn, vì đã rèn luyện kiên nhẫn, và tìm được đôi chân lý về người và việc trong khoảng thời gian ly loạn, Tôi sẽ trở lại đời với lối nhìn đời của anh Mathias Pascal một nhân vật của Pirandello, chẳng còn giấy căn cước và tên tuổi trong sổ bộ của làng mạc, nhưng nhất quyết sống cái đời của mình, không còn sống theo đời kẻ khác. Tôi phải trở lại đời, vừa mừng rỡ và hồi hộp, như một tử tội, sắp bước lên đoạn đầu đài được tha bổng.

(Trích nhật ký 1945)

CUNG GIỮ NGUYÊN

Kỳ tới : Những ngày chưa quên (tiếp)

Tăng cường sức lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 50mg

B-PC/ 57 DY183

thơ BÙI - KHÁNH - ĐÀN

CHÂN CẢM

Hoa hện xuân về, ai hện hoa
Sương đêm nép ngọc đón trăng ngà
Mùa dâng, sắc diễm trang trần mộng
Đẹp hiện, hương đồn nhịp lãng ba
Phiến ngọc chơi vơi hồn nhẹ mở
Màn thơ thấp thoáng ý mong hòa
Giữa trời-tâm-sự đem tâm sự
Ghi nét vàng son bạn với ta



thơ XUÂN - HIỂN

MƯỜI NĂM GẦN MÁY

Chẳng hện, mười năm gặp gỡ nhau
Dòng đời trăm ngã cuộn về đâu ?
Ta say tiếng máy sờn vai áo
Người đợi mùa hoa bạc mái đầu
Đất mẹ lửa ngời cơn nắng Hạ
Trời quê đạn dệt trận mưa Ngâu
Mực hương đâu có hồn chinh chiến
Bút, tự ngàn xưa chấp biển dâu.

mà cả về ý-thức cuộc đời mỏng manh. Như người ta chỉ biết giá-trị đúng đắn của người và vật khi người hay vật bỗng cách xa hay biến mất, ta thấy rõ ràng hơn giá-trị của những phút ta còn lại trên trần-gian khi biết rằng, những phút ấy có thể không còn đến với chúng ta nữa...

Trong trẻo và nhẹ nhàng biết bao, những lúc nhìn xuyên qua song tre cửa sổ, thấy cảnh tiêu rung động dưới ngọn gió chiều, đề mắt theo chim sáo bay từ cây này qua cây khác, đề chia cái vui của đám trẻ đang cười đùa nơi sân. Vui giản dị và phong phú của đời thỉnh thoảng lại bày ra trước mắt tôi. Mặc dầu chỉ mới nhòm mình dựa đầu nơi thanh giường, tôi cũng đo được hạnh phúc của tôi khi tưởng tượng một ngày không xa, đủ sức cầm lại cán bút, đủ minh mẫn và hứng thú để viết lại cho những người thân yêu,

bao nhiêu cảm nghĩ ... Tôi sẽ thiếu lịch sự với những ai khoan khoái phao tin xác tôi đã vùi lấp dưới mồ, và nói về tôi chỉ dùng những động từ theo thời quá khứ, tôi thiếu lịch sự vì tôi vẫn sống. Tôi còn yêu đời vì tôi còn tin nhiều nơi tình yêu. Nhưng lần này tôi sẽ trở lại đời, mới mẽ hơn, vì đã rèn luyện kiên nhẫn, và tìm được đôi chân lý về người và việc trong khoảng thời gian ly loạn, Tôi sẽ trở lại đời với lối nhìn đời của anh Mathias Pascal một nhân vật của Pirandello, chẳng còn giầy căn cước và tên tuổi trong sổ bộ của làng mạc, nhưng nhất quyết sống cái đời của mình, không còn sống theo đời kẻ khác. Tôi phải trở lại đời, vừa mừng rỡ và hồi hộp, như một tử tội, sắp bước lên đoạn đầu đài được tha bổng.

(Trích nhật ký 1945)

CUNG GIỮ NGUYÊN

Kỳ tới : Những ngày chưa quên (tiếp)

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 50mg

B-PC/ - DY183

thơ BUI - KHÁNH - ĐÀN

CHÂN CẢM

Hoa hẹn xuân về, ai hẹn hoa
Sương đêm nép ngọc đón trăng ngà
Mùa dăng, sắc diễm trang trần mộng
Đẹp hiện, hương đồn nhịp lãng ba
Phiến ngọc chơi vơi hồn nhẹ mở
Màn thơ thấp thoáng ý mong hòa
Giữa trời-tâm-sự đem tâm sự
Ghi nét vàng son bạn với ta



thơ XUÂN - HIỂN

MƯỜI NĂM GẦN MÁY

Chẳng hẹn, mười năm gặp gỡ nhau
Dòng đời trăm ngã cuộn về đâu ?
Ta say tiếng máy sờn vai áo
Người đợi mùa hoa bạc mái đầu
Đất mẹ lửa ngời cơn nắng Hạ
Trời quê đạn dệt trận mưa Ngâu
Mực hương đâu có hồn chinh chiến
Bút, tự ngàn xưa chấp biển dâu.

TRUYỆN NGẮN (2)

TRÙNG-DƯƠNG

mưa không ướt đất

(Xin xem BK.TĐ. từ số 241-242)

Thư quay lại :

— Xưởng này của anh ?

— Vâng.

— Ở tuổi anh mà gây dựng được một cơ nghiệp như thế này, thật là giỏi. Bọn chúng tôi bị chữ nghĩa, sách vở làm mù đi và mất hẳn về hoạt bát linh động cần thiết...

Phấn nói :

— Nhưng cô và các bạn cô có tuổi trẻ, có học thức...

Phấn có vẻ thành thực mếu phục bọn Thư. Thư bật cười lên một tiếng ngắn, nói và biết là chẳng bao giờ Phấn nghĩ và thông cảm với điều nàng nói :

— « Tuổi trẻ và học thức như bọn tôi, mà làm gì, hả anh ? Ra đời, có nhẽ còn thua những người tháo vát như anh ».

Thư bắt gặp một nỗi chua chát. Hình như chính mình cũng còn thích làm ra vẻ chua chát như vậy nữa ? Thật khôi hài. Mình có đang sống thực tại hay thật ra đây chỉ là một lớp kịch ? và Thư cũng ý thức là tra hỏi xem mình có thực không, chỉ làm cho mình trở nên không thực, mơ hồ hơn.

Thư hỏi mượn Phấn khăn mặt. Gã đàn ông sốt sắng một cách không ần ý; chạy đi lấy khăn mặt và không quên mang ra cho Thư một bánh xà bông thơm.

Thư nói :

— Cám ơn anh. Thật phiền anh quá !..

Rồi nàng nói luôn, không đợi Phấn lên tiếng :

— Có nhẽ Duần vẫn còn say. Duần là bạn thân với tôi từ dạo ở Văn khoa. Tôi không muốn để Duần nằm một mình đêm nay...

Thư ngừng lại, bỗng thấy sự lố bịch của mình. Việc gì phải phân trần với Phấn? Đêm nay mình sẽ trải qua một đêm ở đây với Duần, ngày mai rời đây, không tìm hiểu không cần tìm hiểu nơi này, và gã đàn ông này rồi sẽ chẳng bao giờ mình gặp lại, hẳn không có gì để mình lưu luyến bận tâm, thì việc gì phải phân trần làm chi vô ích? Thư múc nước, xấp tay cho ướt rồi sát xà bông và rửa tay. Nàng tưởng tượng khi vục nước lên rửa mặt, mùi thơm của xà bông còn vương lại trên hai bàn tay sạch sẽ sẽ tỏa ra ôm lấy khuôn mặt mệt mỏi mỏi của mình, và làm dịu đi những suy nghĩ day dứt đang xâm chiếm tâm tư nàng. Thư rửa sạch nước xà bông ở tay, múc một gáo nước khác và thực hiện ý nghĩ trên. Nước lạnh thấm vào da mặt, thấm vào đầu óc, thấm vào tâm hồn! Nàng nghe người nhẹ nhõm. Nàng muốn cứ tiếp tục vục nước lên mặt như vậy hoài hoài. Thư nhớ có một dạo nàng thích tắm buổi sáng, và ra phố với những hạt nước lấm tẩm trên da thịt. Từ cái ý thích đó, ở nàng nảy sinh ra cái dầm mình dưới mưa cho nước mưa ngấm vào tận tâm tư. Nhưng từ hai tháng nay, Thư mất thói quen tắm sáng. Nàng dầm sợ nước.

Tiếng giầy của Phấn đi lên đi xuống thu xếp một vài vật dụng. Có tiếng hẳn bảo Duần đi rửa mặt cho mát. Tiếng Duần đáp lại vâng anh mặc tôi, phiền anh quá bây giờ anh lại về Thủ Đức à. Tiếng Phấn đáp thường tôi về trên ấy ngủ đêm, nhưng nhiều khi bận công việc tôi cũng ngủ lại dưới này, anh thấy bất chưa. Dạ cũng khá ạ. Tiếng Phấn, chắc hồi nãy ở tiệm cà phê anh ới ra hết. Duần rồi vậy cũng nhờ ới ra hết với ly nước chanh nên mới khá thế này, không hiểu sao lần này tôi uống rượu tôi thế, bậy thật. Phấn nói may mà lúc nãy không gặp gió; anh có nóng cứ bật cái quạt này nó tự động, mà cứ chạy một giờ thì nó ngừng lại, tôi gắn thêm cái đồ tự động này để phòng đêm mình có ngủ quên đi cũng không sợ, à tôi dặn anh và cả cô Thư đừng đụng gì đến những lọ thuốc này của tôi. Duần hỏi sao thế anh. Phấn nói dặn là dặn phòng hờ vậy vì có thể nguy hiểm. Duần cười, được mà anh yên chí...

Thư đổ gáo nước xuống hai bàn chân trong khi dùng khăn mặt lau khô nước trên da mặt, và cọ hai chân vào với nhau gượng nhẹ, cố không gây tiếng động. Phấn trở xuống nhà:

— Tôi phải xem xét lại một vài thứ máy móc xem buổi chiều họ đã tắt đi chưa...

Tiếng giầy của Phấn đi về cuối xướng. Thư chống tay lên miệng lu nước, một nửa người nghiêng về phía trước, nàng soi bóng mình trong nước. Mái tóc xoã về phía trước. Mặt nàng là một khoảng tối tăm. Trong cái khoảng tối tăm ấy, những ý nghĩ ngồn ngang. Mình đến đây trong đêm nay, làm gì nơi này. Nơi đây là sự xa lạ. Duần cũng trở thành một kẻ xa lạ. Thư nhớ lại ngày nào còn có cả Cương. Bây giờ hình ảnh đó không còn đủ sức gợi cho nàng dù một chút thương nhớ. Lâu quá rồi. Sau Cương đã có những khuôn mặt khác đến thay thế. Họ đến rồi đi

như những cái bóng. Thư chấp nhận dễ dãi và cũng dễ dãi và cũng dễ dãi buông lỏng vòng tay khi thấy đã đến lúc không thể lưu giữ. Buồn chán ngập tràn, Tình yêu chẳng phải là một phép màu. Nhưng mình vẫn cố sức sạo tìm kiếm ở mỗi một người đàn ông — tìm gì ? một mảnh bản ngã chưa chịu tìm lấy đường về ? Cũng phải có một thay đổi nào đó. Thư đã lựa chọn, dù biết rằng mình sẽ phải trả một giá rất mắc về sự hiện diện của đứa con trong tương lai. Vả lại, có gì đâu mà phải băn khoăn, kia chứ ? Thư mơ hồ cảm thấy như chính nàng cũng muốn nhận một thử thách. Thư nhớ đạo còn ở bậc Trung Học, mỗi lần phải lựa một trong những đề tài giáo sư ra, Thư thường chọn những đề khó và phức tạp — Đôi khi phải bỏ dở và lựa một đề khác dễ hơn. Nhưng Thư biết lần này không thể bỏ cuộc. Thư đã đánh cược và nàng sẽ phải đi đến cùng. Phấn trở ra, móc túi đưa cho Thư mớ chìa khoá :

— Tôi đưa cho cô chìa khoá cổng sắt. Sáng mai khi rời đây cô mở cổng rồi để chìa khoá lên nóc cái hộp đựng công-tơ điện ở bên tay mặt — tôi sẽ chỉ cho cô thấy cái hộp đó — rồi cứ thế đập cửa vào. Nếu mấy người thợ của tôi lại, cô cứ để cho họ vào nhưng nhớ là để chìa khoá nơi tôi dặn cô...

Thư gật đầu nói vâng vâng. Hai người cùng lên nhà. Thư có ý nghĩ giá hồi nãy cứ đóng kịch với Phấn và biết đâu... Nàng mỉm cười với ý nghĩ đó. Hẳn có của nhưng hẳn không phải là type người của mình và nhất là hẳn có nhiều cái tinh ranh nhỏ nhặt và buồn cười. Vả lại, dẫu chưa có ý niệm gì về giọt máu trong người, Thư cũng cảm thấy không muốn đứa nhỏ sẽ có một ngộ nhận về người cha của nó. Mình đã đang và sẽ còn nhìn thẳng vào cuộc sống với đôi mắt mở lớn, không lý gì đứa con làm bằng xương bằng thịt bằng máu của mình lại có thể mang trong nó, một sự sự ngộ nhận lớn lao như vậy về cái thân thể của nó. Hãy phán đoán tôi, hãy xa lánh, nếu cần. Nhưng xin cho tôi được sống chân thực. Thư cúi mặt nhìn xuống hai chân, nghe xột xạt dâng lên. Phấn đi rồi, Thư đập và khoá cổng xong bước chầm chậm trở vào nhà. Duần đã bỏ ra sau rửa mặt. Tiếng nước rơi lã tả trên nền xi măng vỡ. Thư nghe cả tiếng xúc miệng xúc xúc của Duần. Nàng kéo chiếc rideau che cửa thông vào buồng trong sang một bên và bước vào. Bên trong đồ đạc cũng gồm những sồ sách và chai lọ lộn xộn bừa bãi. Một chiếc tủ gương kê tại cuối phòng. Các bàn kê gần bên. Không có ghế. Nơi duy nhất có thể ngã lưng là một chiếc divan. Một đóng chắn màn xếp tại góc divan. Không có chiếu. Thư ngó chiếc divan, nàng thất vọng vì đó không phải là một nơi nằm mà nàng mong muốn, vừa ngượng ngáp. Thư vẫn thường có những ngượng ngáp như vậy mỗi khi nhìn vào nơi nằm nghỉ của một người đàn ông. Thư chưa làm quen được với hình ảnh về nơi sinh hoạt thân thiết đó của người đàn ông, dù người đó là một người bạn thân hoặc có thể là một người tình. Thư cũng biết là nỗi ngượng ngáp của mình có vẻ vô lý. Thư không xa lạ gì với người đàn ông cả. Nhưng nàng cũng không cố gắng bỏ sự ngượng ngáp đó. Đối với nàng đó là sự nguyên vẹn duy nhất nàng còn giữ được. Thư bước lại đứng trước gương. Nàng nhìn vào đôi mắt mình rồi thả cái nhìn xuống thân thể đàn này nở hơn lúc

bình thường. Thư đưa tay vuốt bụng. Nàng rời chỗ đứng lại divan ngồi khi nghe tiếng chân Duần bước vào phòng. Duần vừa đi vừa lau mặt lau cổ bằng khăn mùi xoa riêng. Anh dừng lại nhìn quanh căn buồng rồi đến ngồi xuống bên Thư. Một bầu không khí im lặng bao phủ lên hai người. Duần úp hai bàn tay lên đầu gối. Một lát Thư lên tiếng :

— Duần thấy đỡ chưa ?

— Còn mệt. Đầu nhức như búa bổ.

Anh ngó xung quanh, như chợt ngạc nhiên về sự có mặt của mình giữa một nơi hoàn toàn xa lạ này. Duần bật cười một tiếng ngắn, tiếng cười nhuốm vẻ chua chát thoát ra từ một bất lực. Những cố gắng để thoát ra khỏi cuộc sống chật chội tù túng chỉ làm cho con người một ngạt hơn và muốn phát điên. Chấp nhận không phải là một ổn định cho tất cả. Đó chỉ là một giải pháp tạm thời để rồi đến một lúc nào đó... Duần nắm lấy bàn tay Thư áp lên má. Những giọt nước lạnh còn lấm tẩm nơi chân tóc anh. Tiếng Thư hỏi nhỏ :

— Cười gì vậy ?

Duần lắc đầu từ chối trả lời. Anh khép đôi mắt lại trong giây lát, nghe sự êm ả thoát ra từ lòng bàn tay người con gái.

— Duần biết tôi đang nghĩ gì không ?

Duần đáp không, về chờ đợi. Thư nói, mắt ngó thẳng về phía trước, giọng mơ hồ :

— Tôi nghĩ giá mình đang sống ở miền biển lúc này đây tôi sẽ chạy ra bãi biển, sẽ bỏ dép chạy chân không trên nền cát ướt lạnh và đôi khi dừng lại lắng nghe tiếng sóng từ xa dội lại như những lời thì thầm đầy bí mật.

— Còn tôi, tôi tưởng như ngày mai mà phải thức dậy, phải vác bộ mặt mỗ phạm vào lớp, phải nhìn bọn học trò chắc tôi chịu không nổi. Nhiều buổi sáng thức dậy, chỉ còn mười lăm phút để rửa mặt đánh răng mặc quần áo và uống vào một ly cà phê pha vội, tôi thấy ngao ngán kinh khủng. Nhưng vẫn không đủ can đảm thay đổi lại cuộc sống. Cuộc sống mà tôi hiện đang sống tuy cũng đòi hỏi sự cố gắng, nhưng là những cố gắng thụ động. Có nhẽ tôi hèn nhất. Có nhẽ...

Duần chặc lưỡi, ngưng nói. Nét mặt anh đăm chiêu, buồn bã. Anh ngửa bàn tay trên đùi và nhìn vào đó, bất động.

Độ nhỏ tôi có một giấc mơ, cho đến bây giờ mỗi lần nghĩ đến tôi vẫn còn tưởng như mới đêm qua mình nằm mơ vậy thôi. Tôi mơ thấy tôi trôi giạt vào một hòn đảo nhỏ xíu ở giữa biển sóng lớn nước mênh mông. Ở giữa đảo là một cái cây trụi lá, lớn như một cây cổ thụ và rễ chiếm hết đảo. Tôi như không thấy mình đâu nữa. Và tôi mơ hồ lo sợ một lúc nào đó cái cây bị sóng biển đánh bật rễ và mình sẽ không còn nơi nào để bầu vùi...

Duần im lặng nghe Thư kể. Anh cảm thấy một nỗi xúc động mãnh liệt đang xâm chiếm người con gái.

— Rồi ra sao ?

— Chả ra sao cả. Những giấc mơ vẫn vậy. Duần tưởng tôi nghĩ đó là một cái điềm gì à ? Không đâu. Tôi vẫn nghĩ và tin là cuộc sống của tôi do tôi tự tạo một phần lớn. Tôi kể lại giấc mơ đó vì thấy là đã lâu rồi mà cái hình ảnh đó vẫn có thể làm tôi thấy sờn gãi óc mỗi khi nghĩ đến.

Duần châm điều thuốc, hút một hơi, rồi sức nhớ ra cơn nhứt đầu của mình, anh dụi điều thuốc, đứng dậy đi vòng quanh phòng nhìn vào đồng chai lọ nhiều màu sấp lộn xộn trên các kệ đóng sát vào tường. Thư giải một tấm mền lên divan và ngả lưng nằm xuống, tâm hồn lảng đãng. Một tay nâng đề sau đầu làm gối, tay kia đặt trên bụng. Mong con sẽ là con trai, làm con trai để chịu đựng, chịu đựng cuộc đời, và nhất là để thương mẹ. Đôi khi tôi cũng tự hỏi mình có đang bị thảng hoá cuộc sống ? hay thực sự tự nó cuộc sống đã có cái vẻ bi thảm ? Tôi băn khoăn và thường chọn thái độ dửng dưng. Chả ích gì. Tất cả chả ích gì, Tôi nhắm mắt lại và tôi tự nhủ với tôi tạm thời hãy quên đi hãy quên đi hết cả. Tôi cảm thấy Duần đang đến và ngồi xuống bên tôi, cúi nhìn tôi. Tự nhiên tôi muốn khóc la. Tôi lấy tay bưng lấy mặt và cười lên một tiếng ngắn, nghe khô và buồn, như tiếng một viên sỏi bị vất xuống lòng giếng cạn nước, mất hút trong bóng tối của đáy sâu.

oOo

Vào cái lúc người con gái chờ đợi nhất đề sẵn sàng buông thả vào trong cơn sốt rạo rực của cơ thể, Duần bỗng ngừng lại, im lặng, dăm chiêu. Hơi thở anh bắt dồn dập hơn trong một cố gắng tự kìm hãm. Duần mím môi, thở một cách khó khăn như người bị nghẹt mũi khoảng cách còn lại thật dễ dàng để vượt qua. Duần dừng lại, ngơ ngẩn, chợt nghe buồn bã. Anh khẽ buông tiếng thở dài, gục đầu xuống vai người con gái, mắt nhắm lại. Rất lâu, trong bóng tối, anh nghe tiếng người con gái cất lên, rụt rè :

— Sao thế ?

Có một cái gì như hòn sỏi và cũng thật ráo hoảnh trong giọng nói : « Tôi cũng không hiểu sao tôi lại ngừng lại. Tôi tự thấy mình không có quyền tiến xa hơn ». Duần đáp và cũng nghe giọng mình thật ráo hoảnh :

— Tại... không muốn...

Duần bỏ lửng câu nói một sự im lặng rơi xuống giữa hai người. Duần mơ hồ thấy mình khờ sở, day dứt : Trong phút giây tôi muốn được gọi Thư là « em » và xưng « anh » với em, Thư ạ. Em im lặng, có thể em đang hờn giận. Nhưng anh không muốn anh sẽ ân hận bởi anh bắt đầu cảm thấy yêu em yêu em. Điều đó có vẻ khôi hài. Nhưng điều đó làm anh xúc động. Cũng như anh vẫn khôi hài trong cuộc sinh hoạt của anh đồng thời cảm thấy một xúc động sâu xa. Hình như trong khi mình giấu cọt là lúc mình ý thức rõ hơn cả về cái thân phận

của mình giúp cuộc sống ồ ạt xô bồ này, giữa cuộc sống mà cá nhân chẳng nghĩa lý gì và người ta bị cưỡng bức phải làm những việc mà mình không muốn. Và anh, anh muốn không làm cái việc mà anh rất đang thiết. Để mọi sự còn nguyên vẹn. Và lại, cái giọt máu mà em đang mang trong người với anh đã là một cái gì, một con người mà anh tự thấy mình không được quyền xúc phạm. Cho anh được quý trọng. Đó là điều duy nhất anh muốn giữ lại, một cách tự nhiên, không cố gắng, như một thứ báu vật.

Thư trở mình, vượt khỏi tay anh, xoay lưng lại phía Duần. Duần cảm thấy có một sự vụng vằng : Lẽ ra anh phải kéo em lại, ôm chặt lấy em, vuốt ve và nếu cần giải thích. Nhưng anh sợ chính anh rồi sẽ không giữ nổi bởi thằng người phá phách trong anh đang trỗi dậy, đòi hỏi. Duần nằm yên lặng nhìn khoảng da thịt trắng hiện ra mờ mờ dưới mắt thành một vệt chảy dài bất động. Một nỗi nghẹn ngào chặn ngang cổ. Tự nhiên anh thấy thêm vô cùng được gục vào chỗ trống nơi chiếc gáy trắng mờ mờ kia, và nếu có thể, để khóc lặng lẽ...

Thư mở mắt. Phải một lúc nàng mới định thần và nhớ ra mình đang nằm ở đâu. Bên cạnh gã con trai đã thiếp ngủ, lưng trần lỏn quay lại phía nàng trong một dáng nằm rút cong như con tôm hơi thở đều đều của một người say ngủ. Thư nghe cồ hống mình khô ran. Thư cảm thấy muốn ra sau vô cùng. Nhưng nàng nằm nán lại, ngần ngại khi nghĩ đến lối đi chật chội, lờ mờ và tối mò của xường dột. Trong yên lặng có tiếng vó ngựa gõ lóc cóc và tiếng xe thồ mộ lần uể oải qua trước nhà. Có nhẽ vào khoảng bốn năm giờ sáng gì đó. Thư cảm thấy rã rời và nghe cô đơn kỳ lạ. Hình ảnh những đêm thao thức bên người đàn ông thiếp ngủ một cách thoả mãn đến trong trí nhớ. Tại sao không bao giờ mình thấy thoả mãn cả ? Luôn luôn là một khoảng trống sau đó với những dằn vặt không nguyên do không đối tượng. Và với một biến đổi một mình mình biết một mình mình hay. Tôi bỗng cảm thấy tất cả cái cô đơn mênh mông của một Grégoire khi hóa thân thành con bọ đề rồi chết khô trong sự đơn độc và bị ruồng bỏ. Tôi đã khủng khiếp khi đọc đến đoạn Grégoire tuyệt vọng nhìn xuống sự thay đổi của thân thể mình. Có nhẽ tôi tuyệt vọng và bàng hoàng, nhưng tôi còn cảm thấy một-cách-không-thể-tự-kềm-chế-được một sự rung động kỳ lạ...

Tôi đang hoá thân để trở thành một người mẹ, một người đàn bà thực sự, Có nhẽ tôi đang tìm về tôi, cái TÔI thực sự...? Thư khóc lúc nào không hay.

Thư mở mắt lại vào lúc có những tiếng đồ xuống, thoát tiên từ từ, đều đều rồi nhanh dần và nàng bỗng cảm thấy bị vây tỏa trong một thứ âm thanh dồn dập của một cơn mưa rào. Trời mưa...! Thư nhắm với mình. Căn phòng vẫn tối om. Thư nghe một cảm giác lạnh lạnh. Nàng kéo tấm mền lên ngang ngực, lần hồi nhớ lại những việc đã xảy ra. Thư thấy hai má mình khô. Nàng nhớ ra vào lúc gần sáng hình như nàng đã khóc. Cũng có nhẽ mình khóc trong giấc mơ. Trời mưa...! Trời mưa làm Thư thấy nhẹ nhõm hay chính vì những giọt nước mắt trong đêm...? Thư chỉ thấy một sự thanh thản. Bên cạnh Duần vẫn thiếp ngủ. Vẫn dáng nằm cũ

Và một hơi thở đều đặn, mệt nhọc. Thư cảm thấy tức bụng. Nàng lần mò trở dậy vén màn bước ra, lấy chiếc sơ-mi của Duần vắt trên bàn mặc vào rồi lặng lẽ vén rideau bước ra. Trời đã sáng rõ. Thư sững sờ nhìn qua lớp cửa sắt. Bên ngoài trời khô ráo. Thư chợt nhận rõ tiếng rào rào mà nàng nghe lúc còn nằm trong màn thực ra là tiếng của những chiếc khung cửa bắt đầu hoạt động ở xung quanh hàng xóm. Thư bước nhanh ra phía sau. Những khung gỗ nằm bất động. Lát nữa đây bọn thợ sẽ đến và bắt đầu làm việc một cách ồn ào... Thư bỗng cảm thấy bị tràn lấn bởi những tiếng động đều đều dồn dập xung quanh. Nàng xúc miệng rửa mặt, rồi trở lên nhà. Duần vẫn còn ngủ. Thư mặc quần áo, chải đầu xong vén màn lay bạn dậy. Duần ú ớ một lúc rồi tỉnh hẳn. Sự mệt mỏi còn nặng trĩu trên đôi mắt đỏ ngầu. Anh ngáp dài, nhận ra Thư.

— Sáng rồi à ? Ủa... Trời mưa ? ! . . .

Thư bật cười :

— Không phải đâu ! Tiếng máy dệt đấy. Lúc này tôi cũng có cảm giác như Duần... Duần nhồm dậy, hai tay vòng lấy đầu gối, vẻ ngơ ngẩn, giọng anh đặc sệt:

— Thế à ?

Thư nói

— Duần dậy sửa soạn đi. Bọn thợ sắp đến bây giờ. Mình nên rời đây trước khi họ đến.

Duần uể uải đứng dậy, bước ra sau. Khi Thư đang loay hoay thu dọn chăn màn thì có tiếng gọi và đập vào cửa sắt. Tiếng Duần trả lời tôi ra đây. Thư đứng trong phòng ngó ra, Duần mình trần loay hoay mở cửa. Một tốp bốn, năm người đàn ông kéo vào, tiếng nói chuyện giọng ngái ngủ, đức quăng...

Lúc Duần trở vào, Thư đang dở xem một tập hình trên bàn. Anh nhìn mái tóc nghiêng của Thư và cảm thấy một bông hoa nhỏ vừa hé nụ trong anh. Anh đứng lại bên khung cửa, bối ngỡ ngàng ngất. Anh tự hỏi tại sao từ mấy năm nay, bây giờ anh mới cảm thấy thế, từ dạo quen Thư đến giờ ? Người con gái có cảm giác bị nhìn. Nhưng nàng vẫn giữ nguyên thế đứng cũ, không nhìn thấy gì trong những tấm hình trên tay — như thể nàng biết là quay lại sẽ làm cho bông hoa e thẹn không nở nữa.

Sàigòn 13-10-66

TRÙNG-DƯƠNG

KHU KỸ - NGHỆ BÔNG VẢI PHONG - PHỦ

(SICOVINA PHONG - PHÚ)

Sẽ bắt đầu khai-thác ngày 1-5-1967.

Lãnh phiếu trắng, nhuộm đủ màu và hoàn-tất đủ loại hàng vải khổ rộng từ 8 tấc đến 1 thước 4 :

- Vải đen Chent'Clear, Perfect Chent'Clear.

- Phiếu trắng, nhuộm đen satin, crêpe satin bằng chất viscose hay acétate de cellulose.

Phiếu trắng, nhuộm màu đủ các loại vải (coton), Polyester, Polyester, Coton, Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon, Viscose, Nylon, Coton, Tơ tằm (soie naturelle), Rilsan v.v..

- Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu-Mỹ khổ 1 thước 4.

- Bảo-đảm hoàn-tất với các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tối-tân nhất thế-giới hiện nay : không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imperméable), không thối (imputrescible)...

- Có máy đặc-biệt không cần hồ (apprêt), làm cho vải Popeline, Kaki... không bị co rút (irrétrécissable), bảo-đảm khi nhúng nước không mất quá 1%.

Vì sự sản-xuất có giới hạn, các nhà kỹ-nghệ-gia ngành dệt vải may quần áo Âu-Mỹ, áo mưa, may nệm, mui xe hơi, lều cắm trại màn treo, satin crêpe satin, popeline v. v... và các nhà buôn sỉ có thể đến thương-lượng và ký giao kèo ngay từ ngày 15-1-1967 mỗi buổi sáng từ 8 giờ đến 12 giờ, tại Văn-Phòng liên-lạc tạm đặt nơi Nhà Máy Nhuộm SICOVINA An-Nhon (Gò-Vấp).

WALT DISNEY

thi sĩ của màn ảnh

(1901 - 1966)

• NGUYỄN - HIỂN - LÊ



Dale Carnegie trong cuốn *Little known facts about well known people* (The World's Work — 1947) gọi Walt Disney là người đã tạo được một tài

sản nhờ một con chuột và ba con heo. Tờ Paris Match trong số 12-1966, khi hay tin ông mới mất (vì bệnh), viết một bài kỷ niệm cũng gọi ông là « người đã xây dựng một đế quốc (mà kinh đô là Disneyland) trên một con chuột ».

Tôi thích gọi ông là thi sĩ của màn ảnh hơn. Ông là một thi sĩ vì ông yêu trẻ em, yêu loài vật, yêu hoa cỏ, thiên nhiên, và yêu những cái mộng đẹp, có bao nhiêu tiền, đem dùng hết để thực hiện những cái mộng của ông mà làm cho cả nhân loại mơ mộng. Lần nào coi những phim : « Nàng Bạch tuyết và bảy chú lùn » (Blanche-Neige et les sept nains), « Hai vạn hải lý dưới đáy

biển » (20 000 lieues sous les mers), Sa mạc sinh động » (Désert vivant), « Bí mật của đời sống » (Secrets de la vie) tôi cũng có cảm tưởng được sống trong một thế giới ảo mà thực, thực mà ảo, được nhìn và nghe những bài thơ trường thiên ca tụng đời sống với muôn ngàn màu sắc rực rỡ và âm thanh du dương của nó. Tôi rất tiếc là không được thấy cái thế giới thần tiên mà ông tạo được ở Disneyland — xứ của Disney — và tôi mong rằng nhân cái chết của ông, một nhà sản xuất phim nào ở Huê Kỳ sẽ quay những cảnh trong «xứ» đó làm một phim tài liệu cho thế giới được được biết. Nghe nói Kroutchev khi qua Huê Kỳ, tính ghé đó một buổi mà hình như bị từ chối khéo, và ông ta lấy làm ân hận lắm.

oOo

Walter Disney (Walt là tiếng Walter đọc gọn lại) sinh ở đầu thế kỷ này (tháng chạp năm 1901) tại Chicago, nhưng ông thuộc vào lớp nhà đại kinh doanh Mỹ của hậu bán thế kỷ trước như Andrew Carnegie, Rockefeller ..., lớp người thân

lập thân (người Anh gọi là self made man), không được học hành nhiều, không có của cha mẹ để lại, tay trắng làm nên nhờ có tài trí, có óc mạo hiểm, nhất là nhờ sức làm việc không ngừng, liên tiếp bốn năm chục năm.

Ta nên nhớ cuối thế kỷ trước, nước Mỹ chưa được khai phá hết, phương tiện giao thông còn khó khăn, trường học còn thiếu thốn, nên dân chúng ở thôn quê còn giữ được tinh thần chiến đấu, tự tin; họ tôn trọng kiến thức nhưng không quá đề cao nó như các học giả ở châu Âu, họ không hề mặc cỡ rằng không có bằng cấp trong tay, không cho rằng sự học hành dở dang có thể ngăn cản bước đường thành công của họ được. Ngày nay, mức sống ở Âu, Mỹ đã cao, sự học đã được phổ biến, hóa ra dễ dàng, người ta quá chú trọng tới bằng cấp cho nên số người có tinh thần chiến đấu, mạo hiểm giảm đi và đọc tiểu sử các nhà đại kinh doanh ở thế kỷ trước, ta thấy kích thích, phấn khởi gần như đọc tiểu sử các nhà thám hiểm. Những bài học chiến đấu gian lao của họ rất cần cho thế hệ trẻ bây giờ, nhất là ở nước ta.

Song thân của Disney nghèo, có năm người con. Phụ thân ông làm rất nhiều nghề: trồng cam, mở khách sạn, làm thợ mộc... mà không khá, năm 1901 đứng ra phát hành báo ở Kansas, trong một khu vực có khoảng mười ngàn độc giả. Walt Disney lúc đó chưa đầy mười tuổi, với người anh kế ông, là Roy, phải lãnh việc giao hai tờ báo: tờ *Morning Times* và tờ *Evening and Sunday Star*. Thời đó, sự giáo dục trong gia đình rất nghiêm khắc. Con cái phải nghe lời cha mẹ răm rắp, nếu không thì bị đòn. Hai anh em Disney

được lệnh cha, phải giao báo tận tay người mua nếu không thì ít nhất cũng phải đặt báo ở trước cửa mỗi nhà rồi lấy phiến đá hay cục gạch chặn lên. Phụ thân hai ông còn cấm dùng xe đạp để giao báo nữa, sợ quen cái thói ngồi trên xe, liệng tờ báo vào sân rồi phóng xe lại nhà khác.

Làm công việc đó Walt phải dậy từ ba giờ rưỡi sáng, đón xe cam nhông chở báo, rồi đem đi phát liên, tới sáu bảy giờ mới xong. Luôn trong năm sáu năm như vậy, dù mưa rào, dù bão tuyết, ông cũng không bỏ một ngày nào, trừ những khi đau ốm. Có lần, giao báo cho một nhà giàu có lò sưởi, ông nằm ngủ ngay ở trước cửa nhà đó để hưởng chút hơi ấm, khi tỉnh dậy phải hấp tấp làm nốt công việc cho kịp giờ về ăn sáng rồi đi học.

Không có tiền để ăn quà, hai anh em ông phải lén lút làm thêm nhiều công việc khác như lau chùi xe tang, giao trứng, bơ, thuốc... để kiếm thêm vài cắc mỗi ngày. Trong vài năm ông dành dụm được một số tiền, đưa cho cha giữ giùm, đến khi xin lại để tiêu thì ông cụ bảo đã đem bỏ vào một công việc làm ăn rồi.

Từ đó ông càng rán kiếm nhiều tiền riêng để gây vốn nhưng không gởi cha nữa. Trong khi bận học về nhà nghỉ ngơi, ăn cơm thì ông lại giúp việc cho một tiệm mứt hoặc đi bán báo trong một khu vực mới mà không cho cha hay. Tóm lại, ông muốn làm ăn riêng.

Về già kể lại chuyện đó cho các con, ông bảo: « Ông nội các con nghiêm khắc quá nên tự nhiên ba phản ứng lại như vậy. Ba rán tránh, không mắc lỗi lầm đó với các con. Nhưng ba phải nhận rằng ông nội có một đức quý là nghèo thì nghèo, hề

con cái muốn mua sách thì ông nội không khi nào tiếc tiền.»

xXx

Walt Disney sớm có khiếu về môn vẽ. Năm bảy tuổi, một bác sĩ quen cột một con ngựa rồi bảo ông vẽ. Tuy bị cột, con vật vẫn quay đi quay lại hoài, ông phải chạy quanh nó để ghi từng nét. Bác sĩ đó khen bức họa và thưởng ông một số tiền.

Ông cũng thích môn kịch, cùng với bạn bè soạn lấy những vở ngắn để diễn chơi, hầu hết là những vở khôi hài. Ông lại học nhạc, nhưng không có khiếu về môn này.

Gần cuối thế chiến thứ nhứt, gia đình ông trở lại Chicago. Lúc đó ông mười sáu tuổi, vừa đi học vừa làm công trong một hãng chế mứt, vừa dự những lớp học vẽ ở một trường Mỹ thuật tư.

Nhưng không được bao lâu, ông phải vô tập sự ở Bureau điện Chicago để mưu sinh, rồi khai gian tuổi để nhập ngũ, bị đuổi về.

Khi chiến tranh chấm dứt, Hồng thập Tự Chicago cần năm chục người tình nguyện qua Pháp để săn sóc các thương binh Mỹ. Ông cũng khai gian tuổi nữa và được tuyển dụng qua Pháp lái xe Hồng Thập Tự.

Hồi nay ông kiếm được khá tiền. Ông cùng một người bạn đi lượm những nón của lính Đức trên các mặt trận và các hầm núp để bán lại cho lính Mỹ sắp hồi lương làm kỷ niệm chiến tranh. Ông dùng tài vẽ để sơn những nón đó một cách nham nhở, cho ra vẻ một nón cũ, bắn một phát súng sáu vào chiếc nón rồi xin vài sợi tóc ở một tiệm hớt tóc, giắt vào lỗ súng đó cho thêm tính cách «hiện thực». «Khách hàng» của ông bị gạt, ông

bán được một giá cao nhưng đủ khôn khéo để bán in ít thôi: mỗi chuyến xe chỉ bán một cái nón «chế tạo» theo kiểu đó để giữ được giá mà người mua khỏi nghi ngờ.

Trong mười một tháng đó ở Pháp, ông học khôn được nhiều, luyện được tinh thần tự lập, tự xoay xở lấy, cho nên sau này ông thường ca tụng chế độ quân dịch.

xXx

Năm mười bảy tuổi, ông về nước, tinh thần già giặn như một người lớn và trong túi đã có một số vốn nho nhỏ.

Phụ thân ông muốn ông vô làm một hãng mứt ở Los Angeles, ông lắc đầu, đòi sống bảnh nghề vẽ. Ông cụ la lên: «Muốn làm nghệ sĩ ư? Muốn nạp bọn với những quân vô lại đó ư?» Ông không cãi, lẳng lặng đi về tỉnh cũ của ông ở Kansas, xin vô giúp việc một hãng quảng cáo, hãng Gray Advertising Company. Ông vẽ thử một tấm cho chủ hãng coi. Chủ hãng ưng ý, trả ông năm chục Mỹ kim mỗi tháng. Ông mừng quỳnh, không thốt được một lời, chạy một hơi về khoe với một bà cô. Ông làm việc được sáu tuần, học được hết những mảnh khoe trong nghề thì vừa tới lúc hết mùa quảng cáo, chủ hãng cho ông nghỉ việc.

Ông bàn với một người bạn, cùng nhau đứng ra làm ăn lấy. Họ lại đề nghị với ông chủ nhiệm tờ *The Restaurant News*, cơ quan của một nhóm chủ khách sạn:

— Tôi sẵn lòng chỉ huy giúp công việc nghệ thuật trong toà soạn của ông.

— Hân hạnh lắm nhưng báo tôi nhỏ quá, không có công việc đó.

— Vô hại. Ông cứ thu xếp cho chúng

tôi một chỗ nào đó trong toàn soạn, rồi chúng tôi sẽ vẽ quảng cáo cho ông. Ông chẳng mất một xu nào cả và có thể khoe rằng tờ báo có một nhóm chuyên viên về nghệ thuật.

Ông chủ nhiệm hoan hỉ nhận lời. Thế là chẳng tốn một đồng nào, ông đã có được một "xưởng vẽ". Lần lần ông làm quen với các nhà in, các nhà kinh doanh trong châu thành và lãnh được "com-măng", ngay trong tháng đầu đã kiếm được một số tiền lớn hơn tiền công ở Gray Advertising Company. Tự làm chủ mình, dù công việc nhỏ nhoi tới mấy, cũng vẫn thích hơn đi làm công.

Một hôm, ông đọc trên báo thấy tin hãng Phim *Kansas City Film Ad Company* cần một người vẽ hí họa. Ông lại hỏi. Họ bắt ông phải vẽ chuyên cho họ, suốt ngày, và trả ông bốn chục Mỹ kim một tuần. Ông nhận lời và bắt đầu chú ý tới môn hoạt họa (dessin animé). Năm đó ông mười chín tuổi (1920).

Ông vừa vẽ vừa tìm hiểu kỹ thuật chụp hình, hát bóng; bao nhiêu sách ở thư viện Kansas viết về hai môn đó, ông đều mượn về đọc hết, đề dành tiền mua một máy quay phim, quay những xen khôi hài ngắn ngắn, lấy ngay tên một viên Giám Đốc ba nhà hát bóng ở Kansas, ông Laugh-O-Grams Newton để đặt tên cho loại phim đó, nhờ vậy gây được cảm tình với ông ta.

Ông vẽ nhiều phim hoạt họa để quảng cáo, bắt đầu nổi tiếng trong xứ.

Ông mượn một căn nhà làm xưởng đăng báo tìm thanh niên để dạy nghề hoạt họa cho; vẽ những phim hoạt họa *Con Mèo đi hia* (Le Chat Botté), *Em bé quàng khăn đỏ* (Le Petit chaperon rouge),

theo những truyện cho trẻ em của Perrault. Phim rất ngắn, chiều không đầy bảy phút, nhưng được hoan nghinh. Lúc này ông đã thành một ông chủ, có phòng giấy, có nhân viên đàn hoàng rồi. Nhưng ông vẫn chưa mãn nguyện. Kiếm được ít tiền quá. Ông muốn thành công rực rỡ kia, ông muốn chinh phục kinh đô hát bóng kia. Năm 1923, ông lên xe lửa lại Hollywood.

oOo

Mới tới, ông có cao vọng được làm giám đốc kỹ thuật trong một hãng sản xuất phim, nhưng sau khi nghiên cứu kỹ hoạt động trong các phim trường, tìm hiểu nghệ thuật điện ảnh, ông khiêm tốn hơn, tự nhận rằng mình còn phải học hỏi nhiều lắm, từ những công việc nhỏ nhoi nhất. Sau này rút kinh nghiệm đó ông thường khuyên các thanh niên mới vào nghề, dù có bằng cấp cao, có tài năng tới đâu cũng đừng nên đòi giữ những địa vị chỉ huy vội, cứ bắt đầu từ những địa vị thấp nhất đã.

Mấy tháng đầu kiếm việc không được, số tiền dành dụm tiêu đã gần hết thì một dịp may tới. Phim *Alice* của ông chiếu ở Kansas, được một nhà phân phối phim ở Hollywood để ý tới, và nhà đó đề nghị với ông vẽ cho một loạt phim hoạt họa cũng dùng truyện em Alice, sẽ trả 15.000 Mỹ kim cho 12 phim.

Ông và ông Roy (từ đây hai anh em hợp tác chặt chẽ với nhau) nhận lời ngay và phải đi vay mượn để có một số vốn. Khi ông đã giao được sáu phim rồi, hãng phim thấy phim không được khán giả hoan nghênh, muốn hủy bỏ giao kèo. Walt Disney đáp:

— Nhưng phim thứ bảy đã xong

rồi, không lẽ bỏ ư.

Thế là phải cho chiếu và chính phim đó đã đem lại sự thành công cho anh em Disney. Trong ngành kinh doanh cũng như trong nghệ thuật, sự thành công có khi chỉ cách sự thất bại có một bước ngắn. Kinh nghiệm của Walt Disney cũng như kinh nghiệm của Somerset Maugham.

Thành công rồi ông mới nghĩ tới việc lập gia đình với cô Lillian Bounds. Cô nghèo, làm thư ký cho ông, lương mỗi tuần mười lăm Mỹ kim, rất siêng năng, tận tình làm việc, không hề so đo. Khi hai người đã mến nhau, cô mời ông về nhà mình để giới thiệu với mẹ. Ông đáp rằng bộ đồ của ông cũ quá, sờn tay và bạc màu, coi không bệ rạc lắm, đề ông sắm bộ đồ mới đã.

Ông hỏi ý kiến anh, vì ông Roy giữ túi tiền. Ông anh bằng lòng nhưng ra điều kiện là không được mua một bộ giá trên ba mươi lăm Mỹ kim. Ông mua một bộ cắt sẵn bốn mươi Mỹ kim, ông anh cũng chiều lòng.

Họ cưới nhau năm 1925. Hai năm sau, loạt phim về Alice hết được hoan nghênh. Ông tạo một «nhân vật» mới, con thỏ Oswald. Nhưng làm cho ông nổi danh khắp thế giới là con chuột Mickey. (Mickey Mouse).

Về sự xuất hiện của con chuột này, người ta đã dựng nên nhiều truyền thuyết. Diane Disney Miller (con gái lớn của ông) kể lại như sau trong cuốn *The Story of Walt Disney* (bản dịch ra tiếng Pháp của Nathalie Gara — Hachette-1960) nhan đề là *L' Histoire de Walt Disney*):

«Người ta cho rằng Con Mickey là do một con chuột thực thường leo lên tấm

ván đề vẽ của ba tôi khi người (...) ở Kansas. Quả là ba tôi rất yêu những con vật nhỏ đó. Hỏi ba tôi, người đáp. «Trái lại với hầu hết các truyền thuyết khác, truyền thuyết này có nhiều phần đúng, Ban đêm, ba làm việc, các con chuột nhất thường lục lọi-thoả thích trong giỏ giấy vụn của ba. Ba bắt chúng, nhốt vào những cái lồng nhỏ, đặt ở trên bàn làm việc. Có một con mà ba thích nhất, khi rời Kansas, ba thả nó ra ngoài đồng.»

Khi này ra ý vẽ những phim hoạt họa về chuột, ông cần đặt tên cho vai chính trong phim, hỏi ý bà.

— Anh muốn gọi nó là con chuột Mortimer. Mình nghĩ sao ?

Bà không thích tên đó, lựa tên Mickey.

Nhưng trước khi làm cho ông nổi danh, con chuột Mickey đã gây biết bao nỗi lo lắng và khó khăn cho ông.

Chúng ta khó tưởng tượng được một phim hoạt họa chiếu trong hai mươi giây thôi, tốn mất bao nhiêu công phu: 480 hình vẽ và 50.000 nét vẽ. Nghĩa là mỗi giây phải chụp rồi chiếu hai mươi bốn hình vẽ, như vậy khán giả mới thấy những cử động liên tiếp, chứ không thấy những hình rời rạc. Về mỗi cử động của con Mickey phải vẽ mười sáu tấm hình.

Đó là nói về phim câm.

Năm 1927, ở Mỹ, phim nói đầu tiên đã xuất hiện: phim *Chanteur de Jazz*. Muốn cho phim hoạt họa của ông khỏi chết, Walt Disney phải làm cho nó nói

() Tạp chí *Lectures pour tous* số Octobre '966 t ong bài *Qu est ce qui fait rêver Walt Disney* đã mắc một lỗi hai lần chép là Mickey Mouth (Miệng Mickey)

được, nghĩa là phải có nhạc, có tiếng nói và những âm thanh đó phải cùng phát với các cử động của con chuột cho có sự phù hợp.

Mỗi giây quay hai mươi bốn hình, nếu tiết điệu của nhạc là nhịp hai th, mỗi giây phải có hai nhịp, mỗi nhịp cho mười hai hình.

Ông phải tìm nhạc công để giúp việc, lập một dàn nhạc, vay tiền các ngân hàng; muốn vậy phải thuyết phục các nhà tư bản đó tin rằng phim con chuột Mickey của ông sẽ được hoan nghênh.

Sau bao nhiêu lần thí nghiệm, tốn kém rất nặng, phim hoàn thành, lần đầu tiên đem chiếu ở Broadway, khán giả cười gằn vỡ rụp khi nghe con chuột Mickey nói được y như người. Sự thành công vượt sức tưởng tượng của hai anh em ông, nhất là của ông Roy vì ông này luôn luôn căn nhắc rằng tốn kém quá, lỗ thôi.

Một nhà phân phối phim ở New York đề nghị với ông sản xuất một loạt phim Mickey nữa. Lúc này ông đã có thể làm cao, đặt điều kiện: muốn chiếu một phim hoạt hoạ của ông thì phải đưa ông trước 5 000 Mỹ kim, rồi khi chiếu phải chia cho ông 40 phần 100 số tiền bán vé. Họ phải chấp nhận những điều kiện đó.

Nhiều người thấy ông thành công, bắt chước kỹ thuật của ông, có kẻ còn mua chuộc các người giúp việc ông để kéo họ về làm cho mình nữa, nhưng họ đều thất bại. Vì họ chỉ muốn kiếm tiền, còn ông thì trái lại, chỉ yêu nghệ thuật, muốn tiến hoài, cải thiện hoài kỹ thuật, không khi nào ngừng, do đó không tài đuổi kịp ông.

Bao nhiêu tiền thu được về phim trước, ông đem dùng hết để sản xuất phim sau, có khi còn phải đi vay thêm. Số nhân viên tăng lên hoài mà ông bà phải coi sóc hết thảy, suốt ngày ở xưởng cho tới khuya, tới bữa ăn thì chạy ra quán, nuốt vội mấy miếng rồi trở về làm việc. Vì vậy mà năm 1931, ông đau. Thần kinh suy nhược, mất ngủ, tính tình quạu quọ, hễ có ai kêu điện thoại là ghen thờ, muốn khóc. Ông bà phải nghỉ ngơi, đi du lịch ít lâu. Khi trở về Hollywood ông thấy đầy đủ sinh lực để vượt một bước khó khăn nữa.

Lúc đó là thời kinh tế khủng hoảng; lại thêm phim màu mới xuất hiện. Ông phải cải tiến phim hoạt hoạ cho hợp thời, phải vẽ màu. Ông thương thuyết với nhà Technicolor để được độc quyền dùng phương pháp Technicolor cho phim hoạt hoạ của ông trong hai năm.

Ông thí nghiệm kỹ thuật mới đó vào phim: *Fleurs et arbres* (Hoa cỏ và cây cối). Vừa có màu lại có nhạc: chim chóc riu rít bên cạnh những đóa hoa tươi thắm, làm khán giả say mê trong mười phút. Phim được giải thưởng của Hàn lâm viện nghệ thuật và khoa học điện ảnh. Trước kia ông đã được giải thưởng Oscar về những phim Mickey.

Giữa thời kinh tế khủng hoảng, tất cả các xí nghiệp đều rút bớt chi phí, thải bớt nhân viên; ông trái lại, tuyển thêm nhân viên, cấp dưỡng cho một số vào học ở Viện Mỹ thuật Los Angeles, lái xe đưa đón họ, về xưởng lại đào tạo thêm họ nữa. bắt họ phải « phân tích cử động ». Trước kia ông theo kỹ thuật này: cho một người mẫu đứng theo một tư thế nào đó, các họa công

nhìn mà vẽ : rồi người mẫu đổi qua tư thế khác, họa công cũng nhìn theo đó mà vẽ. Thành thử họa công không nhận xét được những biến chuyển từ tư thế này qua tư thế khác, vì vậy mà các bức vẽ không gọi được những cử động tự nhiên.

Ông thay đổi phương pháp, cho quay phim mỗi cử động rồi chiếu chậm lại cho họa công coi và nhận xét. Ông quay phim cả những tấm kính đương bề, những bọt xà bông phồng lên rồi vỡ, những giọt nước chảy vào một cái thau, những khói thuốc quay trong không khí dưới cánh quạt máy, những trái banh cao xu rớt xuống đất rồi nảy lên, những vẻ mặt khi giận dữ, khi vui cười, những làn môi mấp máy khi nói. Chẳng hạn nói câu : "Ông mạnh giỏi không ?" môi ta mấp máy bốn lần mỗi lần một khác, phải ghi mỗi lần rồi vẽ hình hoạt họa mới đúng sự thực được. Ông quay phim cả các loài vật, và ông dựng được gần như một sở thú cho các họa công của ông nhận xét.

Ông cho rằng bấy nhiêu cũng chưa đủ. Vì ông nhận thấy loài vật nhốt ở trong chuồng cử động khác lúc chúng sống tự do ở giữa thiên nhiên. Ông sai một số người đi quay phim các loài vật ở giữa thiên nhiên. Do đó mà phim hoạt họa của ông rất đủ tính cách hiện thực, và sau này ông nảy ra ý quay những phim tài liệu làm mê khán giả.

Ông Roy thấy phí tiền nặng quá, cần nhằn hoài ; ông chỉ mỉm cười, kiếm được bao nhiêu tiền, trút hết cả vào công việc. Tôi đã nói : ông chỉ dùng tiền để thực hiện những mộng đẹp của ông thôi mà !

Ông cố tìm những người có tài bắt

chước tiếng kêu của các loài vật : tiếng gà gáy, chim hót, ngựa hí... và gặp được một người như vậy tên là Nash ông mướn liền với một số tiền công rất cao. Số người giúp việc ông, hồi thịnh nhất, lên tới 1.500, một phần do ông đào tạo từ nhiều năm trước.

Năm 1932 ông hoàn thành phim *Ba con heo con*. Phim nổi danh liền cũng như những phim Mickey hồi trước. Mỗi con heo có một cá tính riêng, rất dễ thương, và điệu hát "Who's afraid of the big bad wolf, the big bad wolf, the big bad wolf ? (Ai sợ con chó sói lớn hung dữ", con chó sói lớn hung dữ, con chó sói lớn hung dữ ?), chẳng bao lâu truyền khắp trong nước. Thanh niên nào cũng hát câu hát đó. Và hễ nhắc đến Disney thì người ta nhớ ngay tới hình ảnh con chuột Mickey và ba con heo con. Có người tính rằng phim ba con heo con đem lại cho ông một số lời là 600.000 Anh bảng, nhưng ông bảo chỉ được lời 25.000 Anh bảng sau khi làm việc tận lực trong hai năm.

Lúc đó danh ông vang khắp hoàn cầu. Theo Dale Carnegie, ở Alaska, dân Esquimaux thích phim Mickey tới nỗi thành lập một hội gọi là Hội Con chuột Mickeyo. Các nhà sản xuất đồ chơi ở Mỹ xin phép ông dùng hình con chuột Mickey và ba con heo. Một nhà sản xuất đồng hồ chuông, nảy ra cái ý dùng ngón tay con Mickey làm kim chỉ giờ, phút ; nhờ vậy mà số bán nhảy vọt lên.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Nhận xét về dự-án Hiến-Pháp

của THANH-THIÊN

(Xin xem BK.TĐ. từ số 241-22)

Điều 108 — Thiết lập một Hội-đồng Văn hóa Giáo dục, với nhiệm vụ «giúp đỡ và đôn đốc Chánh phủ thực thi «một chính sách giáo dục đạt được «các tiêu chuẩn của Hiến-pháp này, đồng «thời xúc tiến việc thành lập Hàn Lâm-Viện Quốc gia.»

Tất cả mọi dự-án dự-thảo luật có liên quan đến Văn hóa Giáo dục phải được tham khảo ý kiến của Hội-đồng trước khi đưa ra Quốc-hội.»

Như thế, thì Hội-đồng chỉ có quyền tư-vấn, không được biểu quyết gì hết.

hình ra không thể quan niệm rõ ràng Hội-đồng sẽ «giúp đỡ» chánh phủ như thế nào khi chẳng ai hỏi tới

Và sao có thể đôn đốc? Chỉ đôn đốc nổi khi có quyền kiểm soát Chánh-phủ.

Chiều quyền gì Hội-đồng «xúc tiến» sự thiết lập Viện Hàn-Lâm Quốc-Gia?

Viện Hàn-Lâm này có mục-đích gì? có công dụng gì? Thế nào là Viện Hàn Lâm? cơ quan này chưa có định nghĩa chánh thức bao giờ, thì đưa vô Hiến pháp làm gì?

Và chắc đâu tổ chức thường gọi là Viện Hàn-Lâm theo quan niệm cổ-diễn của các nước Âu-Mỹ, hiện nay còn thích hợp, nhất là cho đại chúng xứ chậm tiến? Khi một vấn đề còn bị tranh luận, thì không phải là nguyện vọng toàn dân, nên không thể đưa vào Hiến-pháp.

Thiết tưởng cơ quan Lập-hiến chỉ nên đặt nguyên-tắc và vạch hướng mà thôi, đừng xen vào những tổ-chức không thuộc cơ cấu quốc-gia.

Điều 109 «Thành phần Hội-đồng gồm «1/3 Hội-viên do Tổng-thống bổ nhiệm «2/3 Hội-viên gồm đại diện các tổ chức «Văn-hóa Giáo dục công và tư, các Hiệp «hội phụ huynh học sinh, các Hội-đoàn Thanh-thiếu-nhi trong toàn quốc.»

«Nhiệm kỳ của Hội-đồng là 6 năm. Cứ «hai năm bầu lại 1/3 tổng-số Hội-viên, «các Hội-viên có quyền tái-cử.»

Điều 115 dự-án đã dự trù một đạo-luật ấn định cách tổ chức và điều hành các Hội-đồng Văn-hóa, Kinh-tế Xã-hội, sắc dân thiểu-số.

Vậy thì xin đợi đạo luật đó thiết-lập và tổ chức luôn một thể, đề Hiến-pháp khỏi mắc vào chi tiết. Và lại các chi tiết

ở điều 109 kể trên vẫn không đủ, lại chưa đáo lý, đáng được bàn kỹ hơn. Tỉ dụ : tại sao 1/3 do Tổng-thống bổ lại ở 6 năm ? tại sao đại diện đoàn-thể chỉ có 2 năm nhiệm-kỳ ? Tại sao 6 năm thay vì 3 năm 4 năm ? Chỉ có nhiệm-vụ tư-vấn, thì sao phải thay luôn mỗi 2 năm ?

Điều 110, 111 và 112 — Đối với các Hội đồng Kinh-tế Xã-hội và sắc-tộc thiểu số, những nhận xét cũng tương tự như đối với Hội đồng Văn hóa Giáo dục.

Càng nhiều Hội đồng phụ thuộc Quốc-hội, các dự-án hay dự-thảo luật sẽ càng đòi hỏi nhiều thời gian cứu xét bàn cãi, thật đáng lo ngại cho sự tiến hành việc nước.

Điều 116 đoạn 3 — «Quốc-gia khuyến khích và tán trợ việc tiến tới chế độ «lưỡng đảng.»

Đây chỉ là một nguyện vọng. Vì sự thâu gọn các đảng phái vào 2 đảng như ở Anh và Hoa-Kỳ, không thể do một Hiến-pháp, một đạo luật nào định, mà chỉ là kết-quả tự nhiên của các tập-quán chánh trị và nhiều điều-kiện lịch-sử.

Điều 118 — «Chính đảng phải có :

Một tổ-chức quần chúng hay một số đại diện dân cử ở Quốc-hội.

Điều này quá khắt khe và trái thực tế chánh-trị.

Một chánh đảng có thể tùy thời-cơ đưa người ra ứng cử, hoặc chưa muốn đưa ra : sự tùy nghi tiến thoái là nguyên tắc căn bản trong cuộc tranh đấu chánh trị. Chánh trị thấp, thì mới xông ra bất cứ lúc nào. Sao lại bắt buộc phải ra ngay ?

Chính-đảng có nhiều hình thức :

hình-thức thu hẹp vào một số đảng-viên chọn lọc, cần phẩm hơn lượng : tỉ như các đảng Cấp tiến (Radicaux) ở Pháp ; hoặc hình-thức đại-chúng (partis de masse) như đảng Xã-Hội SFIO.

Đã thừa nhận tự-do, thì xin tránh qui định.

Điều 119 — «Chính đảng có nhiệm vụ «giúp đỡ chánh quyền trong việc tìm «hiệu-nguyện vọng và ý-chí quốc-dân».

Nguyện-vọng và ý chí quốc dân, theo nhiều đảng bảo-thủ ở nhiều nước, chỉ là nguyện-vọng ý-chí của một số quí-tộc, tư bản, hay quân-phiệt ; đối với các đảng khuynh-tả, chỉ là của nông-dân hay lao-động vv... Đảng nào cũng tự hào là nói lên tiếng nói của quốc dân, chánh quyền nào tin được ?

Đảng ủng hộ chánh quyền, thì mới lo giúp đỡ.

Nhưng đảng cũng có quyền chống đối, thì khi nào giúp đỡ ? Trái lại, đã đối lập thì chỉ mong cho chóng đổ mà thôi.

Bởi quá trái thực tế, điều 119 nên được bãi bỏ.

Điều 123 — «Một đạo luật sẽ ấn định «qui-chế chính-đảng và qui chế đối-lập «chính-trị ».

Về phương diện pháp lý, chính đảng chỉ là một loại hiệp-hội.

Các chánh-khách và các nhà chính-trị-học trên thế-giới đều tránh tìm một định nghĩa pháp lý riêng biệt cho chính đảng, vì qui định thể nào cũng thiếu sót hay sai lạc.

Đặt vấn-đề qui-chế đảng-phái, như

đã thử mấy lần ở VN, là nêu một vấn đề không nên đặt ra, vì không thể giải quyết thỏa đáng.

Chính đảng sinh hoạt theo thực-tế, hoàn-cảnh, tập-tục, và kỷ-luật riêng tự ý chấp nhận, vv...chớ không thể nào chịu một khuôn khổ cứng nhắc của một đạo luật chung. Bởi thế, dù có ban hành một qui-chế, thì qui-chế đó rất có thể chỉ thành một tử-thư vô hiệu.

oOo

KẾT - LUẬN

Xét tổng-quát, thì dự-án Hiến-pháp có những đặc-điểm sau đây rất đáng được chú ý:

- Dự-án có tính cách chống Cộng ;
- Dự-án được xây dựng trên các căn-bản tự-do dân-chủ ;
- Dự-án nhằm thiết lập một chánh-quyền dân-sự vững bền.

Tuy nhiên, chủ-ý như trên chưa thể hiện được minh-bạch và hợp-lý.

Hai phạm - vi lập-hiến và lập-pháp không được phân biệt rõ-ràng. Quốc-hội soạn thảo Hiến-pháp chớ không làm

luật ; song nhiều sự cần dành cho các đạo luật hay cần nhượng cho Hành-pháp, lại bị đưa cả vào văn-kiến căn-bản. Bởi vậy dự-án không tránh khỏi tính cách bác-tạp và phiến toái.

Dân nghèo, xứ nhỏ, nước loạn, việc gấp, người tài-đức rất hiếm, mà cơ-cấu quốc-gia rất nặng nề, với quá nhiều cơ-quan chồng chất, thì làm sao tiến mau được ? Đặt ra mà khó thực hiện, thì rất không nên, vì chỉ chứng tỏ rằng thực-tế không được nhìn nhận.

Ngoài ra, mỗi khi các nguyên-tắc chuyển qua tổ-chức, thì tổ-chức lại được quan niệm không đúng mức, nên trái ngược cả mục đích muốn đạt : muốn cho tự-do, mà thành ra thắt chặt, muốn phát triển chính-đảng mà thành ra khắt khe, muốn cởi mở, mà thành ra lỏng lẻo. Đó lại là một lý-do nữa, để Quốc-Hội Lập-Hiến đừng lập pháp và lập qui.

Tóm lại, nếu Hiến pháp sắp ban hành muốn được thực-tế nước nhà nuôi dưỡng để sống lâu, thì dự-án đã công bố cần được xét lại kỹ hơn.

THANH THIÊN

TÌM ĐỌC :

TẬP - SAN SỬ - ĐỊA XUÂN ĐÌNH - MÙI

Một giai phẩm đặc sắc, đặc khảo về phong tục Tết Việt-Nam và các lân bang, nội dung phong phú với sự góp mặt của các cây bút :

NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC, BỬU-KẾ, PHAN-KHOANG, VƯƠNG-HỒNG-SÈN, TÔ-NAM, PHẠM-VĂN-SƠN, TĂNG-HẬU, THÔI-TIÊU-NHIÊN, LÊ-THỌ-XUÂN, NGUYỄN-BẠT-TUY, HỒ-HỮU-TƯỜNG, ĐÔNG-HỒ, TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG, DOROHIE, PHẠM-TRỌNG-NHÂN, NGUYỄN-VĂN-NGHIÊM, ĐỖ-VĂN-TÚ, NGUYỄN-TRẮC-DĨ, KIÊN-GIANG, CHÂU-GIANG-TỪ, NGUYỄN-BÁ-LĂNG, BÀNG-SƠN, PHÙ-LANG cùng nhiều tranh ảnh khác.

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (17)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Chàng nhìn theo Vinh đón đèn men theo dặng chuỗi cho tới khi hắt tan lẫn vào bóng tối ven sông. Ngón tay bị sức vì bò qua hàng rào kềm gai nhức nhối và xót vì mồ hôi, chàng đưa lên miệng mút. Vị mặn nồng của máu làm chàng thêm hút một liều thuốc nhưng không biết làm sao che ngọn lửa khỏi loé ra. Hai người lính đi cùng ngồi bất động trong bóng tối làm chàng từ bỏ dự định châm thuốc trong lòng chiếc mũ. Trên lô-cốt của đồn phía xa, một đốm lửa đỏ loe sáng thật nhỏ bình an làm chàng thêm thuốc hơn và hiểu rằng sự an toàn của mỗi người chỉ có giá trị tương đối và khoảng khắc. Bây giờ chàng khá yên tâm bởi vì sau lưng là vách nhà hai bên hai người lính súng cầm tay. Nhưng không thể yên tâm như nửa giờ trước bên trong dãy tường đồn. Và có trở về thành phố, nỗi an bình cũng không dài hạn hơn — những nỗi lo âu mới xuất hiện, có thể là chẳng nghĩa lý gì so với hoàn cảnh ngay lúc này, nhưng tác động của chúng vào tâm hồn vẫn có cùng thứ cường độ. Không thể nào thoát ra được nỗi lo âu làm người, chỉ trừ phi không còn là người như những vị tu thiền đã đạt tới biên giới giữa sự sống và cái chết. Và với cái chết, an bình vĩnh cửu tới chưa? Nếu có linh hồn tồn tại sau thể xác tiêu tan, an bình cũng chỉ tới nếu linh hồn là ù lì vô tri vô giác như hòn đá. Sau cái chết anh còn tin có gì nữa không, còn gì nữa không... Bởi vì như thế dễ sống và dễ chết hơn, như anh thường nói... Chàng nhắm mắt lại cho khỏi nhìn ánh trắng như ngân lên thì thảo thồn thức những câu nói của Linh đêm trước. Nhưng quá muộn, Linh đã có đó, hiện hữu rồi với giọt nước đọng sáng lớn dần nơi khóe mắt, lẫn xuống tan vỡ từng vết sáng mảnh mai tắt dần trong mái tóc xõa phủ trên lòng chàng. Anh nói thật đi anh! Sau cái chết anh còn tin có gì nữa không, còn gì nữa không... Chàng mở mắt nhìn lên mặt trăng và thấy mình như vừa già hẳn đi, hình ảnh Linh tiếng thì thảo tha thiết của nàng bay bổng lên cao, tan biến trong lớp mây đang lừ lừ trôi với những viên sáng bạc óng ả. Chàng không muốn làm một nữu kéo nào để giữ lại, Linh đã trở về với nàng để lại vĩnh viễn nhìn nhau qua một tiếp cận thể thời dù hai môi có áp vào nhau thân thể có đan kết rít rít tuyệt vọng với cả mười ngón tay mười ngón chân. Chàng thì thảo, anh yêu em, Linh, anh yêu em cho những khoảng khắc ẩn hiện bất ngờ trong cuộc đời này. Anh yêu em với cái chết như dâng thêm mỗi chút sau từng động tác làm tình, từng hơi

thở trao đổi qua những làn môi khép kín — Anh yêu em như yêu sự đi tìm một người đang hấp hối, có thể chết rồi có thể chưa chết ở một góc vườn, lùm cây đầy bóng tối, có thể chết rồi có thể chưa chết, đang áp miệng vào ống liên hợp thì thảo về mọi tiếng chó sủa bóng tối bên hàng xóm.

Một tiếng huýt sáo nhỏ, một tiếng cao hơn trả lời, Vinh xuất hiện sau một bụi cây — chàng ngửi thấy mùi mồ hôi nồng nặc trước khi nhìn rõ mặt bạn có chiếc miệng mấp máy :

— Phía đó cũng đẽch có dấu vết gì hết... Đã liên lạc lại với tên Vũ chưa, jinh mới ?

— Tôi chưa mở máy từ lúc rời đồn.

— Mẹ kiếp, học cái quân trường nào ra mà ngu thế ! Phải mở máy thường trực...

Chàng cúi xuống cầm máy lên, vặn chiếc núm. Vẫn chỉ là sự câm nín của đàn âm thanh điện tử đều đều. Chàng gọi nho nhỏ như ngái ngủ, gọi như gọi Liah như gọi nỗi già nua đã đến.

— Định gọi Vũ, Định gọi Vũ... Anh nghe tôi không trả lời...

Anh không trả lời, Vũ không trả lời, nỗi già nua ngái ngủ đã đến, chàng tiếp tục gọi cho đến khi nghe thấy tiếng Vinh bật lửa trong lòng mũ và ngửi thấy mùi khói thuốc ấm áp. Chàng toan đặt máy xuống tìm thuốc hút, nhưng tiếng Vũ đã vắng vắng, đứt khúc... Chàng im lặng lắng nghe, không ngắt lời, không hỏi han. Tiếng Vũ đã biến đi trong lớp âm thanh rì rào của máy. Chàng cúi xuống châm nổi điều thuốc vào đầu lửa đỏ trong lòng chiếc mũ của Vinh trước khi thì thảo :

— Vũ hẳn vừa mới nói xong và lại im rồi.

— Sao không hỏi xem hẳn nằm đâu !

— Tôi tin rằng hẳn không còn nghe hiểu bọn mình nữa... Hẳn đang nói tới một ông lớn cắt bằng khánh thành một cái gì đó...

— Gì nữa ?

— Hẳn nói sẽ mua vải chứ không mua ni-lông, hẳn nói tới một đứa bé ngồi ngủ gật trước một ngọn đèn dầu nhỏ để ở bậc thềm...Chỉ có thế.

Vinh lặng im quay mặt đi, hướng về phía đồn thấp thoáng những khối đen cạnh gầy nét trước khi cầm súng đứng dậy, dáng điệu tuyệt vọng trong từng cử động nhỏ. Chàng cầm máy đứng lên theo, ánh trắng thoáng ủa vào tóc vào mặt khi bước sang thềm hiên bên kia. Vinh im lặng đi đầu, không còn lần tránh ánh trắng — hẳn buồn hẳn tuyệt vọng rồi. Chàng thoáng ngẩn ngại khi nhận ra cả toán đang tiến về phía quốc lộ có đắp ụ, như thế có thể bị cả địch lẫn tàn quân tàn sát của Vũ bắn nếu cứ tiếp tục phôi người dưới ánh trắng. Nhưng rồi chàng nín thinh, lầm lũi bước theo Vinh bởi vì Vũ vừa cất tiếng ư ử oải băng quơ...*Sao con bò bị mấy vết đạn như thế mà không té...Nó còn run rẩy... bả ấy ngồi khóc.* Chàng đưa tay kéo lưng áo Vinh, thì thảo :

— Vũ vừa nói đến con bò bị trúng đạn còn đứng được... Chắc hẳn đang nằm gần một chuồng bò.

— Biết chuồng bò nào...Có cả đồng chuồng bò...Cứ tới chỗ đựng đồ rồi đi móy tròn ốc mở rộng, hi vọng sẽ thấy... Báo cho Đại bàng và thằng Hy là đừng có bắn lộn xộn.

Định thì thảo theo lời Vinh vào máy vô tuyến... Nghe tôi không trả lời, Vinh nghe tôi không Thanh nghe tôi không trả lời...Chúng tôi tiến tới...Đừng bắn gì kể cả chiếu sáng, nghe tôi không, nghe tôi không...Chàng tiếp tục liên lạc với những câu như chỉ để nói với chính mình, đầu vì cố áp vào máy làm tai đau ê ẩm, ánh trắng chói chang xoá mờ các vết lồi lõm làm chàng loạng choạng bước hụt như mê sảng... Nghe tôi không trả lời, chúng tôi vào chiến trường... Vài cái xác, không thấy gì không thấy gì. Có vết pháo binh cày nát.. Qua các âm thanh rì rào trao đổi, hình như có tiếng Vũ đôi khi xen kẽ, có phải hẳn không, chàng tập trung hết sức vào tai làm mắt như không còn nhìn thấy gì hơn là những khoảng trắng loang loáng. Vũ lại im rồi và chàng không kịp nhận hiểu điều gì — hẳn còn sống, ở một góc tối nào đó. Chàng hụt căng ngả chúi xuống một lỗ do đạn trọng pháo đào lên. Vinh quay lại đứng nhìn. Ánh trắng làm toàn thân hẳn như bất động trên thành hố. Chàng thì thảo gọi :

— Dừng lại nghỉ một chút đã, anh Vinh. Đi cà rờ hoài...

Vinh lặng lẽ tụt xuống cùng hai người lính, bật lửa châm hút. Ánh sáng loé lên thoáng làm hiện những khuôn mặt bóng nhẫy mồ hôi.

Chàng hỏi :

— Máy giờ rồi, anh Vinh ?

— Hai giờ mười.

Mới có hai giờ mười...chàng hơi ngạc nhiên. Mới hai giờ mười của đêm. Chàng ngả người vào thành hố, tựa gáy lên chiếc mũ vải lật ngược, làn khói từ điều thuốc bốc lên cuộn từng vòng cong rõ nét dưới ánh trắng. Ngón tay Linh nghịch ngợm giờ lên cổ đưa xuyên qua những vòng khói, ngón tay trở tròn như của đĩa trẻ làm chàng muốn hé miệng ngậm lấy, ngậm nhấm như một loài chuột bạch. Mới hai giờ mười của đêm thôi Linh, chàng nghiêng đầu sang một bên, tì má vào máy cho thoải mái, tiếp tục hút thuốc và lắng nghe những giọt mồ hôi thấm dần vào vải áo quần.. Tiếng Vũ lại cất lên, nhưng chàng thôi ngạc nhiên, hẳn chưa chết hay chết rồi chàng cũng không thấy liên quan tới cái giọng yếu đuối, băng quơ, đứt đoạn vang bên tai. Chàng còn Linh vừa còn có Linh trong vòng khói thuốc vẫn tiếp tục cuộn cuộn bốc lên. Giọng của Vũ liên tục hơn, bàn về một cuốn phim đang chiếu, phim gì ? về một người đàn bà mặc áo tắm có chữ ký ngay vào chỗ đó, và một người mang tên Bích, bức màn kéo ngăn đôi một căn phòng... Chàng quì lên, vẫn giữ máy áp bên tai, áp người vào thành hố, thò đầu ra ngoài. Gió đồng nội thổi mát lạnh da mặt làm trắng như thăm thấu qua làn da. Có tiếng đàn bà khóc văng vẳng,

ở trong máy hay từ khu xóm kia... Linh đã đi rồi, nhón tay trở đã cụp xuống đầu mắt, tiếng Vũ vắng vắng về một nỗi ảm áp đang lan tràn toàn thân... Vinh đột nhiên quay lại hỏi :

— Vũ còn nói ?

— Còn... Yếu lắm. Hắn đang thấy ảm áp lan tràn.

— Chắc máu đang trào ra lẫn chót.

Giọng Vinh bình thản như nói tới một làn bọt rượu bia thừa thãi đang trào ra khỏi ly sau một lần giót mạnh. Chàng ngạc nhiên toan quay sang nhìn mặt bạn nhưng Vũ đã cắt tiếng, hờn hờn về một trái lựu đạn, lựu đạn gì, lựu đạn khói. Chàng gọi nhỏ :

— Vinh ! Vũ hẳn đang nói tới một trái lựu đạn khói... Giọng hắn yếu.

Vinh đã đột ngột giật chiếc máy, đưa lên miệng, nói vội vã gấp rút, như cầu xin :

— Vũ mày nghe tao đây, mày cố nghe tao đây. Mày rút chốt nó đi, rút chốt nó đi... Nghe tao, cố rút chốt an toàn cho tao nhờ...

Chàng nhớ lại hình ảnh trái lựu đạn khói màu xám nhạt mọc ở sau máy C.I.O của hiệu thỉnh viên trung đội Vũ và chợt hiểu nỗi thiết tha như cầu xin của Vinh về một chốt an toàn... Chỉ còn hi vọng Vũ hiểu được lời nói, khói sẽ bốc lên cao đánh dấu nơi mà chàng đã lang thang từ bao lâu, loạng choạng trên những hố mô của đồng ruộng để đi tìm. Nhưng Vinh đã buông máy xuống, ngồi im. Không còn hi vọng, hẳn chết rồi. Thế là hẳn chết rồi, chàng thì thảo nhận xét đó như để tìm tòi một nỗi ngạc nhiên hay một xúc cảm nhưng tâm hồn im lìm. Chàng cố nghĩ cố nhớ đến Linh nhưng tâm hồn vẫn trơ trụi. Linh cũng đã từ bỏ, đã trở về với các khoảng đen xám của những bức hình trong ví. Chỉ còn nỗi im lìm và trơ trụi vẫn vơ trong làn khói tiếp tục cuộn từng vòng trắng nhạt mờ ảo trên hai người lính khói đen chờ đợi lệnh trong hố.

Chàng uể oải cầm máy lên, lơ đãng áp tai vào máy không chủ đích... Nhưng vẫn còn Vũ, tiếng Vũ nói về cỏ thơm bốc lên, còn tiếng Vũ tha thiết gọi cỏ, *cỏ đâu rồi, mùi cỏ quá thơm, cỏ đâu...* Đột nhiên Vinh chồm dậy nhẩy ra khỏi hố. Từ phía xóm làng một làn khói bốc lên, mở rộng êm ả và trắng mịn. Chàng vội vã xốc lại súng trên vai, cầm máy chạy theo Vinh, tiếng giầy va lớn trên đất, ồn ào. Làn khói theo gió tạt ngang vào mắt cay xè, chàng chạy vòng căn nhà sang phía bên kia trong khi hình dáng đen thẫm của Vinh tan biến vào trong vùng khói tỏa. Trái lựu đạn xòe lửa phụt khói một đầu vụt tung lên cao, chàng bắt đầu thấp thoáng nhìn thấy bóng Vinh dưới khoảng trũng. Gió từ ngoài cánh đồng qua hàng chuỗi xơ xác lá làm tan khói khói thành lớp sương mù nhẹ nhẹ quanh quẩn các gốc cây. Chàng lại gần mép hố, Vinh đứng bất động mũi súng chúc xuống và Vũ nằm dài theo thành chỗ trũng, chiếc máy vô tuyến trên lưng như đè bẹp mặt úp xuống tờ tuần báo bla lơ mờ hình một người đàn bà mặc áo tắm. Một cánh tay giơ lên như muốn cào sâu vào lớp cỏ dày đặc trên bờ khoảng trũng.

Chàng nhẩy xuống, cúi gọi :

— Anh Vũ !

Giọng Vinh cộc cằn dữ tợn chặn ngang :

— Mẹ kiếp ! Nó chết từ khuya rồi, còn gọi cái con c ... gì nữa. Sao ngu thế, sao ngu thế...

Chàng tiếp tục gọi tên Vũ một lần nữa như không nghe thấy tiếng nguyên rủa ghen ngào của Vinh, chàng không còn nghe hiểu bất cứ cái gì ngoài nỗi chết nằm đó im lìm, trơ trọi vằn vơ trong làn khói còn đọng mờ trắng trong lòng khoảng trống.

Chàng tiếp tục nhìn ly cà phê sữa trên mặt bàn, nắng buổi sớm bắt đầu ủa vào cửa quán làm chất sữa trong ly mờ màng hẩn lên. Chàng tỉ mỉ cầm lên tay cúi nhìn làn khói xanh xám bốc từ đầu điều thuốc, thấy yêu chất sữa dưới nắng, yêu chậm chạp và tha thiết trong một luyến tiếc cũ kỹ khoảng khắc tương tự của ngày hôm qua nhưng không còn Linh, bàn tay nào của Linh, trên thành ghế kê bên, không còn dấu vết nào của nàng, không còn hình ảnh đôi giày cao gót trắng có một chiếc nơ nhỏ cứng hay một phần bàn chân lộ khỏi giày với lớp lông tơ óng ả dưới nắng.

Tiếng Hy cất lên xen lẫn tiếng ồn ào của khu chợ đang họp ngay trước đồn bên này quốc lộ :

— Anh đang cầm cái gì thế, anh Định ?

Chàng ngừng lên nhìn khuôn mặt mệt mỏi thiếu ngủ của người chỉ huy mới, mỉm cười giơ bàn tay lên với một chiếc vòng sắt lồng lỏng lẻo quanh một ngón tay :

— Chốt an toàn lựu đạn khói của Vũ đêm qua...

Hy duỗi thẳng hai chân tránh không đụng vào khẩu súng dựng mép bàn, nhìn ra ngoài quốc lộ có những người lính ngồi rải rác bên lề cạnh những chiếc mũ sắt để ngửa.

Hy nói :

— Anh cũng xui... Mới đến đã lãnh một đêm vất vả.

Có tiếng gọi từ phía đồn, Hy vẫy tay ra dấu đã nghe thấy, quay đầu lại hỏi :

— Đại bàng gọi vào họp... Anh đã có địa bàn và bản đồ chưa ?

— Tôi đã lấy của Vũ...

Chàng toan nói thêm đã thừa hưởng cả chiếc võng ni-lông của Vũ, lưới lê của Vũ, tờ báo của Vũ... khi trở về đồn lúc trăng gần xuống thấp ngang lô cốt đại liên. Nhưng chàng lặng im, cũng như đã lặng im cùng Vinh và hai người lính khênh xác Vũ về đồn, cũng như đã lặng im khi ngồi vằn vơ nhìn những người khác thay quần áo cho cái xác cứng ngắc và ngọn đèn dầu lù mù được thắp lên leo lét cạnh chân người lính canh xác.

Tiểu đoàn trưởng buông bút chì nằm ngang trên bản đồ, ngừng dần lên hỏi Hy:

— Như vậy anh bị mất bốn con không kể Vũ ?

— Vâng, nhưng phải loại thêm hai đứa bị thương.

— Tôi tăng cường cho anh năm đứa của đại đội chỉ huy... Cứ tạm như thế. Anh đề cho anh Định coi trung một và làm đại đội phó luôn ?

— Vâng.

— Cứ tạm như thế là được rồi. Thôi, hai anh cho mở đường đi cho sớm sửa.

Hy đứng dậy gấp bản đồ bỏ vào ngực áo. Chàng đứng dậy theo, đeo súng lên vai. Nắng chiếu vào sâu trong thềm đất, soi rõ những vết mọt nơi chân cột gỗ. Tiểu đoàn trưởng cất tiếng gọi khi chàng đã ra sân đồn :

— Anh Định ! Anh đi bên phải đường phải không ? ... Có tin nhận được sáng nay là tên Hải đã tử trận đêm qua nhưng Vinh đã kiểm các xác địch mà không thấy. Anh đi tới chỗ đắp mô, cho trung đội vào xã coi xem trong những người chết trong đó có tên Hải không ? Đại diện xã có ở đó rồi, anh kiểm hẩn mà hỏi và nhờ nhận diện luôn...

Chàng tiếp tục đưa mắt nhìn bao quát phía trước và bên phải, lục lọi soi xét từng căn nhà, bụi cây. *Bây giờ nhìn cảnh vật, tôi không còn thấy đẹp hay xấu... Một hàng dừa chỉ có nghĩa là chỗ đó có nước, một bờ tre là nơi phục kích tốt cho địch; con đường quang đãng chỉ có nghĩa là dám bị bắn sể... Vũ có lý, đã có lý trừ một điểm, chàng vẫn còn thấy cảnh là đẹp dưới nắng vàng lóng lánh trên những vết sương đầu ngọn cỏ, phản chiếu lung linh trên những lạch nước nhỏ phẳng lặng an bình.* Những người lính dàn hàng ngang không đều, ẩn hiện với các bờ rào, dãy nhà mái tranh âm xám vẫn không làm chàng chìm đắm vào chiến cuộc. Chàng ý thức như thế đồng thời với ý thức chỉ cần một tiếng súng, một tiếng đạn réo, chàng sẽ nhào sát đất để Vũ có lý hoàn toàn. Một toán quân của Hy đã leo lên mặt lộ cùng một số người dân im lặng vác cuốc. Chàng dừng lại nhìn những nhát cuốc đầu tiên cắm ngập vào mô đất nằm ngang.

Đám đông tản ra các gốc cây khu vườn khi chàng tiến lại gần người đàn ông đeo súng đội mũ nhựa đang đứng cúi đầu nhìn đồng chiều be bét máu khô cứng. Những khoảng đất bị cây tung loang lờ trắng lẫn với cành lá gãy rơi tả, rải rác đầy vườn, bắn lên tận thềm căn nhà nóc bị bay mất một phần mái rạ. Chàng giơ tay ra hiệu, toán quân dừng lại tản mát vào các nhà chung quanh. Không một ai nói gì, tất cả hướng mắt về phía chàng, theo dõi từng bước đi dẫn tới người đàn ông và đồng chiều. Chàng hỏi :

— Anh là Tía, đại diện xã phải không ?

— Dạ.

— Cái gì đây ?

— Bị chết đêm qua, chuẩn úy.

Chàng cúi xuống cầm mép chiều mở ra, quan sát thoáng qua và vội buông ngay xuống khi nhận ra đó là thân xác trần truồng của một người đàn ông và một người đàn

bà — một đàn bà chắc thân hình đẹp khi còn sống và nguyên vẹn. Chàng đeo súng lên vai, lấy thuốc ra châm hút và nói :

— Vợ chồng này được chết như thế này cũng còn là hên lắm.

— Không phải vợ chồng, chuẩn úy. Chồng chị này là thằng Ba bị chết ở chỗ đắp mộ lúc có đụng độ đêm qua...

Một tình sử đặc biệt rồi hay một vụ ngoại tình tầm thường mà một trái trọng pháo vô danh đã phanh phui, một cách vô ích. Chàng nghĩ thêm — một cách hoàn toàn vô ích, không còn ai thuộc về ai để khóc lóc hay nghiêng rặng cảm tức. Chàng tự đứng muốn lật chiếu lên coi lại người đàn bà một lần nữa, nhưng đổi ý trước thái độ như kỳ dị của đại-diện xã. Chàng hỏi :

— Anh chắc bà con với chị này ?

Tía im lặng một khoảng khắc như không nghe thấy, không ngừng đầu lên trả lời:

— Tôi sẽ lo chôn cất cho họ, chuẩn úy.

— Anh có biết người đàn ông này không ?

— Không, chuẩn úy.

Không còn việc gì; không còn việc gì ở đây nữa, chàng giơ tay ra hiệu cho trung đội tiếp tục di chuyển. Chợt nhớ tới lệnh chốt của tiểu đoàn trưởng, chàng hỏi :

— Nghe nói tên Hải bị chết trong xã đêm qua, anh có tìm thấy xác hắn không?

— Không thấy, chuẩn úy, Chắc chúng đem theo luôn rồi.

Giọng người đại-diện xã bỗng ngập ngừng như có một nghẹn ngào phảng phất.

Khi tháo súng trên vai xuống cầm tay, chàng hình như thấy có một điều bí ẩn, một nỗi đốn đau thăm kín hiện diện đâu đây. Hình như mắt đại diện xã có nước mắt ứa kẽ mắt, có phải là thế không hay chỉ là một ảo giác do ánh nắng buổi sớm và vũng nước phản chiếu từ gốc cây kế cận tạo ra. Hắn bà con thế nào với người đàn bà đã chết mà phải..., chàng toan hỏi nhưng Tía đã mấp máy môi — một bí ẩn sắp xuất hiện hay lại thêm một ảo giác của một đêm không ngủ vừa qua. Chàng chờ đợi, nhưng Tía đã từ bỏ câu nói đã dâng lên bờ môi, đầu đã cúi xuống nhìn báng súng xoáy tròn vào đám cỏ xơ xác dính bột máu khô đen. Không còn gì cả, không còn có gì xuất hiện thêm nữa để nói đề bàn, chàng búng mẩu thuốc vào vũng nước nơi gốc cây, nghe một tiếng xèo tắt ngấm khi đã quay người bước theo toán quân đã đi khuất tới người chốt sau bờ rào phía trước.

Tiếng chim sẻ riu rít trên mấy ngọn dừa làm chàng lơ đãng ngừng đầu lên tìm kiếm. Tiếng hót ồn ào hơn nhưng chàng không thấy hình dáng một con chim nhỏ sau lớp lá dày đặc. Chàng ngồi xuống thềm hiên đất mát lạnh, nhìn đứa bé cời trường cầm bát cơm đứng ngơ ngác ngó những người lính đang phân tán quanh nhà. Giòng nước mát trong bí-đông làm chàng thoải mái, tiếng chim sẻ như

lớn hơn, ồn ào hơn. Chàng quay lại nói với hiệu trưởng viên ngồi dựa vào vách gỗ căn nhà phía sau :

— Anh báo cáo tiểu đoàn đã mở đường xong.. Đang đóng ở vị trí đã định. Báo cáo Đại bàng là đã gặp đại diện xã, không có xác tên Hải trong xã. Có vậy thôi..

Chàng dựa đầu vào cột, thấy buồn ngủ trong không khí trong mát và tiếng rì rào của âm thanh điện tử từ chiếc máy vô tuyến phía sau. Chàng thiếp đi một khoảng khắc với khẩu súng kẹp giữa hai đùi — tiếng động cơ lớn dần phía sau, chàng nghe rõ trước khi hiểu ra đó có thể là đoàn xe của đồn. Chàng cầm súng đeo lên vai, châm một điếu thuốc, bước ra sân dẫn lên quốc lộ. Đoàn xe đã xuất hiện, chiếc GMC chở một tiểu đội lính hộ tống súng chia sang hai bên ẩm ướt qua — những người lính trên xe nhìn chàng như không trông thấy. Hai chiếc jeep tản thương kín mít lướt qua, nhỏ dần trong đám bụi mờ mờ. Ván chiếc cầu gỗ vang lách cách ẩm ướt từng đợt và khi tiếng động cơ đã thu lại như một tiếng phi cơ ở chân trời, chàng chợt nghĩ không hiểu xác Vũ đặt trong xe nào. Trong xe nào ? Chàng muốn biết trong xe nào, chàng kiễng chân cố gắng nhìn thật xa. Đoàn xe đã khuất sau một khúc quanh. Một xúc cảm không căn cứ dâng lên làm chàng khó thở, không còn thể biết xác nằm đâu — cũng như bức thư nhỏ gửi Vũ mang về cho Linh đã mất hút vĩnh viễn như câu nói của hắn chìm vào tiếng động cơ một chiếc xe vô định chạy ngang. Chàng đứng ngẩn ngơ giữa lộ nhìn về phía cây cầu gỗ bắc ngang con lạch đầy nắng êm đềm như không chảy uốn quanh sau dãy dừa nước mọc từ bùn nâu. Hai tiếng súng từ một nơi nào bên kia vang dội, chàng quay lại nhìn quanh dò xét. Trung đội phó từ một hàng hiên bước ra, nói lớn :

— Toán mở đường của đồn trên báo cho biết đoàn xe đã qua khu vực họ vô sự...

Chàng rời mặt lộ, trở lại sân đất, nói :

— Trả lời họ đi.

Một người lính rời gốc dừa sần sùi, giơ súng lên bắn. Hai tiếng nổ vang dội, tan biến đi ngay. Chàng ngồi xuống thềm hiên chỗ cũ, hơi đất mát lạnh, cảm thấy mình cần hút ngay một điếu thuốc. Khi tựa đầu vào cột thở làn khói bay lên cuồn cuộn trong nắng, chàng chợt nhận ra đàn chim sẻ đã thôi hót trên những ngọn cây dừa lá đan kết dày đặc.

tháng 1 năm 1967

THẾ UYÊN

NGUYỄN VĂN TRUNG

sau mười năm cầm bút

I / TRƯỜNG HỢP NHỮNG TẬP NHẬN ĐỊNH

Hỏi : những bài đầu trên báo của anh có phải là những bài đăng trên Bách-Khoa trong mấy số đầu, rồi sau đó anh in thành sách ở cuốn Nhận định 1 ?

Trả lời : Đúng, nhưng có lẽ ít người biết tới vì khi đó tôi ký bút hiệu khác. Bài « Người » trong tác phẩm Saint-Exupéry trong Bách Khoa số 1 tôi lấy bút hiệu Phan Mai. Bài Luận về cái nhìn trong Bách-Khoa số 2 tôi lấy bút hiệu. Hoàng-Thái-Linh

— Còn tác phẩm đầu tay in thành sách của anh ?

— Đó không phải là Nhận định 1 như nhiều người tưởng. Tác phẩm đầu tiên tôi in thành sách là cuốn Triết-học tổng quát — vấn đề triết học, nhà Vinh Bảo xuất bản năm 1957. Cuốn đó tôi viết trong những lúc rảnh rỗi hồi còn dạy mẫu giáo và tiểu học vào những năm 1955, 1956 khi mới ở Âu châu về

— Tôi thấy những bài tựa, lời nói đầu các tập nhận định nhắc đi nhắc lại ý hướng viết, tinh thần nhận định của tác giả. Như vậy, phải chăng anh đã có một bài tựa chung cho toàn thể các tập Nhận định ?

Những tác phẩm của Ô. Nguyễn văn Trung từ năm 1957 đến 1967

1957: — Triết học tổng-quát

1958: — nhận định 1

— Biện-chương giải-thoát trong Phật-giáo

1959 — Đạo-đức học

— [Luận-lý học]

1960: — Nhận-dịnh II

— [La conception bouddhique] du devenir.

1961 — Đối cửa ngõ vào Đạo trong « người công-giáo trước thời-đại »

1962 — Ý thức tôn giáo và ý-thức chính

trị trong « người công giáo trước vấn đề Đức Tin »

— Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết

1963 — Nhận định III

— Lược khảo văn học I

— Chủ-nghĩa thực-dân Pháp ở V.N

Thực chất và huyền thoại

1965 — Lược khảo văn học II

1966 — Nhận định IV

— Ca tụng thân xác

— Bài tựa chung đó lẽ tất nhiên tôi phải có sẵn. Nhưng hiện nay nó mới chỉ có sẵn như một thứ bản nháp trong óc. Tôi vẫn nghĩ rằng *Nhận định* không phải là tập hợp những bài lộn xộn. Đối với tôi, nó là một thứ nhật ký. Một thứ « *journal philosophique* » dài. Tôi ghi lại trong đó những suy nghĩ của tôi về những vấn đề đặt ra xung quanh tôi thuộc mọi phạm vi. Lẽ tất nhiên, đó là những ghi chú cảm nghĩ vào một thời gian nhất định, trong một hoàn cảnh nhất định. Tôi vẫn nghĩ đời sống suy nghĩ là một hành trình, cho nên mỗi bài viết phản ánh một giai đoạn đời. Vì vậy, tôi vẫn nói rằng viết đến đâu khi xem lại thấy nó cũ và thiếu sót đến đấy. Nhưng không phải vì thế tôi phủ nhận hay sửa đổi lại những bài viết cũ. Tôi đã cho in lại *nhận định I* với nguyên vẹn nội dung của lần in lần thứ nhất, ngoại trừ một bài về tôn giáo phải thay thế vì những lý do ngoài ý muốn. Một điểm khác chứng minh cho điều tôi vừa nói là trong *nhận định I* tôi đã có một bài về cái nhìn thì trong *nhận định III* tôi lại có một bài khác cũng nói về cái nhìn : bài *Cái nhìn hay đám cưới với cuộc đời*. Tôi dự định sẽ viết một bài khác cũng nói về cái nhìn để in vào một tập *Nhận định* mới. Cho nên tôi không bao giờ coi những *nhận định* của từng giai đoạn có giá trị hoàn tất. Vẫn luôn luôn có thể thay đổi, có thể bổ túc thêm. Tôi vẫn luôn luôn thấy mình không bao giờ bằng lòng với những cái gì đã qua.

— Nhưng như vậy, lối nhìn của anh có thay đổi không ?

Nếu hiểu lối nhìn là phương pháp và tinh thần *nhận định*, thì tôi nói ngay : tôi vẫn thống nhất trong phương pháp và tinh thần đặt vấn đề và trình bày vấn đề. Khi trả lời cuộc phỏng vấn về *Chủ nghĩa hiện sinh trong văn chương Việt-Nam* cho tạp chí Văn Học, tôi đã xác định rõ ràng : tôi vẫn cố gắng áp dụng phương pháp hiện tượng luận và tôn trọng tinh thần đối thoại. Nhưng cho tới nay, tôi vẫn không bám chặt vào phương pháp đó. Hiện nay, tôi lại thấy cần bổ khuyết bằng những phương pháp khác, chẳng hạn lối phân tích cơ cấu với Claude Lévi-Straus.

— Tôi vẫn có một thắc mắc : điếm qua bốn tập *nhận định* anh đã viết hay, nói chung, các sách báo anh viết, người ta vẫn thấy anh đề cập tới rất nhiều vấn đề. Có thể nói hầu hết mọi vấn đề. Vậy có ý hướng căn bản nào cho anh trong lối *nhận định* tạp đa như thế ?

— Quả thật tôi đề cập đến rất nhiều vấn đề. Nhưng rốt cùng mọi vấn đề đều đưa tôi về những suy nghĩ triết học. Nói cách khác, ở khởi điểm tôi chỉ là người suy nghĩ về triết học. Nhưng vì tôi quan niệm triết học phải gắn liền với thực tại ; thành thử mọi suy nghĩ về triết học đều bắt nguồn từ thực tại và thời sự. Qua những vấn đề của cuộc đời, tôi đặt vấn đề triết học. Cho nên, tuy viết về nhiều vấn đề, nhưng xét kỹ, người đọc sẽ thấy tôi chỉ đề cập tới vài chủ-đề chính. Chẳng hạn tôi viết rất nhiều về tuyên truyền, chủ nghĩa, chính trị, chiến tranh, nhưng tất cả chỉ nhằm giúp tôi suy nghĩ và đặt vấn đề về chủ đề căn bản là bạo động. Xét theo một khía cạnh nào đó thì cuốn *Chủ nghĩa thực dân pháp* của tôi là một cuốn sử. Nhưng xét theo ý hướng viết căn bản, cuốn đó chủ yếu nhằm trình bày những suy tưởng triết học về vấn đề bạo động, huyền thoại, vong thân. Tôi chỉ dựa vào một thực tại là chế độ thực dân Pháp tại Việt-Nam để suy nghĩ.

mà thôi. Cũng thế, những cuốn *Lược khảo văn học* trước hết nhằm đề cập đến một vấn đề khác hẳn ảnh tôi, là vấn đề ngôn ngữ, theo câu hỏi chủ yếu sau đây : ngôn ngữ văn chương nghệ thuật có thể là phương tiện thông cảm giữa người với người không ? Chủ đề cảm thông hay ngộ nhận đó tôi sẽ đào sâu hơn trong cuốn *Lược khảo văn học* III nói về vấn đề phê bình văn học. Tóm lại, có thể nói : tôi vốn là người coi những vấn đề lịch sử chính trị, văn học, nghệ thuật .. trong đời sống như những dữ kiện để suy nghĩ về những vấn đề triết học. Những vấn đề triết học này được suy nghĩ theo những chủ đề chính : bạo động — vong thân ; thông cảm — ngộ nhận ; huyền thoại — thực chất....

II. TRƯỚC NHỮNG NGỘ NHẬN

— Trước những người phê bình anh, chẳng hạn cuộc tranh luận giữa Sáng Tạo, Thế kỷ hai-mươi và Văn đàn về vấn đề luân lý trong văn chương cũng như cuốn *Nhận định về quyền Nhận Định* của ông Trần văn Giàu nhà xuất bản Sự thật — Hà nội, anh vẫn nói anh bị hiểu lầm. Có thật chuyện hiểu lầm thường xuyên như vậy hay không ?

— Đúng ! tôi mãi mãi vẫn bị hiểu lầm. Nhưng có điều đáng kể là nếu người ta đem đối chiếu những phê bình về tôi, người ta sẽ thấy sự hiểu lầm thật tức cười vì không còn biết tôi là ai nữa. Chẳng hạn ! Có người Phật giáo đã nói tôi công giáo quá khích. Những người công giáo lại bảo tôi và cả nhóm Sống đạo : Công giáo cấp tiến, công giáo mà vô thần, khuynh tả thiên cộng hay hiện sinh theo Sartre. Những người Mác-xít lại nói ngược hẳn lại : tôi, công giáo, duy linh.

— Như vậy, thì thật sự anh duy linh hay vô thần, cấp tiến hay quá khích ?

— Thật sự thì chỉ có thể nói tôi là người suy nghĩ và tìm kiếm không ngừng. Mà hình như mọi người suy nghĩ và tìm kiếm thật sự đều cô đơn. Hơn nữa, một người làm công việc nhận thức và phê phán không thể nào làm được cho ra hồn công việc nếu người đó đứng trong một đoàn thể, bất cứ đó là đoàn thể nào. Cho nên, tôi là kẻ không xếp hàng. Tôi cũng không xếp hàng cả với những-người-không-xếp-hàng. Tôi vẫn nghĩ như Jean-Paul Sartre là người viết văn không thể đứng trong một công chúng (public) nào đó vì nếu hẳn ở trong, bó buộc hẳn phải viết phù hợp với chọn lựa của đoàn thể đó và dĩ nhiên được công chúng của đoàn thể tôn giáo do đoàn thể của những người cùng một ý-thức-hệ ca tụng, miễn phục. Sartre quan niệm ông chỉ, có những độc giả (lecteur). Độc giả thì không ở trong một đoàn thể nào nhất định. Độc giả gồm những cá nhân ở trong mọi đoàn thể.

Tôi là người chủ trương đối thoại. Đối thoại, thông cảm tha nhân v.v... là những từ ngữ tôi tung ra. Nhưng từ khi cầm bút cho đến nay, tuy được nhiều người phê bình, tôi vẫn chưa đối thoại với ai. Trước những phê bình, tôi vẫn im lặng. Phải nói tôi chọn im lặng. Đó không phải vì tôi muốn tạo cho mình lối tự cao tự đại. Là người suy nghĩ, tìm kiếm, và cầm bút, tôi mong được trao đổi đối thoại và không sợ phê bình. Nhưng tôi phải chọn im lặng khi người phê bình thực sự không muốn hiểu điều mình nói. Và khi người khác đã không muốn hiểu điều mình nói thì còn thảo luận làm

gi. Thảo luận, đối thoại trở thành vô ích trong hoàn cảnh đó.

Tuy nhiên tôi vẫn viết. Tôi còn có thể viết vì tôi tin rằng có những người trẻ đón nhận (anh chú ý : tôi nói đón nhận chứ không chấp nhận) với một thái độ vô tư như tôi có một cái gì muốn nói với họ, mà không bắt họ phải chấp nhận. Tôi phải thú nhận có lẽ đó là lý do độc nhất khiến tôi vẫn còn có thể cầm bút.

— Thành thử, rốt cùng anh không có một thái độ nào với những người hiểu lầm ?

— Tôi chỉ có thể nói: với những người hiểu lầm, tôi chẳng bao giờ thấy cần phải thanh minh hay tự biện hộ. Trước hết, tôi thấy người viết, dầu muốn viết thế nào đi nữa, thì người ta vẫn cứ hiểu lầm, không thể tránh được ngay cả trong trường hợp vô tư, thiện cảm với tác-giả. Hơn nữa, tôi quan niệm người cầm bút chỉ việc viết và không nên nói về mình dù là để tự biện hộ, vì đã dám viết, thì cũng phải can đảm nhìn nhận quyền phê phán xuyên tạc, và sự kiện hiểu lầm khó tránh khỏi.

Đàng khác tôi vốn coi việc viết của mình phải nhằm thúc đẩy người khác phản ứng. Tôi không chịu được chuyện không có phản ứng. Cũng như tôi không chịu được chuyện sinh viên chẳng bao giờ đặt câu hỏi thắc mắc với giáo sư. Với độc giả, tôi nghĩ thái độ tôn trọng nhất đối với họ là đòi hỏi họ phải phản ứng lại. Hoặc đồng ý, hoặc phải đối. Thế nào cũng được, miễn là có phản ứng. Tôi coi việc có phản ứng, ngay cả sự phản đối, là một thành công cho người viết. Mục đích là không để cho người khác «an nghỉ» trong những niềm tin, thiên kiến của họ ; và viết nhằm thúc đẩy họ thắc mắc suy nghĩ từ những nhận xét, suy nghĩ của tác giả, cho họ. Do đó đồng ý hay không đồng ý với tác giả không quan trọng bằng việc đưa được độc giả vào một hành-trình tư tưởng : mỗi người phải tự suy nghĩ, tìm cho cuộc đời mình một ý nghĩa và đảm nhận lấy số phận của mình, vì không ai có thể đảm nhận thay được. Dĩ nhiên gặp gỡ, đồng ý nhau thì càng hay. Nhưng thiết tưởng đó không phải là mục đích chính, hay độc nhất của việc viết. Tôi nghĩ rằng chỉ một quan niệm viết như trên mới thực sự tôn trọng Tự do của người đọc. Tuy nhiên phải nhận rằng rất khó. Vì người viết thường không tránh khỏi ý muốn tuyên truyền, tôi hiểu theo một nghĩa thực rộng (rao giảng thuyết phục v.v...) nghĩa là bạo động với ý thức của người khác,

Nghĩ như vậy nên tôi ít đề ý đến người hiểu lầm vì tôi muốn được quan tâm tới chính sự hiểu lầm. Việc hiểu lầm là việc hết sức thông thường. Tôi chỉ ngạc nhiên nếu tôi không bị hiểu lầm.

— Anh đã dẫn trở lại một chủ đề căn bản của anh. Anh có thể cho biết rõ hơn những suy nghĩ của anh về chủ đề ngộ nhận, nhân chuyện phê bình văn học này ?

— Tôi nói : Tôi không muốn đề ý đến người hiểu lầm vì tôi muốn được quan tâm đến chính sự hiểu lầm là do chuyện này. Tôi vẫn bị ám ảnh vì một nỗi băn khoăn : việc hiểu lầm giữa người viết và người đọc và một cách tổng quát, giữa người

với người qua ngôn ngữ. Tôi coi đó là một vấn đề triết học cần phải suy nghĩ cặn kẽ.

Vấn đề suy nghĩ chính yếu cho tôi trong những năm gần đây khi viết *Lược khảo văn học* là vấn đề đó. Tôi suy nghĩ bằng cách tra hỏi chính việc viết. Tôi tìm kiếm ý nghĩa của tác phẩm viết như một vũ trụ chữ nghĩa. Tác phẩm văn chương vốn cấu tạo bởi ngôn ngữ, chữ viết. Nó là công trình được xây dựng bằng những dấu hiệu là chữ viết. Nó là một ngữ hiệu, một vũ trụ dấu hiệu (*univers de signes*). Dấu hiệu ở đây được hiểu như có khả năng chỉ thị nhiều ý nghĩa, cả những ý nghĩa mới nếu phù hợp.

Nếu xét tác phẩm như một ngữ hiệu do một tác giả xây dựng thì ta thấy tác phẩm có thể tách rời tác giả để sống một cuộc đời độc lập, có thể không còn liên hệ gì với tác giả nữa. Trong viễn tượng đó tác phẩm đến tay người đọc như đề chờ đợi người đọc gợi lên một ý nghĩa nào đó. Người đọc có thể gán cho tác phẩm những ý nghĩa mới, không phải ý nghĩa của tác giả, miễn ý nghĩa ấy phù hợp hay có vẻ phù hợp (theo người đọc) với ký hiệu của tác phẩm. Chính đây là một điều kỳ lạ của văn chương, một phép màu của nghệ thuật. Và điều làm cho tôi ngạc nhiên là điều : Không phải người đọc có thể hiểu tác phẩm theo một nghĩa mới, khác với nghĩa tác giả muốn gán cho nó, mà chính là nghĩa mới đó vẫn có thể phù hợp với tác phẩm với ngữ hiệu sẵn có đó, tưởng chừng như đó mới thực là ý nghĩa thật của tác phẩm, hay ý nghĩa đầu tiên của tác giả. Và điều kỳ lạ đáng ngạc nhiên ấy cứ tiếp tục xảy ra với cùng một tác phẩm, một ngữ hiệu, chừng như vô hạn. Dựa vào đó, tôi nói tác phẩm mãi mãi vẫn chưa bao giờ hoàn thành hay nó chỉ hoàn tất đối với tác giả mà thôi, và vẫn còn là ngữ hiệu cho vô số ý nghĩa mới khác trong tương lai.

Chính vì thế, vấn đề hiểu tác giả qua tác phẩm vô cùng khó khăn. Người đọc thường chỉ hiểu ý nghĩa nào đó theo riêng họ. Căn cứ vào đó, tôi bảo : Sự hiểu lầm là việc tất nhiên. Từ đó, tôi đặt ra câu hỏi : Hiểu đúng tác phẩm theo tác giả có cần thiết hay không ? Đó là vấn đề đặt ra cho việc đọc mọi tác phẩm và việc phê bình văn học. Lý luận về phê bình văn học một cách triệt để là tìm hiểu theo chiều hướng đó, Chỉ tìm hiểu theo chiều hướng đó, người ta mới giải nghĩa được sự kiện : tác giả thường cảm thấy mình bị hiểu lầm — bài phê bình như đang nói về ai, chứ không phải về chính mình. Huống chi trong phê bình văn học lại vốn có sẵn nhiều khuynh hướng, nhiều quan niệm. Ta không thể đứng ở khuynh hướng này để kích khuynh hướng kia. Ta cũng không thể căn cứ theo quan niệm này phủ nhận quan niệm khác.

— Những vấn đề đó anh đã và sẽ trình bày trong những tác phẩm nào ?

Những vấn đề đó tôi đã đặt ra ngay từ năm 1957, khi viết *Đặt lại vấn đề truyện Kiều hay phê bình văn học* (Nhận định II). Những ý kiến đó sau này tôi khai triển và đào sâu thêm trong các cuốn *Xây dựng tác phẩm tiểu-thuyết*, *Lược khảo văn học* I, II. Tôi sẽ nghiên cứu kỹ hơn trong *Lược khảo văn học* III là cuốn tôi dành riêng cho phần tìm hiểu về ngôn ngữ văn chương và phê bình văn học.

III. VĂN CHƯƠNG VÀ TRIẾT HỌC.

— Như vậy anh theo quan niệm : có thể đem những kiến thức mới mẻ và hiện đại về văn học, triết học của Tây phương để tìm hiểu văn chương Việt-Nam ?

— Trong phần Lời nói đầu cuốn *Lược khảo văn học* I tôi đã trình bày đầy đủ ý kiến của tôi về quan niệm này. Tôi chỉ muốn nhắc lại là cho tới nay, hầu hết các học giả và giáo sư giảng dạy và nghiên cứu về văn học, ngữ học và sử học Việt-Nam đều không được huấn luyện một cách đầy đủ về những bộ môn đó tại một trường Đại-Học. Cho nên cách thể dùng kiến thức mới mẻ và hiện đại về văn học và triết học của Tây phương để tìm hiểu văn chương Việt-Nam vẫn là cách thể hay nhất để những người có được thói quen nghiên cứu theo phương pháp Tây phương có thể góp phần xây dựng nền học thuật nước nhà. Tôi hy vọng việc đem triết học gắn liền với văn chương sẽ giúp ta tìm ra được bản chất thực của văn chương Việt-Nam. Việc đi vào tìm hiểu văn chương Việt-Nam cũng giúp tôi có được thực tại sống động và mới lạ để suy nghĩ về triết lý. Làm như vậy không phải là lấy văn chương làm phương tiện cho triết học. Như đã nói khi nãy, tôi vốn chỉ là người suy nghĩ về triết lý nên ngay khi làm công việc gắn liền triết học với văn chương này tôi đã nêu ra thất mắc : Là người chuyên môn về triết học, tôi có quyền đi vào văn học nghệ thuật không ? Đó có phải là lãnh vực của mình không ? Câu hỏi đó tôi đã nêu ra ngay từ phần “đưa vào vấn đề” cuốn *xây dựng tác phẩm tiểu-thuyết*. Tôi đã trả lời và tôi không muốn nhắc lại câu trả lời dài dòng đó ở đây.

— Tuy thế, vẫn có nhiều người, nhất là những người làm văn học, hiểu lầm rằng anh «nhảy» vào lãnh việc chuyên môn của họ ?

— Lại hiểu lầm nữa. Biết làm sao được, mặc dầu tôi vẫn xác định quan điểm đi vào văn học của tôi là quan điểm của người lý luận văn học, nghĩa là suy nghĩ triết lý về văn học, chứ không phải của người làm văn học sử.

Triết học chẳng qua chỉ là cái nhìn sâu hơn, về những gì là nền tảng và hệ người ta nhìn đến tận nền tảng một vấn đề gì, người ta bắt gặp triết học.

Tôi nghĩ rằng đi vào văn học Việt-Nam với cái nhìn về những gì là nền tảng có thể giải quyết được một số khó khăn hay ít ra hiểu được những khó khăn đó liên quan đến nghiên cứu lịch sử văn học hay phê bình văn học.

Chẳng hạn trở lại vấn đề ngôn ngữ văn chương và phê bình văn học lúc nãy. Làm sao hiểu được sự ngộ nhận giữa tác giả và người phê bình ? Làm sao hiểu được sự kiện có nhiều quan niệm phê bình, nếu không đặt vấn đề từ căn bản : có thể có phê bình văn học, có thể phê bình người khác không. Có thể phê bình người khác đưa đến vấn đề bao quát hơn : Có thể hiểu được người khác không và vấn đề hiểu người khác hay thông cảm giữa người với người là một vấn đề triết học.

Đào sâu vấn đề trên, mới thấy được *giới hạn* của mọi quan niệm phê bình đồng thời biện minh cho những nỗ lực sáng tạo quan niệm phê bình mới.

Hay vấn đề nghiên cứu lịch sử về văn học: tìm hiểu tác phẩm tác giả và thời đại. Việc khảo đính, hiệu đính rất cần thiết, nhất là đối với những phương pháp phê bình tâm lý, xã hội, dựa vào đời sống tác giả, thời đại tác giả. Làm sao có thể phê bình nếu không còn nguyên bản, hoặc không biết rõ tác giả thời đại, nhưng về điểm này, văn học Việt-Nam đặc biệt thiếu những sử liệu chính xác và chính thức về nguyên bản, đời sống tác giả, thời điểm sáng tác một tác phẩm, hay thời đại, không kể phẩm văn chương truyền miệng vô danh một số lớn tác phẩm hẳn hoi cũng khuyết danh, và có thể không bao giờ xác định được tác giả, thời điểm sáng tác hay tìm được nguyên bản.

Sự kiện này chắc chắn làm khổ tâm những người nghiên cứu khảo đính, hiệu đính. Nhưng vô danh, khuyết danh có phải là một thiếu sót đáng tiếc không, hay chỉ là một thiếu sót trong một quan niệm về văn học một quan niệm theo tinh thần tây phương. Nói cách khác, hiện tượng vô danh khuyết danh phải chăng bao hàm một quan niệm về văn học, về nhà văn, về xã hội của người xưa. Có thể phê bình, làm văn học sử mà không cần xét đến tác giả, hay dựa vào nguyên bản không?

Tôi nêu lên trường hợp thứ hai để trả lời thắc mắc trên: tôi chẳng có một khả năng gì để làm việc khảo đính hay hiệu đính tác phẩm cổ, nhưng tôi vẫn có thể suy nghĩ về việc khảo đính, hiệu đính để xác định ý nghĩa, *giới hạn* của những việc làm trên, bằng cách tìm hiểu những quan niệm về văn học, về cuộc đời hàm chứa trong những phương pháp nghiên cứu, hay phê bình văn học.

Tôi sẽ nói đến những điểm này một cách đầy đủ hơn trong *Lược khảo văn-học tập III*.

— Ngoài vấn đề phê bình, anh có đề ý đến những vấn đề khác liên quan tới văn học Việt-Nam không?

— Thực ra, vấn đề tôi đề ý và nghiên cứu là vấn đề ngôn ngữ, và tôi đã tìm hiểu nó qua việc sáng tác và phê bình văn chương. Tôi cũng còn muốn dùng ngôn ngữ làm con đường đi vào tư tưởng Việt-Nam qua những thần thoại, chuyện cổ tích, tiểu lâm, câu đố, và tiếng nói hằng ngày. Năm ngoái trong một buổi diễn thuyết ở trường Đại-Học Văn-Khoa, :«*Ngôn ngữ và thân xác*», tôi đã phác họa một vài nguyên tắc và một quan niệm triết lý dân tộc qua ngôn ngữ hằng ngày, chứ không phải qua ngôn ngữ bác học.

Cuốn «*Ca tụng thân xác*» vừa xuất bản nhằm phác họa một vài nét lớn của quan niệm triết lý chung về thân xác. Tập «*Ngôn ngữ và thân xác*» tôi đang soạn sẽ tìm hiểu quan niệm của người Việt-Nam về thân xác, căn cứ vào sự phân tách những từ ngữ thông thường vẫn dùng trong đời sống hằng ngày.

Tôi thấy đi vào phương hướng này, tìm ra được nhiều mới lạ, thích thú. Mới lạ không phải là vì chưa hề biết, hay cao xa, nhưng là cái chúng ta đã biết, vẫn sống,

vẫn nghĩ, vẫn làm, nhưng đã quên mất ý nghĩa cao sâu của nó chính vì đã coi là thường quá, và triết lý là khám phá lại cái sâu xa ẩn nấp sau cái tầm thường, hay bị bỏ quên, tuy vẫn có đấy, vẫn là cái sống thực. Nhưng thú thực rất khó. Chẳng hạn, tôi phải cố gắng bỏ hết những danh từ triết lý chuyên môn và tìm cho ra những từ ngữ thông thường diễn tả được ý nghĩa, nội dung những danh từ chuyên môn, quan niệm triết học, đề mọi người, nhất là những người không chuyên môn về triết học đều có thể đọc và hiểu. Đó không phải là phổ thông hóa tư tưởng, nhưng chỉ là thay đổi cách diễn tả. Một tư tưởng không phải vì nhiều người hiểu được bằng một từ ngữ thông thường mà kém sâu xa. Trái lại.

Trong viễn tượng đó. Tôi thật không hài lòng khi nhìn lại những gì đã viết trong mười năm qua, vì chưa thoát khỏi được ảnh hưởng và lệ thuộc Âu châu, không những về tư tưởng mà cả về cách diễn tả.

Kỳ tới : Văn hóa và chính trị

TRẦN TRIỆU LUẬT phỏng vấn

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Mười năm cầm bút

Hồi ký của VŨ HẠNH

(Xin xem BK.TĐ từ số 241-242)

Trong những ngày dạy học trường Vương Gia Cầm, tôi thềm viết lách, nhưng không biết viết cho tờ báo nào. Như một số người chưa bước vào trong thế giới báo chí ở tại Sài Gòn, tôi có thành kiến sai lầm là các tờ báo chỉ chuyên đăng tải bài vở của «bồ bịch» họ, chứ ít quan tâm đến kẻ ngoại cuộc. Không thể viết kịch, tôi đành phải viết truyện ngắn. Viết cho người dân Sài Gòn đa số xưa nay chỉ ở phố phường, phải viết gì đây? Tôi nghĩ là nên viết truyện đường rừng, có lẽ gọi được ít nhiều chú ý. Đã sống nhiều năm ở rừng và gần các miền rừng núi, tôi đã thu thập được nhiều tài liệu có thể đem ra thêu dệt mà viết trong nhiều năm trời. Hơn nữa cái lối viết truyện đường rừng như ông Lan Khai, thật ra chỉ làm vui lòng một số người dân thành thị dễ tin, chứ không thỏa mãn những ai đã từng sống qua rừng núi. Nhân vật của Lan Khai là những kẻ ở phố phường mang cái bề ngoài hoang vu, hay là những người thiếu số bị thành thị hóa dưới ngòi bút nhà tiểu thuyết. Chúng ta có thể xem đó là cái bằng cứ rất tốt để những người viết lý luận văn học có thể chứng minh cho sự can thiệp của cái chủ quan tác giả đối với thực tại khách quan đến mức độ nào. Nhà văn không thể khách quan theo nghĩa lạnh lùng, vô tư, như ta vẫn hằng nghe nói. Cái nhìn của họ nhất

định phải nhào nặn lại thực tại, dù muốn dù không, theo cái nhãn quan của họ về đời. Vì thế, đối với những nhà cầm bút, chúng tôi nghĩ rằng vấn đề gắn liền chủ quan của họ với lại thực tại khách quan, trên chiều hướng nào, trong điều kiện nào, thật là vấn đề sinh tử.

Nhưng khi sáng tác truyện ngắn đầu tiên, tôi không tự tin ở mình và không tin ở độc giả. Về tôi, tôi thấy mình chẳng có gì là cái tài nghệ của kẻ viết truyện. Và đến bây giờ, tôi càng thấy rõ điều đó hơn nữa. Về phần độc giả, tôi nghĩ sách báo hiện nay chỉ đến được những người dân trung lưu sống tại thị thành và họ có lẽ là một lớp người hời hợt. Tôi không dám đem cái vốn hiểu biết rừng núi của mình để mà viết truyện. Tác phẩm đầu tay — *Y nen* — mang một cái tên đặc sệt Thượng Du, là tôi viết phỏng theo câu chuyện tôi nghe kể từ lâu, có lẽ là do anh Nguyễn văn Xuân thuật lại. (Sau này, đọc Jack London, tôi biết đó là truyện «*Sự hi-sinh của đàn bà*») Nhớ khi viết xong, tôi đọc cho mấy người bạn đồng hương thưởng thức. Đó là buổi tối, vào khoảng 8 giờ, ở trong một ngôi nhà lá thuộc về miền quê Thủ Đức, một người leo lên chiếc võng, hai người leo lên chiếc giường chờ đón tác phẩm của tôi. Tôi mới đọc được chưa đến mười phút thì nghe tiếng ngáy nổi dậy từ bề. Tôi thật nản lòng hết sức,

ngừng đọc. Một người, ý chừng bị sự chầm dứt đột ngột của tôi làm cho khó ngủ, kêu lên bằng giọng nặng nề : «Đọc đi ! đọc đi !» trong khi tiếng ngáy chung quanh vẫn cứ ồn ào. Tôi cố gắng đọc thêm ít trang nữa để họ cùng ngủ cho được ngon lành. Mãi đến sáng ngày hôm sau, một người mới chịu nhận xét : «Truyện anh viết thật khô khan». Và hẳn là truyện của tôi khô khan đến mức làm họ nản lòng, nên họ sớm tìm lối thoát trong một giấc ngủ. Người khác có vẻ thận trọng hơn nhiều, góp ý : «Viết thế người ta sẽ bảo là tuyên truyền cho Cộng sản». Tôi thực bức dọc. Viết một câu chuyện về người đàn bà hi sinh gia-đình để bảo vệ cho quyền lợi xóm làng mà cũng bị người bạn thân sợ hãi, coi như tạo đồ quốc cấm không bằng. Tôi xếp truyện lại, bỏ vào một xó, hết nghĩ đến sự sáng tác. Lúc ấy, vào khoảng cuối năm 57.

Một hôm, tôi gặp anh Lương Minh Đức, khuyên tôi nên viết cho tờ Bách-Khoa. Vốn nhiều hảo ý đối với bạn bè, anh hứa giúp tôi chuyển bài đến tận tòa soạn. Tôi về loay hoay không biết nên viết truyện gì cho hợp khẩu vị của người Sài-gòn. Đến thăm anh Trường đình Cử nghe nhạc sĩ Lê trọng Nguyễn kể một câu chuyện em bé học đàn dương cầm, xúc động vì những bản nhạc quá đời sâu thẳm do anh vô tình chỉ dẫn, tôi nghĩ «đó là đề tài thích hợp», về viết «*Những giọt nước mắt trên đàn dương cầm*» Câu chuyện thật là đơn giản, nhưng tôi yêu thích ở điểm nó hòa hợp được trách nhiệm của người văn nghệ và người dạy học. Dù cái tính chất của văn nghệ sĩ và người giáo sư không giống như nhau nhưng cái mục đích của họ vẫn chung là

một. Căn cứ vào các phương tiện thực hiện khác nhau để tách biệt họ ở trên nhiệm vụ, là cái quan điểm suy luận hình thức, dấu hiệu của một phân-ly suy đồi. Đó là truyện ngắn đầu tiên tôi gửi cho tờ Bách Khoa, một bước dò dẫm làm quen với một khung cảnh mới lạ, trong cái môi trường tiêu thụ hoàn toàn mới lạ. Truyện này, hiền lành như một bài luận khá dài, không cho tôi thấy thêm được gì hết, ngoại trừ một ít bạo dạn trong sự sáng tác. Tôi đem câu chuyện *Y Nen* vắt vào trong xó ngày nào, gửi đến với biệt hiệu khác. Món tiền tiền thù lao hậu hi, sốt sắng của tờ Bách Khoa đem đến cho tôi một ít phần khởi. Tôi nhớ những xóm nhỏ ở quê nhà, bọc quanh bãi cát hoang vu mà gia-đình tôi từng sống giữa đấy bao năm, nhớ lại những ngày tăm tối mà người dân quê nơi đấy đã sống trước năm 45, tôi muốn vẽ lại cuộc đời nhọc nhằn, tăm tối của họ từ trước và cả sinh hoạt gian khổ lớn lao của họ, về sau. Tôi viết truyện dài *Xóm Cát*, nhưng mới được một lời tựa và một chương đầu tôi đã bỏ cuộc, vì thấy vấn-đề có những đòi hỏi ở ngoài tầm mức hiểu biết của mình. Tôi đem chương đầu gửi đến tạp chí Bách Khoa với cái nhan-đề là *Miếng thịt vịt* và truyện ngắn này được sự cảm tình của khá nhiều người : cụ Vi Huyền Đắc nhấn tin trên báo để tìm gặp tôi, và tờ Bách Khoa cũng muốn gặp mặt tác giả từ lâu vẫn nhờ anh Lương Minh Đức làm người môi giới. Trong cuộc phỏng vấn về truyện ngắn hay, do anh Ngu-Í đề xướng trên tạp chí này, một đôi tác giả quan tâm đặc biệt đến tác phẩm ấy. Tuy vậy, một thời gian sau, kiểm điểm trở lại, tôi thấy những cảm tình ấy dù rất nồng hậu vẫn có chút gì bấp bênh. Tôi nghĩ rằng

người ta yêu thích nó như yêu một khung cảnh lạ, mà cái lạ ấy là do từ một sai lầm ở nơi nhận-thức của tôi. Dù tôi cũng đã cẩn thận đề chữ ở trên tác phẩm là "đề nhớ lại những ngày tăm tối trước năm 45", tôi vẫn làm cho người đọc có một quan niệm sai lầm về người dân quê. Có lẽ vì tôi đã chiều theo cái thị hiếu người đọc, có lẽ vì tôi không có quan niệm thật đúng và thật rõ ràng đối với nông dân nên chỉ thể hiện được những khía cạnh xấu xa và bám víu vào những sinh hoạt cũ, những sinh hoạt thật đặc biệt. Tôi nhận thấy được hai điểm, qua truyện ngắn này: về mặt khách quan, là cái đối tượng nông dân, xưa nay chưa thấy có ngòi bút nào thể hiện một cách trung thực. Những bài bát cú luật Đường đơn giản của cụ Nguyễn Khuyến, từ một thuở nào xa xưa, có lẽ còn cho ta thấy ít nhiều nét thực về lớp người ấy, dù lời thơ cụ còn mang đậm đà dấu vết cảm nghĩ của một nhà nho, với cái tư thái ung dung nhàn tản, với cái quan điểm chú trọng quá nhiều đến những trở lực thiên nhiên mà coi nhẹ phần trở lực chính trị. Hẳn là một số tác giả phong kiến còn thấy nông dân, dù thấy thiếu sót, hơn là những văn nghệ sĩ sống đời trưởng giả. Những lớp người này nhìn người dân quê một cách sai lạc, với hai khuynh hướng rõ rệt: hoặc *thị vị hóa* nông thôn với cái ý tình lãng mạn, chuốt lục tô hồng ở trên thực tế, nhìn đâu cũng là gạo trắng trắng thanh, lúa quê ngào ngạt, câu hò tình tứ, tưởng đời dân quê là một thiên đường, hoặc *lầm than hóa* nông thôn, với cảnh bùn lầy nước đọng tối tăm, muỗi mòng, trộm cướp, như tưởng đời sống nông dân là chốn địa ngục. Hai cái khuynh hướng có vẻ như đối nghịch này chỉ là hai mặt của một

trạng thái tinh thần, đó là trạng thái quay lưng lại với nông thôn, đúng hơn là quay lưng lại với những kêu đòi khẩn thiết của người dân quê, từ chối một sự can thiệp hợp lý, tích cực vào những vấn đề nông dân. Bởi lẽ tôi điềm, về với cho một thực tại còn nhiều đau khổ là đã cố tình làm ngơ trước đau khổ ấy, và chỉ nhìn thấy khía cạnh xấu xa, thô bỉ của một thực tại không thiếu lớn lao, cao đẹp, cũng là một cách phủ nhận cái thực tại ấy. Làm đẹp đề khỏi bận tâm lo nghĩ, cũng như làm xấu đề có lý do xa rời. Đó là hai cái biểu hiện thông thường của sự thoát ly thực tế, và cái động lực sâu xa của thoát ly ấy là lòng ích kỷ của những con người mãi miết bận tâm về mình, chỉ muốn tìm thấy chung quanh một sự hưởng thụ, và nếu không thụ hưởng được thì vội xa lánh.

Về mặt chủ quan, tôi thấy rõ hơn văn nghệ chúng ta hiện tại đa số là thứ văn nghệ tiềm thức, trong đó các thứ ần ức là một động lực chính yếu. Dù nó có khoác một số lập luận này nọ rất là lý tính, với những dáng điệu bình tĩnh, và một phong thái suy tư, thì đó cũng chỉ là sự lừa mị, cốt gây ảo tưởng cho mình và cả cho người, chứ cái cơ sở phát khởi vẫn là một số thèm muốn hoặc những mặc cảm đủ loại, từ lâu hục hặc mà không tìm ra lối thoát. Cả trong một số nhà văn viết về chủ đề xã hội cũng vậy, bởi ta chỉ thấy ý thức của họ lảng vảng bên ngoài như kẻ gác cổng, soát vé, chứ cái sân khấu đích thực của các tuồng tích vẫn dành cho những thành kiến cũ kỹ, mặc cảm hỗn độn, ần ức nhiều mặt. Nói một cách khác, vấn đề xã hội mà họ thể hiện chỉ có trình độ cảm tính chứ chưa đạt đến lý tính, và thay vì phải quan sát hiện tượng xã hội một cách nghiêm nhặt để đạt tới những

nhận định căn bản thì họ đã từ xã hội quay về với chủ quan mình, lấy ngoài làm trong, lấy chung làm riêng, lấy các sinh hoạt ngoại giới làm những biểu hiện nội tâm.

Tôi tự thấy rõ sau các tác phẩm nói trên, mình đúng là người chậm tiến vì không đuổi kịp bản chất thực tại. Cố nhiên tôi vẫn nghĩ rằng những người cứ viết loanh quanh về cá nhân mình bằng một giọng điệu làm ra một mối, chán chường, hoặc những người chỉ đồ đi đồ lại một số khía cạnh đời thực bằng một giọng điệu phóng túng, ra vẻ khinh bạc, lại càng chậm tiến hơn nữa. Mỗi cản trở chính của người sáng tác vẫn là bản thân của mình, và anh Kiêm Minh khi viết về «*Sự nặng nề của đôi cánh chúng ta*» có lẽ cũng đã thú nhận một sự bất lực tương tự. Nhưng có đôi cánh, dù là nặng nề, cũng vẫn có thể vượt khỏi được cái hàng rào thấp bé vây quanh. Đây chính là sự nặng-nề của thân xác mình, trong đó dĩ-vãng bao đời là một hành-lý công kênh dể hiển chúng ta bải-hoải trên các chặng đường, chực tìm bóng mát nghỉ chân hoặc chạy mơ hồ theo những «con suối mùa xuân» — mượn chữ của anh Võ Hồng — mà không bao giờ bắt gặp.

Có lẽ phát khởi từ những buồn phiền bên trong vào kiểu loại ấy mà từ 58,59, tôi đổi cách viết. Một mặt để vượt khỏi cái chủ quan nặng nề của mình, tôi chọn lối viết theo lối biểu tượng, luận đề. Với những quan niệm đã được lập thành một cách rõ ràng như những nguyên tắc cứng rắn, tôi không sợ mình đi lạc, và cứ tự do chọn đủ giọng điệu để mà diễn tả, hoặc cổ-kính như *Bút máu*, hoặc cười cợt như *Ông thần bất đắc dĩ*, hoặc

đơn giản như *Một chuyến xe*, hoặc pha nửa kịch nửa truyện như *Người nữ tì*, cả xưa và nay như *Vàng tháp Hời*, cả kinh và thượng như là *Mùa Xuân trên đỉnh non cao*... Tôi viết đủ giọng để có ảo tưởng về sự phong-phú của mình nhưng xét cho cùng trong phương thức ấy có sự lảng tránh một cái nhược điểm, đó là không đủ khả năng thể hiện cho đúng bản chất thực tại bằng một ngôn từ sinh động rút từ thực-tại. Tôi cũng nghĩ rằng nói cho lắm điệu như thế thì mình có nhiều độc giả, bởi vì độc giả tất phải có những khiêu thích khác nhau và họ cứ việc tùy nghi lựa chọn cái gì mà họ nhận thấy phù hợp ở trong tác phẩm. Tuy vậy, độc giả có thích hay không là điều mà tôi chưa kiểm chứng được. Chỉ sau khi tôi đăng *Vàng Tháp Hời*, anh Võ Phiến có đưa cho tôi xem bức thư một nữ độc giả gửi đến cho anh, tán thưởng truyện ấy qua một lời thư như sau : «*Ông Võ Phiến ạ, em thích truyện Vàng Tháp Hời của ông Võ Phiến lắm đó, ông Võ Phiến ạ*».

Sáng tác như thế quả không có gì hứng thích để mà xuất bản. Tôi thấy trong sự viết lách của mình có một thái độ lẩn trốn thực tại, và tôi tự chán ghét mình. Có khi tôi bỏ hàng năm chẳng muốn viết lách gì nữa, nhưng nhờ rất nhiều ở sự khuyến khích của tòa soạn tờ *Bách Khoa*, đặc biệt là anh Lê Châu, mà tôi trở lại với nghề. Con người văn nghệ đã xây khá nhiều thứ hầm trú ẩn để tự nhốt mình và nhốt bao nhiêu kẻ khác, hầu rủ rê nhau quay lưng lại sự kêu cứu ngoài đời. Câu chuyện hoang đường, thái độ hoài nghi, tâm sự cá nhân, bản khoản siêu hình, cái đẹp thuần túy, sự thật trừu tượng, con người viết hoa, tình thương

mơ hồ, v.v... đó là bao nhiêu hang đá cho các đạo sĩ văn chương mặc sức ẩn mình. Và các câu chuyện đường rừng của tôi, dù đã cố gắng cho khỏi phù phiếm, cũng là biến thể của một thoát ly.

Vì vậy tôi đã từ chối nhiều lần các lời đề nghị xuất bản, nghĩ rằng đề các truyện ấy tản mát, nó sẽ chìm trong quên lãng. Một đôi truyện được Bút Việt đem dịch ra đề gởi các cuộc thi quốc tế, cuối cùng đến ngày đem gởi, tôi cố lách mặt. Mãi đến 63, anh Trần Phong Giao lập nhà xuất bản Giao Điểm, thúc đẩy nhiều lần đề tôi in tập *Vượt Thác*, tôi thấy anh em đã dành quá nhiều cảm tình với mình, nên xin chiều ý. Trong lời giới thiệu của nhà xuất bản về quyền sách ấy, anh Trần Phong Giao có cái hảo ý gọi sự không chịu gởi bài dự thi nước ngoài của tôi là một thái độ khiêm tốn. Thực ra, tôi có khiêm tốn hay không là điểm mà tôi vẫn còn hồ nghi. Đúng hơn là tôi không ưa những gì mà tôi đã viết, vì nếu ưa thích thì không người cầm bút nào lại chẳng mong muốn một sự phổ biến rộng rãi công trình của mình. Vẫn trong lời giới thiệu ấy anh bạn Phong Giao còn bảo tôi không in sách là tại tôi lười. Nhưng khi viết thể anh cũng đã cố bênh vực cho tôi, đề một số nhà xuất bản khỏi lấy làm điều phật ý, chứ thực lúc đó tôi dạy hàng tuần đến 60 giờ, dạy ngày luôn đêm, đến tờ tuần báo Văn Đàn phải kêu là «làm nhiều quá», và sau những đêm chấm bài mệt mỏi còn thức viết cho kịp các kỳ báo, như lần viết truyện *Bút máu*. — xin lỗi độc giả — tôi phải... đại tiện ra máu, thì thật cũng hết đường... lười. Nhưng sau khi in *Vượt Thác* tôi nghĩ sự việc đã như vậy rồi thì nên như vậy, và tôi lại phải cho in *Mùa xuân trên đỉnh non cao*, rồi tới

Chất Ngọc, *Cha mẹ bơ vơ*, *Đọc lại truyện Kiều*, *Ngôi trường đi xuống*. Đề sự kiểm điểm này được cụ thể, tôi nên ghi rõ trong mười năm viết nhiều loại lan man, thuộc về sáng tác, tôi còn giữ được cảm tình với hai truyện ngắn, đó là *Bút máu* và *Một cái Tết giữa rừng*, còn trong tác-phẩm *Đọc lại truyện Kiều* chỉ tạm bằng lòng với mỗi vấn đề «*Từ Hải, sự lỡ tay của thiên tài*». Ngoài ra, hoặc về nội dung, hoặc về hình thức, tôi cảm thấy còn quá nhiều thiếu sót, lệch lạc.

Kể ra, trong mười năm nay tôi đã viết quá nhiều thứ vụn vặt, linh tinh, đề đáp lại cái nhu cầu của những tờ báo, hoặc của tình hình văn nghệ, và cái giá trị của các loại này chỉ có tính cách đối phó giai đoạn mà thôi. Vốn quan niệm rằng một người cầm bút không thể không nhận lấy cái trách nhiệm góp phần làm cho xã hội thêm phần tốt đẹp, tôi không từ chối những công việc nào mà ngòi bút mình có thể làm được trên tinh thần ấy. Bởi vậy, trước sự biện diện đông đảo của loại kiểm hiệp hoang đường tung ra những «chương» lừa mị, hầu xô đẩy ta khỏi những trách nhiệm tinh thần mà xã hội đang đặt định, tôi đã viết loại sách *Võ hiệp mới*, như *Sấm Động Châu Giang*, *Bốn bề Anh Hùng*, *Nữ hiệp kén chồng*, *Anh hùng mặt sắt*, *Kiểm đao ba thước giang hồ ngàn năm*, là cốt vẽ lại một kiểu anh hùng cho hợp lý hơn, và điều cốt cái lẽ lối anh hùng cũ kỹ, phiêu lưu vong mạng, chỉ hoạt động vì ý muốn cá nhân hơn là xã hội. Sự chứng kiến những trái nghịch trong nền giáo dục và các hiện tượng suy đồi của nó, bên cạnh bao nhiêu cố gắng không ngừng của kẻ mở trường, của kẻ dạy học, và kẻ đi học, khiến tôi viết thiên phóng sự *Trường tư hai mặt*, đăng

ở nhật báo Dân Chủ và cũng trên tờ báo này tôi đã viết thiên phóng sự *Năm mươi bốn phường phố Sài Gòn có gì lạ?*, cốt khôi phục lại những cái giá trị cao đẹp của một thành phố lớn lao, mà nhiều người vẫn quan niệm dễ dãi là thành phố của nhậu nhẹt, của điểm đảng và của áp phe.

Nhưng đối với tôi, một cái biến cố quan trọng trong đời viết lách của mười năm qua, là việc phê bình. Đó là công việc vừa thú vị, vừa nguy hiểm, đem lại cho bản thân tôi khá nhiều những người bạn thiết và những kẻ thù, cùng vô số những kỷ-niệm sâu xa. Tôi xin được phép nghĩ rằng nói về những năm phê bình đã qua và nói về một thái độ văn nghệ của tờ tạp chí Bách Khoa, và chỉ có tạp chí này mới chịu một sự cố gắng mệt mỏi như thế về phương diện ấy. Đồng thời cũng là nói về một số hiện tượng văn nghệ trong khá nhiều năm ở trong xã hội chúng ta, cùng những thăng trầm sinh hoạt mà chúng ta đã chịu đựng.

Hình như vào khoảng 59 hay là 60 gì đó, tờ soạn Bách khoa nhận thấy tạp chí còn thiếu một khoa hết sức quan trọng đối với sinh hoạt văn học nghệ thuật, là việc phê bình. Những người trông nom tờ báo trực tiếp với các anh em văn nghệ lúc ấy là anh Hoàng Minh Tuynh và anh Lê Châu, hai người với hai phong thái khác nhau đã góp phần tích cực để xây dựng tờ báo: Anh Hoàng Minh Tuynh, *« vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa »* đón tiếp các văn nghệ sĩ một cách cởi mở. Với ai, anh cũng muốn họ có thêm vốn liếng kiến thức và sẵn sàng đề cung cấp sách đọc, dù phải mua bằng giá đắt. Sau này anh đã ngồi cắt các bài trong báo ngoại quốc ra từng loại mục

để gửi cho từng anh em, căn cứ vào cái khiếu thích,, sở trường mỗi người, để họ đọc thêm hoặc làm công cuộc dịch thuật tùy thích. Một cái sáng kiến giúp đỡ anh em như thế không phải là không tốn kém thì giờ, phí hao tiền của. Còn anh Lê châu, *« ở ăn thì nết cũng hay, nói điều ràng buộc thì tay cũng già »* mạng sự nhẩn nại ra làm sức mạnh, giải quyết được mọi vấn đề trên một tiêu chuẩn thực tế, theo cái lương tri bén nhạy của một tinh thần trí thủ vững chắc, tìm đủ cách để cho tờ tạp chí khỏi bị lay chuyển từ trên nền tảng. Do đó tòa soạn Bách Khoa thời ấy có một lề lối làm việc tập thể, và tối thứ tư hay là thứ ba hằng tuần anh em quây quần thảo luận về các vấn đề cùng là nhậu nhẹt. Nói là nhậu nhẹt cho hợp thời thượng, chứ không anh nào uống quá một ly lave, và chỉ có anh Cô Liêu, Xuân Hiến và tôi thỉnh thoảng còn biết phỉ phà một điệu thuốc thơm, chứ hầu như các anh em đều là tu hành bất đắc dĩ cả.

Những cuộc họp mặt như thế thường rất thân mật, vui vẻ. Anh em nhận xét những bài đã viết, bàn về những bài dự định, nói đủ thứ chuyện lan man ngoài đề, nhưng không bao giờ nói xấu một ai. Chỉ có thỉnh thoảng bàn đến chính trị mới gặp ít pha gay gắt bởi lẽ không anh nào chấp nhận được quan điểm của anh nào cả. Giữa sự căng thẳng cao độ, bao giờ anh Lê Châu cũng can thiệp, cho *« dè và bấp cỏi »* đều được thân thiện và cái nguyên tắc *« không được bàn đến chính trị »* lại được nêu ra một cách khần trương, trong khi các món đồ ăn lại được tăng cường để cho mọi người khuây-khoả bớt cái bấn-khoăn thời cuộc.

Chính trong những phiên thảo luận tập thể như vậy mà vấn đề phê bình, sách được đặt ra. Tòa soạn kêu gọi mỗi người nhận lấy công việc khá bạc bẽo ấy, anh em từ chối, cho mình không có thói quen viết về loại đó, nhưng hình như trở ngại chính vẫn là sợ sự «đụng-chạm» với các tác-giả. Trong không-khí văn-nghệ của nhiều năm qua có một trạng thái cầu an rất đậm và mọi người cố hòa hoãn với đồng nghiệp để mua một cuộc sống giả.

Cuối cùng tôi đã nhận lãnh điều đó với một nguyên tắc là phải hội-ý tập thể để bài phê bình phản ảnh cho được một thứ quan điểm phổ biến.

Bài phê bình đầu tiên của tôi là đọc quyền *Đêm không hết* của anh Nguyễn Phúc. (Lúc ấy chỉ có mỗi một quyền ấy là có chữ «đêm» ở nhan đề sách. Bây giờ thì nào là *Đêm tóc rối*, *Ngoài đêm*, *Đêm dài một đời*..., những đêm là đêm. Làm như người ta càng lúc càng quên ban ngày.) Bài ấy quả là một mớ lúng túng và anh Nguyễn Phúc hẳn không lấy gì làm vui khi đọc đủ loại ý kiến như vậy. Dần dà chúng tôi thấy rằng người ta không thể phê bình mà không có một chỗ đứng vững chắc. Một cuộc thảo luận xảy ra và nhiều anh em cùng đồng ý rằng một người cầm bút không thể thoát lý xã hội của mình. Trên nhận định cá nhân là một bộ phận của xã hội, và văn - nghệ là một phương tiện do xã hội tạo dựng, mỗi người cầm bút chỉ nên tự phát huy mình trên chiều hướng làm lợi ích cho xã hội, thì mới được coi như là không phản bội lại bản thân và không đi ngược lại sự phát triển của cái cộng đồng sinh hoạt mà mình đang sống. Nhưng thế nào là

làm lợi ích, đó là vấn đề gây nên khá nhiều nhận-định dị-biệt. Phương tiện văn nghệ không giống như là phương tiện giáo dục, nặng về truyền giảng, hoặc như chính trị, nặng về thuyết phục, mà dùng ngôn từ gợi cảm, qua những hình ảnh cụ thể thâm nhập vào trong sự sống độc giả, lay động tinh thần của họ về một chiều hướng. Và chiều hướng ấy là nâng cao đời sống của mọi người. Như vậy chúng ta phải dựa vào cái thực trạng cụ thể của xã hội mình mà mô tả, đồng thời dẫn dắt cảm xúc người đọc về một kêu đòi tốt đẹp, cụ thể là về tự do, dân chủ, trong đó phẩm chất con người được vun bồi, khả năng con người được phát triển.

Thật không có gì vô lý và tàn nhẫn hơn khi đất nước của chúng ta đang nghèo đói, loạn-ly, thất học, suy đồi mọi mặt mà kẻ cầm bút có sẵn trong tay một thứ vũ-khí ý-thức lợi hại lại sử dụng nó như chổi lông gà quét bụi tủ chè, hoặc biến nó thành món đồ trang sức phù phiếm hay một phương tiện kiếm tiền thô bỉ. Trong thực trạng đó, văn học nghệ thuật của các xứ sở Tây Âu, Bắc Mỹ phát sinh từ các xã hội no đủ, thanh bình hơn ta, sẽ không giúp ích gì cho ta được, mà phải tìm hiểu văn nghệ Ấn Độ, Nam Dương, Đại Hàn, Nhật Bản, Trung Hoa các nước Nam Mỹ, các nước Phi Châu, vì họ với ta có khá nhiều điểm tương đồng, có thể giúp ta tự thấy mình hơn, và các món ăn của họ sẽ hợp cơ thể ta hơn. Tất nhiên, một khi đất nước thanh bình, xã hội ấm no, thì người văn-nghệ có quyền nói đến những chuyện phiêu-lưu phù phiếm, có thể cầu-kỳ, làm dáng cho vui cuộc đời. Sáng tác, cũng như phê bình nhất-định phải bám vào những nhu

cầu thiết thân của những hoàn cảnh đất đất nước. Cái lối tiếp thu bừa bãi theo một tinh thần tứ xứ chủ nghĩa, nô vong, là sự phá hoại văn nghệ, phá hoại dân tộc.

Dựa vào nhận định như thế, chúng tôi thấy khó mà chấp nhận được cái lối viết văn chỉ cứ loanh quanh trong sự phân tích tâm tư cá nhân vụn vặt, con đẻ của cái xã hội no đủ và ích kỷ tây phương, đồng thời cũng không thể nào hoan nghênh cái lối phôi bày sự thật xấu xa, không phải để ta chán ghét nó hơn mà để biện hộ cớ vớ cho nó lan tràn mạnh hơn. Tôi đã dựa vào các nhận định trên mà đi dần vào nền nếp phê bình một số tác phẩm tiêu biểu của nhiều năm qua. Cùng với thực tế của công việc làm những nhận xét về tác phẩm của tôi có phần dễ dàng hơn trước và sự tìm hiểu cũng có hứng thú nhiều hơn. Nhất là một số nhà văn dù bị những sự phê phán ít có thiện cảm của tôi vẫn bày tỏ sự niềm nở, tín nhiệm làm cho tôi rất xúc động như trường hợp của ông Đỗ Thúc Vịnh và nhiều người khác mà tôi có dịp trình bày trong cuộc phỏng vấn của tờ Tin Sách vào năm 64. Có những độc giả ở tận bên Pháp gửi lời về thăm sức khỏe, mong cho tôi được mạnh giỏi để mà... phê bình. Có những độc giả phái nữ, thấy tôi ký Cô Phương Thảo, ngỡ là cùng giới, nên khi mùa mưa bắt đầu đã gửi từ Huế vào cho chiếc nón bài thơ, và tôi để treo ở Toà Soạn, vì nghĩ nó phải là của anh em. Bởi vì, lựa chọn phê bình quyền nào, đó là công việc tập thể, tôi được hưởng quyền phủ quyết, nhưng bị cái tính cá-nề nên ít khi tôi chối từ. Có những quyền sách như *Kỷ niệm văn thi sĩ* của Bằng Bá Lân tôi

đã từ chối đến lần thứ ba mới chịu nhận lời, vì tôi không muốn phê bình lại một tác-phẩm phê bình. Tuy sau này nhà thơ Bằng Bá Lân có cho đăng báo và in trong sách kế tiếp rằng tôi ghen ghét tài năng ông ta và đã lập tâm «báo thù» bằng cách dụng tâm phê-phán kể từ khi quyền sách ấy chưa ra... chào đời, nhưng chúng tôi kiểm điểm lại, thấy bài của mình có khe khắt quá, nên nghĩ rằng người bị sự phê bình có quyền phản ứng cho đỡ buồn bực. Vì đã phản ứng một cách hơi xa sự thực như vậy, hẳn là người ta cũng không thể nào mà vui vẻ được. Gặp những trường hợp như thế, ban đầu tôi thường nóng nảy muốn trả lời lại một cách cho quyết liệt hơn, nhưng sự can thiệp của các anh em ở trong tòa soạn bao giờ cũng đủ lý lẽ cho tôi phục hện. Trong sự bình tĩnh và khách quan, anh em nhìn đúng, nhìn xa hơn mình. Tất nhiên đó chỉ là một trong khá nhiều nổi bực mình của nghề điểm-sách, nhất là điểm sách giữa một tình trong văn nghệ «sứ-quân» như xã hội ta lâm vào. Tôi thường bất bình với anh Lê Châu, vì đại-diện cho tờ báo, anh đã kiểm-đuyệt bài tôi hết sức gắt gao, và có nhiều bài phê bình tôi phải viết lại đến lần thứ ba mới gần đúng ý tòa-soạn. Tôi thường bênh vực bài mình rất hăng, tưởng như không nhượng bộ được, nhưng rồi tòa soạn vẫn thắng. Thường thì lúc đầu tôi chịu nhượng bước để cho anh em kiểm duyệt một cách «phũ - phàng» không phải vì tôi thấy anh em đã nói đúng mà chỉ vì thấy anh em đối xử rất tốt với mình. Chỉ có về sau, ngẫm nghĩ trở lại, mới thấy ý kiến tòa-soạn là thật phải-chăng. Tuy vậy, dù đã làm việc một cách thận trọng, đã lấy ý kiến anh em đóng góp, và thường đợi cho người ta phê-bình ở các tờ báo mình

mới bày tỏ ý-kiến về sau, tôi vẫn không tránh được một số điểm lệch lạc. Sau 5 năm phê phán sách, tôi có nhận xét vào năm 64 ở tờ Tin Sách, về sự gay gắt của mình đối với một số tác-phẩm công-phu. Một phần là tôi cố-định trên một nhận-thức lý tưởng nên ít thông cảm với nỗi khó khăn của một số người, do đó đánh giá chưa đúng những sự cố gắng, dù là cố gắng tuyệt vọng của họ. Nhờ có nhiều năm trải qua, tôi cũng là người sáng tác, nên cuối cùng tôi cảm thông với họ một cách dễ dàng hơn trước. Không cùng cảnh ngộ, hoặc không đặt mình vào những điều kiện của người, thật là khó lòng cảm thông với người. Bây giờ tôi vẫn còn thấy cái phần nhận thức làm nguyên-tắc cho công việc phê bình tác-phẩm của mình trong mấy năm qua là đúng, nhưng cách thực hiện thì lại có những nhược điểm.

Vào năm 64, tôi già từ nghề phê bình. Ở bài trả lời cho Tin Sách tôi có làm cuộc kiểm điểm sơ lược, và quả tình tôi thấy mình không sao trở thành một nhà phê bình chuyên nghiệp. Tôi không thích cái ngành đó, và sự ưa thích ở đây cũng còn là một lý lẽ đáng kể.

Mãi đến 65, được đọc một bài nhận xét về Các ông giáo trong văn chương của anh Lữ Phương, tôi thật là mừng. Bài này gởi đến tuần báo « Hồn trẻ » rồi sau chuyển lại Bách Khoa nhưng không được đăng, vì có chỉ trích một số tác giả đang còn cộng tác với tạp chí ấy. Cái tinh thần của tạp chí Bách Khoa là phải bảo vệ những người cộng sự với mình trước hết. Dù chưa biết anh Lữ Phương là ai, tôi xin bài ấy để đăng lên tờ Dân-Chủ. Sau này Bách Khoa nhận được một bài góp ý với anh Thế-

Uyên về Mười ngày phép của người lính và một bài biên khảo về ngôn ngữ học khá tinh vi của anh Lữ-Phương, từ Long Xuyên gởi về. Bách khoa không thích vấn đề ngôn ngữ rắc rối, vì sợ ít có độc giả, nên chỉ đăng có bài phê bình sách. Tuy bài của anh Lữ-Phương nói về tác giả Thế Uyên chưa đào thật sâu, và qua một bài phê bình đầu tiên, anh ấy tỏ ra còn nhiều dè-dặt, chúng tôi cũng thấy được một cái nhìn sắc gọn và lối hành văn đanh thép, theo một chiều hướng dân chủ, xã hội khá rõ. Tôi rất sung sướng khi đọc nhiều bài mà anh ấy viết, vì thấy có người bạn mới tiếp nối công việc với nhiều nhiệt tình. Chính sự dôi dào nhiệt tình này làm cho ngòi bút anh gặp đôi nhược điểm mà một số người tỏ ra không mấy tán thành, nhưng gác một bên những cái sơ suất tất nhiên và dễ khắc phục của những bước đường đầu tiên, tôi thành thật nghĩ rằng anh Lữ Phương có nhiều năng khiếu hơn tôi về môn loại này, và mong mỗi anh sớm trở thành nhà phê bình văn học có uy tín của miền Nam.

Còn về sức khỏe, cùng những điều kiện cuộc đời cho phép tôi quay lại với ngành kịch thì đó là điều thủy chung mà tôi âm thầm ao ước. Tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi sự tương phản giữa ánh sáng ngoài sân khấu và bóng tối trong hậu trường giữa vẻ rực rỡ phần son và nét ứa tàn thực-tại, giữa nỗi vui buồn chia sẻ khi còn làm người khán giả với những băn khoăn, xao xuyến khi ta về lại với ta. Đó là những thứ hai mặt song song còn làm sự sống, và sức lôi cuốn của cuộc đời này.

Tuy nhiên, nghĩ đến những năm viết kịch, rồi sang nghề dạy, rồi viết tiểu

thuyết, rồi làm phê bình, tôi cảm thấy sự sô đẩy màu nhiệm của cuộc đời và thường tự hỏi mình sẽ chấp nhận những ngành nghiệp gì khác nữa, giữa một cuộc sống không ngừng khai triển, đòi hỏi sự cố gắng của mọi người ?

Tóm lại, viết về mười năm cầm bút mà tôi không đem lại cho độc giả một cống hiến nào tích cực, ngoài những sự việc lan man. Thật ra cái tiếng mười năm chỉ có ý nghĩa đối với một tờ tạp chí có phần khắc khổ, cố gắng không ngừng đề mà giữ lấy một sự hiện diện cần thiết cho những sinh hoạt tinh thần, còn trong sáng tác chúng tôi, năm tháng từ lâu

đã hết trở thành giới hạn.

Cho nên điều mà chúng tôi có thể kết thúc qua cái tiêu-chuẩn « mười năm cầm bút » lại là một số cảm-nghi đã cũ mòn rồi : Mười năm qua mau, mười năm có biết bao nhiêu là chuyện không sao kể xiết. Mười năm... Mười năm...

Nhưng rồi cuộc lại chỉ ghi chép được ở trên giấy trắng mực đen một số sự việc nghèo nàn, chẳng biết thời gian có buồn lòng không? Mong rằng trôi mau như thế, thời gian chắc không có đủ thời gian để mà buồn lòng.

VŨ HẠNH

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Văn phái làm nhảm

Nhà phê bình văn nghệ ở Pháp là Matthieu Galey vừa đề nghị đặt ra một trường phái văn học mới cho thế kỷ thứ XX : tên nó là *phái làm nhảm* (école du bavardage). Tờ sư của phái này? Xin được suy tôn James Joyce.

Theo M. Galey thì từ khi J Joyce bày đặt ra cái món độc thoại, tiểu thuyết có khuynh hướng biến thành những chuyện đầu cua tai nheo, lộn vụn lặt vặt, trong đó tác giả không có ý kể cho ai nghe mà là kể cho tự mình nghe, không kể bằng câu

văn chải chuốt mà bằng thoại ngữ. Truyện phần nhiều không có gì đáng chú ý, cốt làm nổi bật lên tính cách nhảm chán vô vị của cuộc sống hàng ngày đều đều buồn tẻ, càng tần mần đi sâu vào càng đâm chán. Chính vì thế mà các tác giả lại thích tần mần tỉ mỉ đi vào cho thật sâu, vì thế mà viết truyện giống như thề là thề đan từng mũi từng mũi li ti.

Nói làm nhảm con cà con kẻ dài dòng liên miên bất tuyệt cũng như ngồi đan từng mũi nhỏ, đó là sở trường của các cô các bà. Đó, vì vậy mà M. Galey cho

rằng sự thành công của những Nathalie Sarraute với Marguerite Duras không phải là tình cờ.

Nhà phê bình cũng nói rõ rằng khuynh hướng này phát triển được trong vòng 50 năm gần đây.

Lại giải văn-chương

Những giải văn chương ở xứ ta, nhiều người coi như không có uy tín mấy. Tuy vậy xung quanh các giải, trước và sau mùa giải thưởng cũng có những dự đoán, những tường thuật, gây tranh luận, khá sôi nổi. Ở Pháp, một tác giả cho xuất bản cuốn truyện tên là *Phama*, *Prix Goncourt*, đề công kích giải Goncourt. Tác giả cuốn này là Jean-Charles, người đã thành công với cuốn *La foire aux Cancres* bán ngót 1 triệu 20 nghìn bản (nghĩa là chạy gấp 4 lần một cuốn sách trúng giải Goncourt).

Lại ông Djilas

Milovan Djilas vào tù sau khi cho in mấy tác phẩm trái với đường lối chính phủ Tito. Ông mang họa vì sách, nhưng thực ra không phải vì văn chương. Bởi vì những cuốn sách ấy cốt phơi bày những tư tưởng chính trị.

Thế nhưng rồi trong nhà tù, M. Djilas đã dần dà biến thành nhà văn, người của văn chương hẳn hoi. Ông đã dịch trọn cuốn *Thiên đường xa lạc* (*Paradis perdu*) của Milton; ông viết xong nhiều truyện ngắn và đang tiếp tục một truyện dài nhan đề là *Thế giới và núi non* (*Le monde et les monts*). Truyện mới bắt đầu được một nghìn trang.

Hẳn không khỏi có những nhà văn chuyên nghiệp mong muốn được chỗ (bắt đầu) ấy.

Người xa lạ nơi mỗi chúng tôi

Hồi sinh thời, Albert Camus không chịu cho ai quay thành phim cốt truyện *Người xa lạ*. Có lần James Dean thương lượng, cũng bị Camus từ chối.

Bởi vậy, sau này bà Francine Camus rất thận trọng dẫn đo trước khi cho phép Dino De Laurentiis thực hiện cuốn phim *Người xa lạ*.

Công cuộc tiến hành đã bốn năm nay, gần đây coi bộ sôi nổi rầm rộ, chắc là sắp xong.

Cốt truyện là chuyện Meursault giết người, nhưng ai nấy đều biết vai trò chính ở đây là... mặt trời. (Nói cách khác, là cái nắng gay gắt). Mặt khác, tuy là chuyện của Meursault mà người đạo diễn cứ vô tình hay cố ý loanh quanh cuộc đời của A. Camus: bàn giấy của nhân vật Meursault được đặt tận chỗ làm việc của Camus ngày trước, căn phòng trọ của Meursault được bố trí ở cách ngôi nhà mà Camus đã sống với mẹ ngày xưa năm chục thước v.v...

Bà góa phụ Camus đã chọn lựa gặt gao một nhà đạo diễn cho xứng đáng với công trình nghệ thuật của chồng. Nhà đạo diễn ấy — Luchino Visconti — đã tuyên bố quan niệm của ông về *Người xa lạ* như sau: «Con người ấy có vẻ quái gờ hồi 1942 khi Albert Camus cho xuất bản tác phẩm của người. Nhưng ngày nay *Người xa lạ* không còn là một người xa lạ nữa. Người ấy thuộc về mỗi chúng ta. Người ấy ở ngay nơi mỗi chúng ta.»

Chỉ cần thêm: bởi vậy ngay mỗi chúng ta cần phải nhìn xem người ấy trên màn ảnh. Chỉ cần có thế là nhóm ông Visconti hốt bạc.

Thơ văn của họa sĩ

Khi một nghệ sĩ chuyên về bộ môn này mà lại ghé tạt qua bộ môn nọ để giải trí thì thường làm được lắm trò độc đáo, vì không có thành kiến. Jean Arp là một nhà danh họa, kiêm điêu khắc gia, qua đời hồi tháng 6-1966. Người ta vừa xuất bản một tác phẩm dày gần 700 trang của ông, gồm đủ thứ: thơ, truyện ngắn, hồi ký, lộng ngữ, cách ngôn v.v... Trong đó có những câu lý thú như thế này:

« Ôi, thế giới nhỏ bé làm sao — Ôi, quả anh đào thật là to lớn. »

« Rồi đây người ta sẽ nói về sự im lặng như nói chuyện huyền hoặc hoang đường. Con người xa rời sự im lặng... »

Người ta còn nhớ Tản Đà có lần triển lãm tranh. Và tranh ông cũng độc đáo.

Thư của văn sĩ

Những tác giả nổi tiếng trước kia được người đời sau sưu tầm các bức thư do họ gửi cho bạn bè thân thuộc, đem ra in, xuất bản, và coi như là rất bổ ích cho việc tìm hiểu tư tưởng của họ. Thư của Flaubert, của Kafka, của Voltaire v.v... được xem là tài liệu quý. Có người như bà De Sévigné, tác phẩm văn chương của bà chính là thư từ.

Ngày nay, các văn thi sĩ hiện đại có vẻ

như không còn có loại tác phẩm ấy nữa. Ở các nước văn minh, nhà ở thường có điện thoại riêng, có việc gì cần người ta gọi nhau nói một hồi là hết. Thì giờ lại ít ỏi, ngồi viết thư cho bạn bè thật phí. Jean Marie Le Clezio bảo là rất ít viết thư cho ai, họa hoằn có điều phải viết thì nguệch mấy chữ sau tấm lưng bưu thiếp in hình màu, « như vậy người nhận thư ít ra cũng được xem một mặt thư lý thú ». Eugène Ionesco cho rằng mình làm nghề viết lách, viết chữ nào ăn tiền chữ nấy, viết thư là công việc làm thêm ngoài giờ, đáng lẽ phải ăn tiền phụ trội mà không được, vậy thì viết làm quái gì. Và lại thư từ là đặc điểm của một xã hội lễ phép, trong đó giao tình giữa người với người được đậm đà; thế mà xã hội bây giờ thì vô ngã, lạnh lẽo; thư từ mà chi nữa!

Triết học xuống đường

Cuốn *Les mots et les choses* của Michel Foucault, một số BKTĐ trước đây đã có dịp giới thiệu. Cuốn sách nghiên cứu về mối tương quan giữa cuộc sống và ngôn ngữ mỗi thời ấy thuộc vào hạng sách bán chạy nhất tại hội chợ Frankfurt. Sáu quốc gia sau đây đã mua bản quyền phiên dịch: Anh, Hoa Kỳ, Đức, Ý, Tây ban Nha và Nhật.

TRĂNG THIÊN

(1-1967)

TIN BUỒN

Được tin cụ thân mẫu ông Nguyễn duy Ninh, Hội trưởng Hội Bắc Việt Tương-tế thất lạc ngày 30-1-1967 tại Saigon, xin trân trọng chia buồn cùng ông Hội trưởng cùng tang quyến và thành kính cầu chúc hương hồn cụ sớm tiêu điều miền cực lạc.

LÊ-NGỘ-CHÂU

Kiểm duyệt Số 251 BTT ngày 2-2-1967